

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023)

NAM A BANK

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 820/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2023)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

NAM A BANK

Trụ sở chính : 201- 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3929 6699
Fax : (84-28) 3929 6688
Website : www.namabank.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS



Trụ sở chính : 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 6268 6868
Fax : (84-28) 62555 939
Website : www.sbsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Võ Thị Tuyết Nga
Số điện thoại: (84-28) 3929 6699
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2023 cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP cấp ngày 22/08/1992; Giấy phép thành lập số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023)

Trụ sở chính : 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
 Email : dichvukhachhang@namabank.com.vn
 Website : www.namabank.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
 Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
 Mã cổ phiếu : NAB
 Mệnh giá : 10,000 đồng/cổ phiếu
 Tổng số lượng niêm yết : 1.058.041.615 cổ phiếu
 Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 10.580.416.150.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (riêng lẻ và hợp nhất): Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-28) 3821 9266 Fax: (84-28) 3821 9267
 Website : <https://kpmg.com/>

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (riêng lẻ và hợp nhất) và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (riêng lẻ và hợp nhất): Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 20, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-28) 3824 5252 Fax: (84-28) 3824 5250
 Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Địa chỉ : 40 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-28) 6268 6868 Fax: (84-28) 6255 5939
 Website : www.sbsc.com.vn

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	9
1.	Rủi ro kinh tế vĩ mô.....	9
2.	Rủi ro về ngành ngân hàng	11
3.	Rủi ro luật pháp.....	16
4.	Rủi ro khác	16
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	19
1.	Tổ chức niêm yết.....	19
2.	Tổ chức tư vấn.....	19
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	20
1.	Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:.....	20
2.	Từ viết tắt	20
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	22
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	22
2.	Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.....	32
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý	33
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	41
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết ..	42
6.	Hoạt động kinh doanh.....	44
7.	Kết quả hoạt động kinh doanh	84
8.	Vị thế của Ngân hàng Nam Á so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành	97
9.	Chính sách đối với người lao động.....	103
10.	Chính sách cổ tức	106
11.	Tình hình hoạt động tài chính	107
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	110
13.	Tài sản.....	132
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	134
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	138
16.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Ngân hàng.....	139
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	140
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	140
1.	Loại chứng khoán	140

2.	Mệnh giá	140
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	140
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	140
5.	Xếp hạng tín nhiệm:	142
6.	Phương pháp tính giá	142
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	144
8.	Các loại thuế có liên quan	144
VII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	147
1.	Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính	147
2.	Tổ chức tư vấn:	147
VIII.	PHỤ LỤC	148

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Các ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng Nam Á	23
Bảng 2: Những cột mốc phát triển quan trọng	24
Bảng 3: Các danh hiệu, thành tích đã đạt được	26
Bảng 4: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á	29
Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á	41
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á 30/09/2023	42
Bảng 7. Kết quả hoạt động kinh doanh công ty con Ngân hàng Nam Á	43
Bảng 8. Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	46
Bảng 9. Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	46
Bảng 10. Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	47
Bảng 11. Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	48
Bảng 12. Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	49
Bảng 13. Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	49
Bảng 14. Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Riêng lẻ)	50
Bảng 15. Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Hợp nhất)	50
Bảng 16: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Riêng lẻ)	51
Bảng 17. Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Hợp nhất)	51
Bảng 18. Phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng Nam Á	52
Bảng 19. Tình hình thanh toán gốc lãi trái phiếu	53
Bảng 20. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	55
Bảng 21. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	55
Bảng 22. Chất lượng nợ khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	56
Bảng 23. Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	56
Bảng 24. Phân loại nợ theo phương pháp định lượng của Ngân hàng Nam Á	57
Bảng 25. Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	60
Bảng 26. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 31/12/2021	61
Bảng 27. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022	63
Bảng 28. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 30/09/2023	65
Bảng 29. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Riêng lẻ)	67
Bảng 30. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Hợp nhất)	67
Bảng 31. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)	68
Bảng 32. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Hợp nhất)	69
Bảng 33. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)	71

Bảng 34. Cơ cấu dự nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)	71
Bảng 35. Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng Nam Á	72
Bảng 36. Hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)	72
Bảng 37. Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)	72
Bảng 38. Hoạt động đầu tư chứng khoán (Riêng lẻ)	73
Bảng 39. Hoạt động đầu tư chứng khoán (Hợp nhất)	73
Bảng 40. Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Riêng lẻ)	74
Bảng 41. Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)	75
Bảng 42. Doanh số kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng Nam Á	75
Bảng 43. Hoạt động dịch vụ trong nước (Riêng lẻ)	76
Bảng 44. Hoạt động dịch vụ trong nước (Hợp nhất)	76
Bảng 45. Hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế của Ngân hàng Nam Á	77
Bảng 46. Chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng Nam Á	77
Bảng 47. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á	79
Bảng 48. Số lượng khách hàng của Ngân hàng Nam Á	81
Bảng 49. Danh sách các sản phẩm công nghệ, tài chính năm 2022 - 2023	82
Bảng 50. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	84
Bảng 51. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	85
Bảng 52. Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á	89
Bảng 53. Cơ cấu chi phí của Ngân hàng Nam Á	90
Bảng 54. Bảng chỉ tiêu so sánh các ngân hàng 06 tháng đầu năm 2023	100
Bảng 55. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2023	104
Bảng 56. Chính sách cổ tức của Ngân hàng Nam Á trong 02 năm gần nhất	107
Bảng 57. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)	107
Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	108
Bảng 59. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng	110
Bảng 60. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng	117
Bảng 61. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	121
Bảng 62. Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/09/2023 (Riêng lẻ)	132
Bảng 63. Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/09/2023 (Hợp nhất)	132
Bảng 64. Một số bất động sản tiêu biểu thuộc sở hữu của Ngân hàng Nam Á	133
Bảng 65. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng Nam Á	134
Bảng 66. Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng	141
Bảng 67. Danh sách cổ đông là người nội bộ Ngân hàng Nam Á hạn chế chuyển nhượng	141

Bảng 68. Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/09/2023	143
Bảng 69. Tình hình nghĩa vụ nộp thuế của Ngân hàng Nam Á	146

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

DANH MỤC HÌNH MINH HỌA

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022	9
Hình 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022	10
Hình 3. Lãi suất huy động và cho vay bình quân giai đoạn 2010 – 2022.....	11
Hình 4. Tỷ giá mua USD/VND của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2015 - 2023	14
Hình 5. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nam Á	32
Hình 6. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng Nam Á.....	34
Hình 7. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng Nam Á	80
Hình 8. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản lũy kế của một số Ngân hàng	86
Hình 9. Tài sản sinh lời của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023	87
Hình 10. Cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023	87
Hình 11. Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á.....	88
Hình 12. Tỷ lệ lãi thuần (NIM) của Ngân hàng Nam Á năm 2018 – 30/09/2023	90
Hình 13. Chi phí/Thu nhập hoạt động của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023.....	91
Hình 14. Hệ số sinh lời của Ngân hàng Nam Á.....	92
Hình 15. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Nam Á	93
Hình 16. Lợi nhuận sau thuế của một số ngân hàng 06 tháng đầu năm 2023.....	101

[Phần còn lại của trang được có ý bỏ trống]

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần rủi ro bởi các yếu tố rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.

Cũng giống như các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, Ngân hàng Nam Á phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản như rủi ro kinh tế, rủi ro luật pháp,... Tuy nhiên với tư cách là tổ chức tín dụng thì Ngân hàng Nam Á còn chịu các rủi ro đặc thù khác như rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro liên quan đến cam kết ngoại bảng, và các rủi ro cụ thể khác.

Do đó, Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng việc xây dựng chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, nâng cao năng lực quản trị rủi ro đảm bảo quy định của pháp luật chuyên ngành và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Một số rủi ro mà Ngân hàng Nam Á thường xuyên đối mặt

1. Rủi ro kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng kinh tế (Tăng trưởng GDP): là nhân tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 đạt 2,87% và năm 2021 giảm nhẹ xuống 2,56%. GDP năm 2022 tăng cao ước tính ở mức 8,02% so với năm trước, và là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Tổng Cục thống kê Việt Nam)

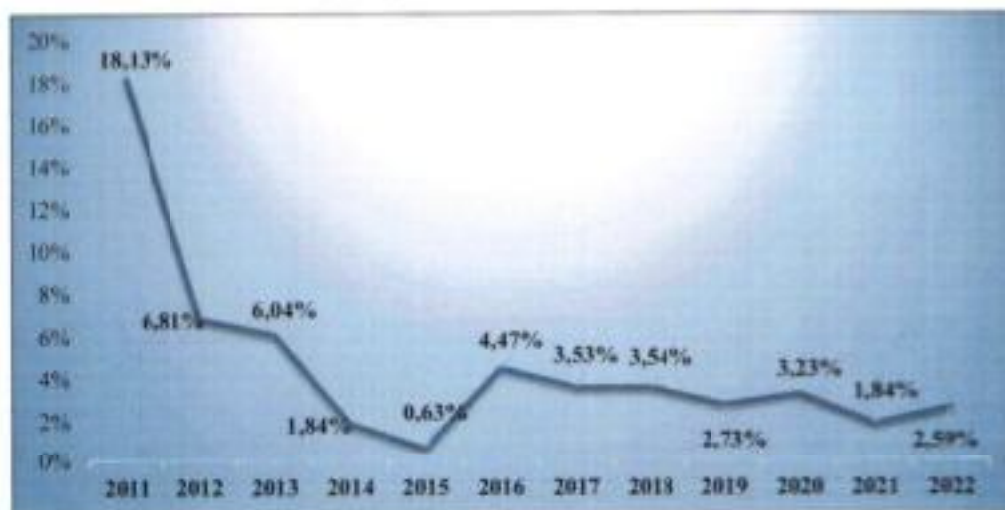
Tính chung 09 tháng đầu năm 2023, GDP tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.

Lạm phát: cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại.

Để ứng phó với lạm phát, hơn 90 ngân hàng trung ương đã tăng lãi suất trong năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2023. Số lần tăng lãi suất do các ngân hàng trung ương trên thế giới công bố đã ở mức cao nhất trong 50 năm, tiêu biểu là Hoa Kỳ và Khu vực đồng Euro. Để đưa lạm phát trở lại mục tiêu 2% và thoát khỏi mức cao nhất 4 thập kỷ, Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) đã 11 lần tăng lãi suất (từ tháng 03/2022 đến nay) với các mức tăng khá cao 0,25% - 0,75% và đưa lãi suất cơ bản của Hoa Kỳ lên 5,25% - 5,5% trong cuộc họp vào tháng 07/2023, mức cao nhất từ năm 2001. Trước tình hình lạm phát đang được kiểm soát và có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, khả năng FED sẽ tiếp tục duy trì lãi suất cơ bản ở mức cao đến hết năm 2024.

Trong nước, vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc điều hành các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ hết sức linh hoạt. Theo đó, trong suốt những năm qua, lạm phát của Việt Nam luôn được kiểm soát và duy trì ổn định ở mức dưới 4%.

Hình 2. Tốc độ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2022



(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)

Xuất nhập khẩu hàng hóa – dịch vụ: Trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Trong tháng 09, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 60,53 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 497,66 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 8,2%; nhập khẩu giảm 13,8%. Cán cân thương mại hàng hóa 09 tháng năm 2023 ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD.

Sản xuất: Trong bối cảnh tranh chấp thương mại đang diễn ra, Việt Nam là nước được hưởng lợi đáng kể nhờ sự dịch chuyển của các doanh nghiệp FDI đến các nước có chi phí sản xuất thấp. Cụ thể, một số tập đoàn công nghệ lớn đã thành lập mới các cơ sở sản xuất tại Việt Nam giúp cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam vẫn có tiềm năng tăng trưởng.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/09/2023 đạt gần 20,21 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam trong 09 tháng năm 2023 ước đạt 15,91 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.

Trước những biến động khó lường của nền kinh tế, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện xây dựng kế hoạch kinh doanh trên cơ sở thận trọng, phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng, vừa hạn chế tối đa những điểm tiêu cực, vận dụng những điểm tích cực của chính sách, nhằm đảm bảo kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Ngân hàng Nam Á đang đề ra.

2. Rủi ro về ngành ngân hàng

2.1 Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường, và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Hình 3. Lãi suất huy động và cho vay bình quân giai đoạn 2010 – 2022



Nguồn: World Bank, SBV

Ngân hàng Nam Á có thể phải gánh chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ cơ cấu dư nợ cho vay, sở hữu chứng khoán, gửi và nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng và huy động vốn (từ doanh nghiệp và cá nhân).

Đối với danh mục chứng khoán sở hữu, rủi ro lãi suất phát sinh khi lãi suất trên thị trường thay đổi bất lợi đối với giá trị các khoản chứng khoán sở hữu. Ngân hàng Nam Á duy trì quy mô danh mục chứng khoán sở hữu nhỏ so với quy mô tổng tài sản của Ngân hàng.

Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay, rủi ro lãi suất phát sinh do sự chênh lệch kỳ hạn tiền gửi và tiền vay hoặc khi lãi suất cho vay bình quân trên thị trường thay đổi dẫn đến Ngân hàng Nam Á phải định giá lại các khoản vay dựa trên lãi suất cho vay cơ bản của mình, đồng thời điều chỉnh lãi suất tiền gửi để cân đối. Ảnh hưởng trên thực tế đối với thu nhập lãi do việc thay đổi lãi suất sẽ phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi lãi suất, hành vi của các bên và ngày định giá lại theo thỏa thuận đối với tài sản có và tài sản nợ của Ngân hàng Nam Á và khả năng thích ứng đối với thay đổi lãi suất của các khoản vay liên ngân hàng. Hiện nay, NHNN chỉ đang áp dụng trần lãi suất cho các khoản tiền huy động và các khoản vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nên chưa gây ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng Nam Á vì Ngân hàng không chủ trương cạnh tranh bằng lãi suất. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo trong tương lai NHNN không điều chỉnh phạm vi áp dụng trần lãi suất. Lãi suất cơ bản do NHNN ấn định nếu ở mức thấp có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng Nam Á xây dựng chiến lược quản lý rủi ro lãi suất với các biện pháp cơ bản như sau:

- Thiết lập các giới hạn về khoảng chênh lệch lãi suất huy động – cho vay cho các kỳ hạn và xây dựng hệ thống để cảnh báo khi gần đạt tới các giới hạn này:
 - o Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của ban lãnh đạo, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNN, Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.
 - o Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng Nam Á thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản đảm bảo, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.
- Ngân hàng Nam Á cũng theo dõi giá trị chịu rủi ro của danh mục tài sản bằng cách sử dụng các mô hình dựa trên dữ liệu quá khứ để đánh giá thiệt hại tối đa có thể phát sinh đối với danh mục trong các kỳ hạn đã được xây dựng. Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng: quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trên nguyên tắc quản lý hai chỉ số định lượng Trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (Repricing Gap) và Chỉ số đo lường tác động thay đổi lãi suất đối với thu nhập lãi thuần (Change in Net Interest Income). Ngân hàng sử dụng phương pháp thay đổi thu nhập lãi thuần khi lãi suất thay đổi hay còn gọi là mô hình khe hở nhạy cảm lãi suất (Repricing Gap), theo đó đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng thông qua trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất của danh mục tài sản Có – tài sản Nợ, lượng hóa tác động của thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (NII), thu nhập lãi cận biên (NIM) của Ngân hàng.
- Ngân hàng Nam Á giám sát vị thế này hàng ngày và sử dụng các chiến lược phòng

ngừa rủi ro để đảm bảo rằng vị thế của Ngân hàng được duy trì trong các giới hạn được xác định trước.

2.2 Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ việc khách hàng của Ngân hàng Nam Á chậm hoặc không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các khoản phải trả khác theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Ngân hàng. Nguyên nhân rủi ro tín dụng có thể là do kết quả kinh doanh sụt giảm của khách hàng dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ, hoặc có thể do chủ ý lừa đảo của bên đi vay. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn, làm sụt giảm lợi nhuận và giá trị tài sản của Ngân hàng Nam Á.

Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng việc xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro tín dụng. Trong đó:

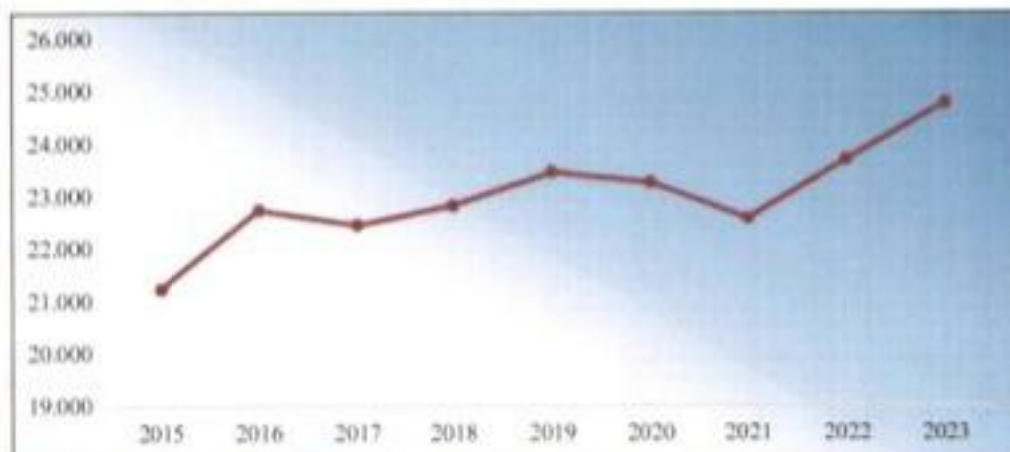
- Chính sách tín dụng của Ngân hàng Nam Á được xây dựng rõ ràng và thận trọng, hướng vào các phân khúc ít rủi ro hơn như khách hàng có thu nhập và khả năng trả nợ cao, các sản phẩm ít rủi ro hơn như cho vay thế chấp, cho vay ngắn hạn và các phân khúc ít tập trung rủi ro hơn như chuyển dịch từ cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn sang cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và khách hàng cá nhân.
Ví dụ: Ngân hàng Nam Á hạn chế cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như đầu tư; kinh doanh bất động sản; đầu tư; kinh doanh có phiếu; BT; BOT. Ngoài ra Ngân hàng Nam Á kiểm soát rất chặt chẽ hạn mức tín dụng và chất lượng dư nợ đối với các lĩnh vực này, bảo đảm bám sát định hướng của NHNN, đồng thời tuân thủ các điều kiện cấp tín dụng.
- Ngân hàng Nam Á xây dựng quy trình đánh giá chất lượng tín dụng và hệ thống cảnh báo sớm nhằm xác định sớm những thay đổi có thể xảy ra trong khả năng thanh toán của khách hàng. Đối với các khoản vay có diễn biến bất lợi về chất lượng nợ, bên cạnh việc tiến hành các thủ tục thu hồi nợ thông qua bộ phận chuyên trách thì Ngân hàng Nam Á cũng chủ động trích lập dự phòng đầy đủ và kịp thời theo các quy định hiện hành.
- Hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng Nam Á chiếm tỷ trọng đa số là các khoản cấp tín dụng có tài sản bảo đảm. Trong đó, tại ngày 31/12/2022, dư nợ cấp tín dụng có tài sản bảo đảm là bất động sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng dư nợ cho vay khách hàng. Ngân hàng Nam Á áp dụng tỷ lệ cho vay trên tài sản bảo đảm ở mức an toàn, đảm bảo khả năng thu hồi nợ trong trường hợp phải thanh lý tài sản bảo đảm. Việc định giá tài sản bảo đảm được thực hiện bởi công ty định giá bên ngoài có chuyên môn sâu về định giá tài sản và bảo đảm tính độc lập, khách quan.
- Việc quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN và Ngân hàng Nam Á. Đồng thời, Ngân hàng Nam Á cũng thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tối thiểu theo các nội dung sau: (i) Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của

khách hàng; (iii) Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

2.3 Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của Ngân hàng. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ/vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bằng tương ứng.

Hình 4. Tỷ giá mua USD/VND của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2015 - 2023



Nguồn: SBV, MOF

Ngân hàng Nam Á chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái do một phần tài sản nợ - tài sản có của Ngân hàng Nam Á được hạch toán bằng ngoại tệ, và do việc nắm giữ và giao dịch hối đoái và chứng khoán đầu tư, kể cả các công cụ phái sinh (như giao dịch hối đoái kỳ hạn, giao dịch hối đoái hoán đổi và giao dịch hối đoái quyền chọn) của Ngân hàng Nam Á. Nếu Việt Nam đồng ("VND") tăng giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm) và ngược lại. Mặc dù Ngân hàng Nam Á thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro (hedging) để giảm thiểu rủi ro ngoại hối, các rủi ro liên quan đến ngoại hối vẫn có thể phát sinh nếu Ngân hàng Nam Á không thể dự đoán được một cách chính xác ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái giữa VND với Đô la Mỹ ("USD") và các tiền tệ khác đối với doanh thu và lãi biên của Ngân hàng Nam Á.

Ngoài ra, VND là đơn vị tiền tệ báo cáo của Ngân hàng Nam Á. Biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng khi các tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ của Ngân hàng Nam Á được chuyển đổi thành VND nhằm mục đích báo cáo tài chính. Nếu VND tăng giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm). Ngược lại, nếu VND giảm giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ tăng (nhưng giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng tăng). Vì vậy, biến động tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến điều kiện tài chính của Ngân hàng

Nam Á tùy theo trạng thái các tài sản có - tài sản nợ bằng ngoại tệ của Ngân hàng Nam Á tại từng thời kỳ.

Để quản trị rủi ro ngoại hối, Ngân hàng Nam Á đã đặt ra các giới hạn về vị thế đối với từng loại tiền tệ, giám sát vị thế của từng loại tiền tệ hằng ngày và thực hiện các chiến lược phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo rằng vị thế nằm trong giới hạn được xác định. Cụ thể, để phòng chống rủi ro về ngoại hối nêu trên, Ngân hàng Nam Á xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý trạng thái tập trung. Cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối trên hạn mức tại chi nhánh được chuyển về Hội sở thông qua việc thực hiện cân bằng trạng thái bộ phận kinh doanh tại Hội sở chính.

2.4 Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) phát sinh trong quá trình huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng Nam Á. Rủi ro tiềm tàng về tính thanh khoản luôn tồn tại trong hoạt động của các ngân hàng Việt Nam, kể cả Ngân hàng Nam Á, do (i) chênh lệch kỳ hạn đáo hạn giữa vốn huy động từ tiền gửi và các khoản cho vay khách hàng; hoặc (ii) khách hàng (mà ngân hàng huy động vốn) rút vốn trước khi đáo hạn; hoặc (iii) khách hàng (mà ngân hàng cho vay) không trả nợ đúng hạn. Do đặc tính thị trường nên tại Ngân hàng Nam Á và các ngân hàng khác, tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn và không kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng số tiền gửi của khách hàng. Tuy vậy, theo các nghiên cứu phân tích đánh giá, do thị trường Việt Nam còn thiếu các sản phẩm đầu tư thay thế nên tỷ lệ lớn các khoản tiền gửi ngắn hạn không bị rút trước thời hạn và thường quay vòng thêm một hoặc nhiều kỳ hạn. Do vậy, đây thực tế là một nguồn vốn huy động trung hạn ổn định của các ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Ngân hàng Nam Á đã đa dạng hóa nguồn huy động, đồng thời từng bước giảm tỷ trọng cho vay trung dài hạn và tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn trong danh mục tài sản để đảm bảo tính thanh khoản cao cho bảng tài sản của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á cũng thiết lập tỷ lệ nội bộ về Hệ số thanh khoản với các điều kiện chặt chẽ hơn so với yêu cầu của NHNN.

Ngân hàng Nam Á cũng đã thành lập Khối Quản lý rủi ro để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng, vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản, đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản. Hằng tháng, Ngân hàng Nam Á thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản để đảm bảo hệ thống đủ khả năng vận hành trong trường hợp cần thiết.

2.5 Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á đưa ra các cam kết tài trợ cho khách hàng, và các cam kết không được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán (kể cả các chấp thuận thanh toán, bảo lãnh và thư tín dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng của khách hàng,...). Ngân hàng Nam Á có thể phải chịu rủi ro tín dụng trong các cam kết ngoại bảng của mình do các cam kết ngoại bảng này cần được thực hiện trong một số

trường hợp nhất định. Nếu Ngân hàng Nam Á không thể thu hồi được khoản thanh toán từ các khách hàng của mình liên quan đến các cam kết mà Ngân hàng Nam Á đã thực hiện thì kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

Với khẩu vị rủi ro thận trọng, Ngân hàng Nam Á đánh giá thu tín dụng và bảo lãnh là các hoạt động có rủi ro tín dụng tương tự như các khoản vay, và do đó đã áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng tương tự cho các hoạt động ngoại bảng.

3. Rủi ro luật pháp

Ngân hàng Nam Á hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng do vậy bên cạnh các quy định pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp,... còn chịu sự ảnh hưởng từ Luật Các tổ chức tín dụng và các thông tư, nghị định, văn bản pháp luật quy định trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng của Việt Nam. Hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế bất cứ sự thay đổi về luật pháp, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

Bên cạnh đó, NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng Nam Á và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Ngân hàng Nam Á.

4. Rủi ro khác

4.1 Rủi ro hoạt động ngành ngân hàng

Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ việc các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng Nam Á.

Để hạn chế rủi ro hoạt động, Ngân hàng Nam Á đã triển khai áp dụng những hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm những rủi ro hoạt động. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á cũng ban hành hệ thống các quy tắc/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và các hình thức kỷ luật/ khen thưởng đối với các hành vi ứng xử vi phạm quy tắc/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nhằm hạn chế rủi ro hoạt động. Để nâng cao ý thức tuân thủ và hiểu biết của cán bộ nhân viên về rủi ro hoạt động, Ngân hàng Nam Á thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn, truyền thông cho cán bộ nhân viên về nghiệp vụ, ý thức và kiến thức quản trị rủi ro hoạt động.

4.2 Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh hội nhập và sự phát triển của công nghệ, áp lực cạnh tranh của ngành ngân hàng ngày càng khốc liệt. Không chỉ là cuộc cạnh tranh của ngân hàng với nhau, giữa các ngân hàng với các công ty tài chính mà còn là giữa ngân hàng với fintech (công nghệ tài chính) và bigtech (công nghệ siêu lớn), nhất là trong lĩnh vực dịch vụ thanh toán và cho

vay nhỏ lẻ, tiêu dùng. Nhờ có cạnh tranh (cạnh tranh về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, cạnh tranh phí dịch vụ, cạnh tranh chính sách chăm sóc khách hàng, các gói dịch vụ...), người tiêu dùng/khách hàng được tiếp cận với các loại hình dịch vụ tài chính ngày càng đa dạng với chất lượng ngày càng gia tăng. Trước sức ép của cạnh tranh, Ngân hàng Nam Á có những ưu điểm riêng biệt về sản phẩm, công nghệ, tập trung vào một số phân khúc khách hàng với các gói giải pháp chuyên biệt được thiết kế phù hợp với đặc tính khách hàng của từng phân khúc.

Ngân hàng Nam Á không chủ trương cạnh tranh bằng lãi suất mà nhắm đến phát triển tệp khách hàng hướng vào các phân khúc ít rủi ro như khách hàng có thu nhập và khả năng trả nợ cao, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và khách hàng cá nhân. Như với phân khúc bán lẻ, bên cạnh các sản phẩm cho vay/tiết kiệm truyền thống, Ngân hàng Nam Á còn triển khai những sản phẩm như cho vay kinh doanh tự do thiết kế riêng cho những khách hàng cá nhân kinh doanh các ngành nghề không cần đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; gói sản phẩm Happy Lady tích hợp tiền gửi tiết kiệm, cho vay, tài khoản thanh toán, dịch vụ Open Banking... Điều này giúp Ngân hàng Nam Á giảm chi phí huy động vốn từ đó gia tăng năng lực cạnh tranh so với các ngân hàng thương mại khác.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á có thế mạnh trong việc ứng dụng công nghệ vào công tác vận hành để tối ưu hoá chi phí hoạt động. Những năm gần đây, Ngân hàng Nam Á đã chuyển mình mạnh mẽ trong cuộc đua kiến tạo số khi liên tục ra mắt thị trường những sản phẩm công nghệ mới như hệ sinh thái ngân hàng số Robot OPBA, Open Banking, OneBank giúp khách hàng giao dịch nhanh chóng, an toàn, tiện ích. Ngân hàng Nam Á là một trong những ngân hàng Việt Nam đầu tiên đưa Robot OPBA vào phục vụ giao dịch trên toàn hệ thống. Trong tương lai, Ngân hàng sẽ tiếp tục ứng dụng nhiều hơn các thành tựu công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh bằng việc số hóa toàn bộ sản phẩm, dịch vụ, quy trình... nhằm đảm bảo tính chính xác, bảo mật, an toàn và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

4.3 Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu Ngân hàng Nam Á khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp Ngân hàng quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng và tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu Ngân hàng Nam Á sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, hoạt động của Ngân hàng, cũng như các thay đổi về luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường. Đồng thời, trong trường hợp Ngân hàng Nam Á thực hiện chào bán/phát hành tăng vốn, thu nhập trên cổ phiếu bị pha loãng. Do vậy, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là không tránh khỏi hay sự tăng giảm giá cổ phiếu của Ngân hàng Nam Á sẽ là một yếu tố khó lường trước.

4.4 Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”) có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau như: Ngân hàng Nam Á phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, rủi ro từ việc tấn công mạng,...

Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, Ngân hàng Nam Á đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. Ngân hàng Nam Á đã có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin (“ATTT”) toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm ATTT tổng thể, có chiều sâu. Bên cạnh đó, với đặc điểm ngân hàng có mạng lưới rộng (nhiều chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch số tự động Onebank trên khắp cả nước), Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng đẩy mạnh công tác hậu kiểm, giám sát, kiểm soát chéo về ATTT nhằm đảm bảo phát hiện sớm các rủi ro CNTT và kịp thời xử lý. Năm 2013, Ngân hàng Nam Á là một trong ba ngân hàng đầu tiên được chứng nhận ISO/IEC 27001:2005 tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS) và đứng thứ 02 về An toàn thông tin theo ICT và VNISA Index (năm 2019).

4.5 Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, khủng bố... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Ngân hàng Nam Á. Đây là các rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Ngân hàng Nam Á thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, chủ động tham gia mua bảo hiểm cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng Nam Á, xây dựng kịch bản và phương án ứng phó với các sự kiện bất ngờ,...

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông	: Trần Ngô Phúc Vũ	Chức vụ	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	: Trần Ngọc Tâm	Chức vụ	: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Vinh Lợi	Chức vụ	: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà	: Nguyễn Thị Mỹ Lan	Chức vụ	: Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

Ông	: Trần Ngọc Lượm	Chức vụ	: Phó Tổng Giám đốc
-----	-------------------------	---------	---------------------

(Theo Giấy ủy quyền số 06A/2022/QĐUQ-TGD ngày 03/10/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á** cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM**1. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:**

- Ngân hàng Nam Á/Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á /NAB

2. Từ viết tắt

- ATM : Máy rút tiền tự động
- BCTC : Báo cáo tài chính
- BDS : Bất động sản
- BKS : Ban Kiểm Soát
- BOT : Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao
- BT : Hợp đồng xây dựng – chuyển giao
- CA : Công an
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- CCCD : Căn cước công dân
- CCTC : Công cụ tài chính
- CCTG : Chứng chỉ tiền gửi
- CDHH : Cổ đông hiện hữu
- CMND : Chứng minh nhân dân
- CTCP : Công ty cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ĐVKD : Đơn vị kinh doanh
- ĐVT : Đơn vị tính
- FDI : Đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- HCM : Hồ Chí Minh
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- HĐTV : Hội đồng thành viên
- ISO : Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- KDC : Khu dân cư
- KDTM : Khu đô thị mới
- KHCN : Khách hàng cá nhân
- KH&ĐT : Kế hoạch và Đầu tư
- KHTC : Khách hàng tổ chức
- KP. : Khu phố



- KPP	: Kênh phân phối
- KTKSNB	: Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
- LDR	: Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên tổng số vốn huy động
- LNST	: Lợi nhuận sau thuế
- MTV	: Một thành viên
- NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Nostro	: Tài khoản của Ngân hàng Nam Á mở tại các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước
- P.	: Phường
- PGD	: Phòng giao dịch
- Q.	: Quận
- SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
- SHNN	: Sở hữu nước ngoài
- SP/DV	: Sản phẩm/dịch vụ
- T.	: Tỉnh
- TCTD	: Tổ chức tín dụng
- TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
- Stt	: Số thứ tự
- TMCP	: Thương mại cổ phần
- TMDT	: Thương mại điện tử
- TNCN	: Thu nhập cá nhân
- TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
- TP.	: Thành phố
- TQCSI	: Tổ chức chứng nhận quốc tế
- TTM	: Hệ số tính theo 12 tháng liên tiếp
- TX.	: Thị xã
- UBND	: Ủy ban Nhân dân
- UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UPCOM	: Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
- UTĐT	: Ủy thác đầu tư
- USD	: Đồng đô la Mỹ
- VAMC	: Công ty Quản lý tài sản (VAMC)
- VND	: Việt Nam Đồng
- VDL	: Vốn điều lệ

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty viết bằng tiếng Việt	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài	: NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt	: NAM A BANK
Trụ sở chính	: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Trần Ngô Phúc Vũ – Chủ tịch HĐQT
Giấy phép thành lập hoạt động số	: Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 13/04/2023 cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP cấp ngày 22/08/1992. Quyết định số 1506/QĐ-NHNN ngày 09/08/2023 của NHNN sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á.
Giấy phép thành lập số	: 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023.
Vốn điều lệ đăng ký	: 10.580.416.150.000 đồng (Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).
Vốn điều lệ thực góp	: 10.580.416.150.000 đồng (Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).
Website	: www.namabank.com.vn
Logo	: NAM A BANK
Mã cổ phiếu	: NAB

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 13/04/2023 cấp đổi Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP cấp ngày 22/08/1992; Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023 với các ngành nghề kinh doanh sau:

Bảng 1. Các ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động trung gian tiền tệ khác <i>Chi tiết:</i> - Huy động vốn, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; - Cao vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; - Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; - Thực hiện hoạt động bảo thanh toán. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; - Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay. Đại lý bảo hiểm. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng. Hoạt động mua nợ. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo thanh toán trong nước; - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá trị khác trên thị trường tiền tệ; - Dịch vụ môi giới tiền tệ; - Phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN; - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.	6419 (Chính)
2	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> Kinh doanh mua, bán vàng miếng.	4773
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết:</i> Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.	6810

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Nam Á được thành lập theo giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp ngày 22/08/1992 và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992.

Bảng 2: Những cột mốc phát triển quan trọng

Năm 1992	Ngân hàng Nam Á được thành lập với số vốn ban đầu 05 tỷ đồng và gần 50 nhân viên.
Năm 1994	Gia nhập thị trường liên ngân hàng.
Năm 1999	Gia nhập Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
Năm 2004	- Tăng vốn lên 112,19 tỷ đồng. - Đẩy mạnh việc mở rộng mạng lưới hoạt động tại các tỉnh miền Trung. Ngân hàng Nam Á được nhận cúp thương hiệu Vàng và được Ngân hàng Thế giới chọn thực hiện Dự án tài chính nông thôn 2.
Năm 2006	- Tăng vốn lên 550 tỷ đồng. - Thành lập Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (AMC).
Năm 2010	- Tăng vốn lên 2.000 tỷ đồng. - Đầu tư triển khai hệ thống lõi Corebanking, đáp ứng hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng, phát hành thẻ ATM Ngân hàng Nam Á. - Chính thức ra mắt sản phẩm thẻ quốc tế NamABank MasterCard.
Năm 2011	- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng. - Khai trương trụ sở mới tại 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Năm 2013	- Ngân hàng Nam Á là một trong ba ngân hàng đầu tiên được chứng nhận ISO/IEC 27001:2005 tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS). - Chuyển đổi thành công hệ thống nhận diện thương hiệu mới tại một số điểm giao dịch chủ chốt trên toàn hệ thống, đồng thời được sự phê chuẩn của NHNN. Ngân hàng Nam Á cũng đã hoàn tất mở mới 08 điểm giao dịch, trong đó có 05 Chi nhánh và 03 Phòng giao dịch tại 05 tỉnh, thành như Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bến Tre, Ninh Thuận,...
Năm 2017	Thay đổi chuẩn nhận diện thương hiệu trên toàn hệ thống
Năm 2018	- Tăng vốn điều lệ lên 3.353 tỷ đồng. - Chính thức ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng Nam Á JCB với tiêu chuẩn công nghệ thẻ Chip EMV (Europay, MasterCard, Visa). - NHNN cho phép mở thêm 35 Điểm giao dịch. - Được Moody's Investors Service xếp hạng tín nhiệm đạt mức B2.

	Ngân hàng Nam Á vinh dự là ngân hàng TMCP đầu tiên tại Việt Nam ký kết hợp tác với Quỹ GCPF (Global Climate Partnership Fund) và là một trong những ngân hàng tiên phong trong công tác triển khai “tín dụng xanh” tại Việt Nam.
Năm 2019	- Tăng vốn điều lệ lên 3.890 tỷ đồng. - Chính thức ra mắt không gian giao dịch số ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đưa Robot vào phục vụ khách hàng. - Ngân hàng đầu tiên đạt chuẩn ISO 10002:2018 về hệ thống quản lý chất lượng và sự hài lòng khách hàng do Công ty TNHH Chứng nhận TQCSI Việt Nam thuộc Tổ chức Chứng nhận Quốc tế TQCSI (Australia) trao tặng. - Triển khai thành công Thông tư 41 (Basel II) và là một trong những ngân hàng đầu tiên được NHNN cho phép áp dụng trước hạn Basel II. - Hoàn thành kế hoạch mở mới 35 Đơn vị Kinh doanh, phủ sóng thương hiệu trên toàn quốc. Đồng thời, Ngân hàng Nam Á được NHNN chấp thuận mở mới thêm 04 Chi nhánh tại Nghệ An, Bạc Liêu, Đồng Tháp và Bình Thuận.
Năm 2020	- Tăng vốn điều lệ lên 4.564 tỷ đồng. - Tổng tài sản, Huy động vốn lần đầu tiên vượt mốc 100.000 tỷ đồng. - Chính thức đưa cổ phiếu Ngân hàng Nam Á giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán UPCoM. - Vinh dự là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận về chất lượng dịch vụ xuất sắc CEN/TS 16880:2015 do tổ chức TQCSI trao tặng.
Năm 2021	- Tăng vốn điều lệ lên 5.134 tỷ đồng. - Thành lập Văn phòng đại diện tại TP. Hà Nội. - Chính thức ra mắt hệ sinh thái Ngân hàng Số công nghệ Onebank kết hợp Robot phục vụ khách hàng 24/7 tại hơn 50 điểm giao dịch số trên toàn quốc.
Năm 2022	- Tăng vốn điều lệ lên 8.464 tỷ đồng. - Được NHNN chấp thuận mở mới 32 Đơn vị kinh doanh, trong đó Ngân hàng đã hoàn thành khai trương Chi nhánh tại các: Tỉnh Vĩnh Phúc, Cà Mau, Phú Yên, Quảng Nam trong năm 2022. - Tiến phong triển khai dự án Quản trị rủi ro Basel III về vốn và thanh khoản và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS. - Ngân hàng đầu tiên được Công ty TNHH Chứng nhận TQCSI Việt Nam thuộc Tổ chức Chứng nhận Quốc tế TQCSI (Australia) cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 31000:2018 về Quản lý rủi ro đối với các sản phẩm Tín dụng xanh
Năm 2023	Tăng vốn điều lệ lên 10.580 tỷ đồng.

- Hoàn thành kế hoạch mở mới 32 Đơn vị Kinh doanh theo chấp thuận của NHNN và gần 100 điểm giao dịch số tự động Onebank, nâng tổng số lượng mạng lưới Ngân hàng lên 240 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Sau 31 năm hoạt động, Ngân hàng TMCP Nam Á đã không ngừng lớn mạnh, phát triển mạng lưới rộng khắp cả nước. Ngân hàng Nam Á phần đầu trở thành một trong các ngân hàng hiện đại của Việt Nam trên cơ sở phát triển nhanh, vững chắc, an toàn, hiệu quả và không ngừng đóng góp cho sự phát triển kinh tế của cộng đồng, xã hội.

Bảng 3: Các danh hiệu, thành tích đã đạt được

Năm 2005	• Bảng khen cán bộ, viên chức Ngân hàng TMCP Nam Á của Thống đốc NHNN.
Năm 2006	• Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận Nhân hiệu nổi tiếng tại Việt Nam năm 2006. • Danh hiệu Nhân hiệu Cạnh tranh quốc gia năm 2006.
Năm 2007	• Giải thưởng Thương mại Dịch vụ năm 2007 của Bộ Công Thương. • Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007. • Danh hiệu Nhân hiệu Cạnh tranh quốc gia năm 2007. • Giải thưởng Thương hiệu vàng – Golden Brand Awards năm 2007.
Năm 2008	• Danh hiệu Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ được hài lòng nhất năm 2008. • Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008. • Giải thưởng Thương hiệu vàng – Golden Brand Awards năm 2008.
Năm 2009	• Danh hiệu Doanh nghiệp Việt Nam Vàng năm 2009.
Năm 2010	• Danh hiệu Nhân hiệu cạnh tranh năm 2010. • Danh hiệu Nhân hiệu nổi tiếng năm 2010. • Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng quốc gia năm 2010. • Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010.
Năm 2011	• Bảng khen "Ngân hàng TMCP Nam Á đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm góp phần tích cực phong trào thi đua của thành phố" do Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh trao tặng.
Năm 2012	• Danh hiệu Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2012.
Năm 2013	• Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng Asean – Asean well-known Brand năm 2013. • Chứng chỉ đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 27001:2005 năm 2013.

Năm 2014	- Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng 2014 do Liên Hiệp Khoa học Doanh nhân Việt Nam chứng nhận. - Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2014 do Phòng Thương mại và Doanh nghiệp Việt Nam chứng nhận.
Năm 2015	- Thương hiệu vì Cộng đồng năm 2015 do Tạp chí Thanh tra Chính phủ trao tặng. - Thương hiệu hàng đầu Việt Nam – Top Brand năm 2015 do Tổ chức Global Trade Alliance chứng nhận. - Doanh nghiệp đạt chuẩn an ninh trật tự năm 2015 do UBND TP. Hồ Chí Minh công nhận. - Top 50 Doanh nghiệp đạt thành tựu xuất sắc 2011 – 2015 do Vietnam Report trao tặng. - Danh hiệu Top 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổng cục Thuế Việt Nam trao tặng.
Năm 2016	- Sản phẩm Tiết kiệm Yêu Thương Cho Con đạt Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em năm 2016. - Top 20 Doanh nghiệp tiêu biểu nhất năm 2016. - Nhận hai giải thưởng quốc tế: Thương hiệu hàng đầu Việt Nam – Top Brands năm 2016 và Doanh nghiệp chất lượng năm 2016 – Qmix100.
Năm 2017	- Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 từ Tổ chức United Kingdom Accreditation Service. - Chứng nhận Dịch vụ Chất lượng cao – QSI: 2017 từ Tổ chức quốc tế InterConformity. - Giải thưởng Doanh nghiệp Công hiến năm 2017 do Hội Doanh nhân Tư nhân Việt Nam trao tặng. - Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN năm 2017 do Diễn đàn Kinh tế Đối ngoại Thái Lan trao tặng. - Chứng nhận Thương hiệu Hài lòng Khách hàng – CSI: 2017. - Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2017. - Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu APEC năm 2017. - Thương hiệu gia đình tin dùng năm 2017 với Sản phẩm Tiết kiệm Hưng thịnh. - Ngân hàng bán lẻ có dịch vụ tốt nhất Việt Nam năm 2017. - CEO Ngân hàng Nam Á – Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2017. - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.
Năm 2018	Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu Asia năm 2018.

	- Ngân hàng có chính sách chăm sóc khách hàng trung thành tốt nhất Việt Nam năm 2018. - Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2018. - Top 10 thương hiệu uy tín sản phẩm chất lượng dịch vụ tin dùng năm 2018. - Sản phẩm vay siêu tốc lộc phát đạt Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em năm 2018. - Top 10 thương hiệu – Nhãn hiệu nổi tiếng Châu Á – Thái Bình Dương. - Chứng nhận chỉ số hài lòng Khách hàng CSI:2018. - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2018.
Năm 2019	5 năm liên tiếp đạt giải thưởng Thương hiệu mạnh do Thời báo kinh tế Việt Nam trao tặng. - Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Asia 2019 do Liên hiệp khoa học doanh nhân Việt Nam trao tặng. - Nhận bằng khen của Thống đốc NHNN vì đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng. - Đứng thứ 02 về An toàn thông tin theo ICT và VNISA Index. - Ngân hàng chuyển đổi số - Viet Nam Digital Awards 2019. - Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng Xanh. - Happy Lady và Happy Card – Top 20 sản phẩm chất lượng tốt vì quyền lợi người tiêu dùng năm 2019 do Trung tâm Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam chứng nhận.
Năm 2020	- Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất với sinh viên Việt Nam 2020. - Doanh nghiệp Tăng trưởng nhanh & Xuất sắc Châu Á 2020 do APEA trao tặng – Ghi nhận xứng đáng cho hoạt động xuất sắc, hiệu quả và bền vững. - Ngân hàng duy nhất sở hữu Ứng dụng Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2020 do Global Banking & Finance Review (GBAF) trao tặng. - Giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng Xanh" do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) & Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG trao tặng.
Năm 2021	- Ngân hàng Triển khai Công nghệ tốt nhất Việt Nam 2021. - Ngân hàng cho hoạt động Ngân quỹ tốt nhất Việt Nam 2021. - Ngân hàng Tăng trưởng Tài trợ Thương mại ấn tượng nhất Việt Nam 2021. - Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2021. - Ngân hàng số thể hệ mới tốt nhất Việt Nam 2021. - Ngân hàng vì cộng đồng nổi bật Việt Nam 2021. - Ngân hàng Quản trị rủi ro xuất sắc Việt Nam 2021.

	- Sao Vàng Đất Việt 2021. - Top 50 Sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em.
Năm 2022	- Ngân hàng kiến tạo số tốt nhất Việt Nam 2022. - Ngân hàng đẹp – Dịch vụ tốt nhất Việt Nam 2022. - Ngân hàng quản trị rủi ro xuất sắc Việt Nam 2022. - Ngân hàng có trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam 2022. - Thương hiệu truyền cảm hứng Châu Á 2022. - Doanh nhân xuất sắc Châu Á 2022. - Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2022.
Năm 2023	- Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng ngày 24/05/2023. - Hệ sinh thái ngân hàng số sáng tạo nhất Việt Nam 2023 do Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) trao tặng. - Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2023. - Chuyển đổi số trong hoạt động nhân sự 2023. - Sản phẩm và giải pháp truyền cảm hứng 2022 - The Inspirational Product and Solution 2022 do Tổ chức Thế quốc tế JCB trao tặng. - Ngân hàng dẫn đầu về Doanh số giao dịch bình quân đầu thẻ 2022 - Leading Licensee in Spending Volume per Card 2022 do Tổ chức Thế quốc tế JCB trao tặng. - Ngân hàng tăng trưởng ấn tượng Doanh số giao dịch thẻ 2022 - Leading Licensee in Outstanding Spending Volume Growth 2022 do Tổ chức Thế quốc tế JCB trao tặng. - Thương hiệu truyền cảm hứng Châu Á 2023. - Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2023. - Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2023.

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng Nam Á đã trải qua các lần tăng vốn như sau:

Bảng 4: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Thời điểm tăng vốn	Giá trị VDL tăng thêm	Giá phát hành (Đồng/cp)	VDL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
1	1992	-		5,00	Thành lập ngân hàng	NHNN TRỌNG TÀI KINH TẾ

2	1993	15,00	1.000.000	20,00	Chào bán cho CDHH	NHNN TRONG TÀI KINH TẾ
3	1996	9,43	1.000.000	29,43	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
4	2000	19,57	1.000.000	49,00	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
5	2002	8,57	1.000.000	57,57	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
6	2002	12,43	1.000.000	70,00	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
7	2004	30,21	1.000.000	100,21	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
8	2004	11,97	1.000.000	112,19	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
9	2005	37,81	10.000	150,00	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
10	2006	33,34	10.000	183,34	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
11	2006	175,34	10.000	358,68	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
12	2006	191,32	10.000	550,00	Chào bán cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
13	2007	25,92	10.000	575,92	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho CDHH	NHNN Sở KH&ĐT TPHCM
14	2007	580,45	10.000	1.156,37	Chào bán cho CDHH, CBNV	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
15	2008	96,46	10.000	1.252,84	Chào bán cho CDHH, CBNV	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM

16	2010	747,16	10.000	2.000,00	Chào bán cho CDHH	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
17	2010	1.000,00	10.000	3.000,00	Chào bán cho CDHH, CBNV, đối tác chiến lược và chào bán ra công chúng cho nhà đầu tư bên ngoài	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
18	2015	21,16	10.000	3.021,16	Chào bán cho CDHH	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
19	2018	332,33	10.000	3.353,49	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho CDHH	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
20	2019	536,56	10.000	3.890,05	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho CDHH	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
21	2020	674,42	10.000	4.564,47	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
22	2021	569,94	10.000	5.134,41	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho CDHH	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
23	2022	1.430,00	10.000	6.564,41	Phát hành cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
24	2022	1.899,94	10.000	8.464,35	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho CDHH và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM
25	2023	2.116,07	10.000	10.580,42	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN UBCKNN Sở KH&ĐT TPHCM

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

Cơ cấu Ngân hàng TMCP Nam Á được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật Các tổ chức tín dụng. Các hoạt động của Ngân hàng Nam Á tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng.

Hình 5. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nam Á



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng TMCP Nam Á không có công ty mẹ.

Tính đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có 01 Hội sở chính; 01 Công ty con ; 01 Trung tâm kinh doanh và 239 điểm giao dịch trên toàn quốc, cụ thể:

- ♦ Hội sở chính của Ngân hàng Nam Á đặt tại địa chỉ: 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ♦ Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á. *(Thông tin chi tiết về công ty con được trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo bạch này.)*
- ♦ Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, Điểm giao dịch số tự động Onebank chi tiết được trình bày tại Mục IV.6.3.1 của Bản cáo bạch này.

Hệ thống mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch, điểm giao dịch số tự động Onebank của Ngân hàng Nam Á phân bố khắp các khu vực, cụ thể:

- ♦ 01 Trung tâm Kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- ♦ Khu vực Miền Bắc: 07 chi nhánh, 15 phòng giao dịch, 23 điểm giao dịch số tự động Onebank, chiếm tỷ trọng 19%.
- ♦ Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên: 9 chi nhánh, 23 phòng giao dịch, 18 điểm giao dịch số tự động Onebank, chiếm tỷ trọng 21%.
- ♦ Khu vực Đông Nam Bộ: 06 chi nhánh, 18 phòng giao dịch, 15 điểm giao dịch số tự động Onebank, chiếm tỷ trọng 16%.

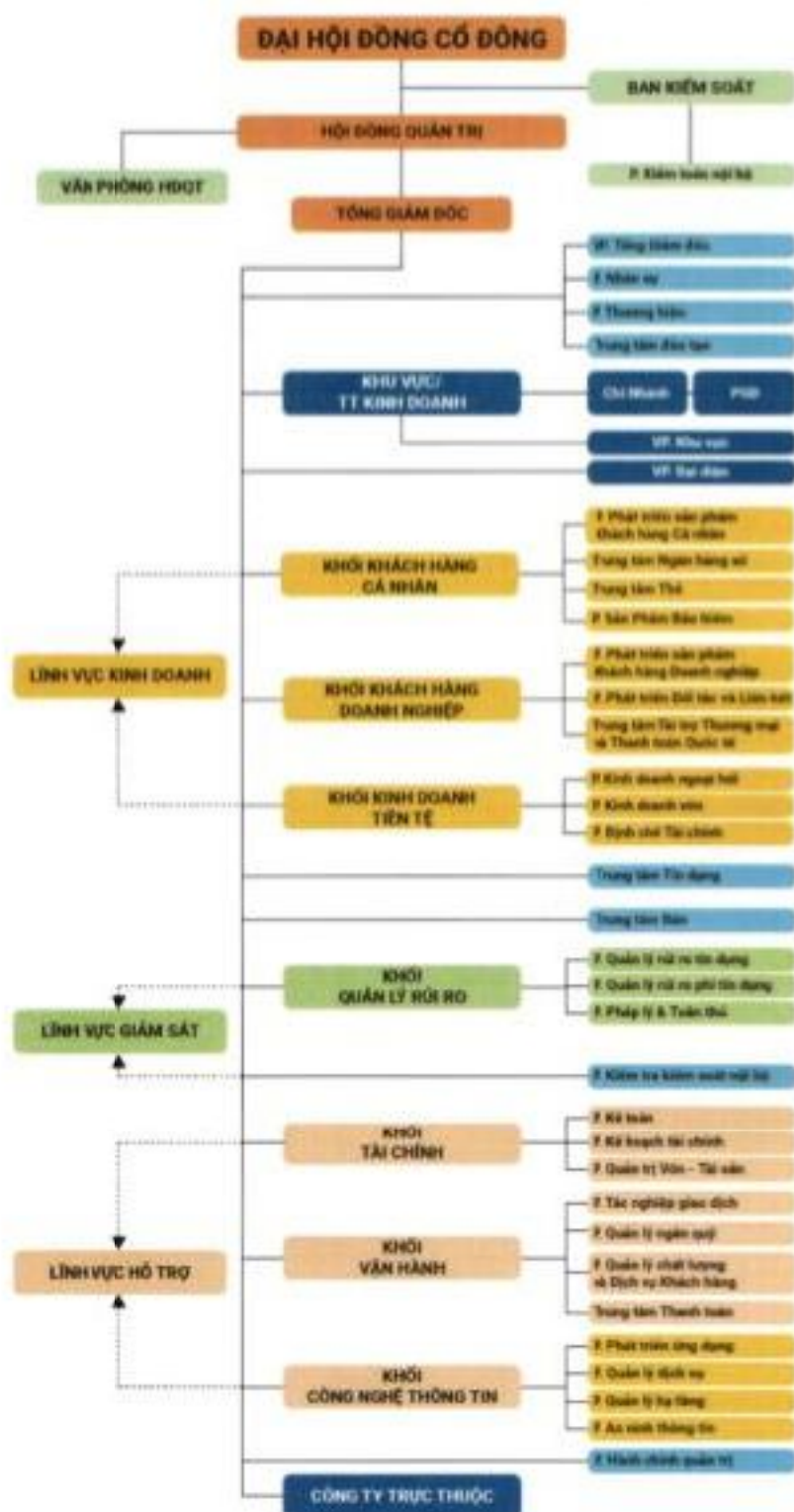
- ♦ Khu vực Hồ Chí Minh: 07 chi nhánh, 21 phòng giao dịch, 29 điểm giao dịch số tự động Onebank, chiếm tỷ trọng 24%.
- ♦ Khu vực Miền Tây: 09 chi nhánh, 24 phòng giao dịch, 15 điểm giao dịch số tự động Onebank, chiếm tỷ trọng 20%.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu quản lý của Ngân hàng TMCP Nam Á thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định có liên quan về cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]

Hình 6. Cơ cấu bộ máy quản lý Ngân hàng Nam Á



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng Nam Á, có các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

❖ **Hội đồng quản trị**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng Nam Á, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng Nam Á để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng Nam Á, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng quản trị và các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị bao gồm (i) Ủy ban Nhân sự và (ii) Ủy ban Quản lý rủi ro.

❖ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng Nam Á nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng Nam Á. Giúp việc cho Ban Kiểm soát có Phòng Kiểm toán nội bộ. Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế riêng của Ngân hàng Nam Á.

❖ **Tổng Giám đốc**

Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Nam Á theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

❖ **Giám đốc Khối**

Là người được Tổng Giám đốc phân công để hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc quản lý, điều hành một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

❖ **Giám đốc Khu vực**

Là người được Tổng Giám đốc phân công để hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

❖ **Kế toán trưởng**

Là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng Nam Á, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

♦ **Bộ máy chuyên môn nghiệp vụ**

Có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc. Chia làm 03 lĩnh vực chính:

Lĩnh vực kinh doanh

Khối Khách hàng Cá nhân

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Định hướng kinh doanh, xây dựng chiến lược, quản lý hoạt động kinh doanh theo phân khúc khách hàng cá nhân của Ngân hàng Nam Á. Thiết kế sản phẩm, xây dựng và quản lý giá đầu vào, giá đầu ra, công tác nghiên cứu thị trường, khảo sát khách hàng thực tế (R&D) của khách hàng cá nhân. Hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh doanh các Sản phẩm, chương trình của Khối khách hàng Cá nhân, phối hợp triển khai các đối tác hợp tác liên kết và đối tác chuỗi hệ sinh thái theo định hướng từng thời kỳ. Giám sát và đo lường hiệu suất của các kênh bán hàng, đội ngũ bán hàng. Xây dựng các chính sách đãi ngộ, khuyến khích đối với đội ngũ bán hàng và quản lý kinh doanh thuộc phân khúc khách hàng cá nhân. Phát triển mạng lưới đối tác liên kết và triển khai chính sách ưu đãi, chương trình kinh doanh sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Nam Á cùng Đối tác. Xây dựng hệ thống các công cụ, chính sách và văn bản hướng dẫn để triển khai chiến lược về thị trường và khách hàng đã được phê duyệt. Tổ chức kinh doanh trực tiếp sản phẩm, dịch vụ thẻ. Hỗ trợ và thúc đẩy bán hàng, đào tạo, hướng dẫn chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân tại các Đơn vị ở KPP nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng thuộc phân khúc quản lý. Phối hợp với Khối Quản lý rủi ro để xây dựng các chính sách tín dụng, mô hình quản trị rủi ro đối với phân khúc khách hàng cá nhân; quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động tín dụng, dịch vụ đối với phân khúc khách hàng quản lý. Kết hợp với Trung tâm đào tạo, đào tạo, tập huấn cho đội ngũ bán hàng/chuyên viên quan hệ khách hàng, các cán bộ chuyên viên có liên quan để nắm bắt quy định, sản phẩm, nghiệp vụ của Khối. Vận hành về sản phẩm, dịch vụ thẻ (khai báo sản phẩm, phát hành thẻ, giám sát và xử lý giao dịch thẻ, tra soát thẻ,...). Nghiên cứu, phân tích, định hướng và triển khai các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng hiện đại (dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức). Tổ chức kinh doanh bảo hiểm bằng việc thúc đẩy ĐVKD, hợp tác liên kết các đối tác nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời kỳ. Nghiên cứu trải nghiệm khách hàng, xu hướng thị trường và sự phát triển của công nghệ, đưa ra các đề xuất về việc số hóa quy định, quy trình sản phẩm Ngân hàng truyền thống sang Ngân hàng hiện đại. Triển khai ngân hàng số và các sản phẩm ngân hàng số để đưa ra thị trường. Phát triển hệ khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số. Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thẻ tín dụng trên toàn hệ thống. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.
- Các đơn vị thuộc Khối Khách hàng Cá nhân
 - o Phòng Phát triển sản phẩm Khách hàng Cá nhân;

- Trung tâm Ngân hàng số;
- Trung tâm Thẻ;
- Phòng Sản phẩm Bảo hiểm.

Khối Khách hàng Doanh nghiệp

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Thực hiện nghiên cứu thị trường, xây dựng các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng Nam Á cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Tổ chức nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tín dụng, tiền gửi, các chương trình tín dụng/phi tín dụng cho các đối tượng khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm nghiệp vụ về chuỗi, đa liên kết, bán chéo sản phẩm cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Đầu mối đề xuất, xây dựng và thúc đẩy các hoạt động liên kết, hợp tác với khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp. Xây dựng các chính sách khách hàng, chính sách bán hàng, chính sách ưu đãi về phí và lãi suất đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Hỗ trợ KPP về nghiệp vụ liên quan đến tài trợ thương mại/thanh toán quốc tế. Đầu mối xử lý tập trung và trọn vẹn nghiệp vụ thanh toán quốc tế phát sinh trên toàn hệ thống. Quản lý SWIFT và tài khoản Nostro tại các định chế tài chính nước ngoài. Phối hợp với Khối Quản lý rủi ro để xây dựng các chính sách tín dụng, mô hình quản trị rủi ro đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động tín dụng, dịch vụ đối với phân khúc khách hàng quản lý. Hỗ trợ và thúc đẩy bán hàng, đào tạo, hướng dẫn chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp tại các các Đơn vị ở KPP nhằm cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng thuộc phân khúc quản lý. Giám sát và đo lường hiệu quả của các kênh bán hàng, đội ngũ bán hàng (chuyên viên quan hệ khách hàng và các chức danh khác có chức năng bán hàng cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế). Xây dựng các chính sách đãi ngộ, khuyến khích bán hàng đối với đội ngũ bán hàng và quản lý kinh doanh thuộc phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Kết hợp với Trung tâm đào tạo, đào tạo, tập huấn cho đội ngũ bán hàng/chuyên viên quan hệ khách hàng, các cán bộ chuyên viên có liên quan để nắm bắt quy định, sản phẩm, nghiệp vụ của Khối Khách hàng Doanh nghiệp. Thông tin và hướng dẫn các ĐVKD về chủ trương và định hướng chính sách của Ngân hàng Nam Á về khách hàng doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp:
 - Phòng Phát triển sản phẩm Khách hàng Doanh nghiệp;
 - Phòng Phát triển đối tác và Liên kết;
 - Trung tâm Tài trợ thương mại và Thanh toán quốc tế.

Khối Kinh doanh tiền tệ

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Trực tiếp tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh về ngoại hối, vốn, giấy tờ có giá, chứng khoán và các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống. Hỗ trợ quản lý điều hành thanh khoản trên toàn hệ thống. Trực tiếp tổ chức phát hành và quản lý giấy tờ có giá của Ngân hàng Nam Á nhằm đa dạng hóa sản phẩm huy động. Thiết lập duy trì, khai thác và phát triển quan hệ hợp tác với các định chế tài chính, ngân hàng đại lý trong và ngoài nước. Đầu mối thực hiện quản lý các hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của công ty con, công ty liên kết. Thực hiện các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Kinh doanh tiền tệ:
 - o Phòng Kinh doanh ngoại hối;
 - o Phòng Kinh doanh vốn;
 - o Phòng Định chế Tài chính.

Lĩnh vực giám sát**Khối Quản lý rủi ro**

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chính sách, khẩu vị rủi ro và khung quản trị rủi ro cho Ngân hàng Nam Á trong từng thời kỳ. Nhận diện, đo lường, cảnh báo, giám sát và xử lý các rủi ro cho Ngân hàng Nam Á, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và các rủi ro trọng yếu khác. Xây dựng, quản lý, giám sát và báo cáo các chỉ số an toàn trong hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á. Tham mưu, xây dựng các chính sách, quy định, quy trình về quản lý rủi ro. Tham gia các nội dung liên quan đến rủi ro trong quá trình đưa ra các quyết định có rủi ro tương ứng theo từng cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á. Quản lý nợ và tham mưu công tác xử lý nợ. Thực hiện công tác báo cáo liên quan hoạt động tín dụng cho NHNN, các cơ quan có thẩm quyền đúng quy định theo phân công của các cấp có thẩm quyền. Tư vấn pháp lý, cảnh báo rủi ro pháp lý đối với hệ thống văn bản lập quy và các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á. Rà soát, đánh giá, đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động kinh doanh và công tác tổ chức, quản lý, điều hành của Ngân hàng Nam Á theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á. Giám sát, đảm bảo tính tuân thủ trong công tác phòng, chống rửa tiền và tuân thủ Đạo luật FATCA (Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ). Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.

- Các đơn vị thuộc Khối Quản lý rủi ro:
 - o Phòng Quản lý rủi ro tín dụng;
 - o Phòng Quản lý rủi ro phi tín dụng;
 - o Phòng Pháp lý và Tuân thủ.

Lĩnh vực hỗ trợ**Khối Tài chính**

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chiến lược, kế hoạch tài chính trên toàn hệ thống. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hệ thống chế độ tài chính, chế độ kế toán. Quản trị tài sản và nguồn vốn. Quản trị thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả của Ngân hàng Nam Á. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Tài chính:
 - o Phòng Kế toán;
 - o Phòng Kế hoạch tài chính;
 - o Phòng Quản trị Vốn – Tài sản.

Khối Vận hành

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chất lượng liên quan đến hoạt động tác nghiệp, vận hành và quản trị chất lượng dịch vụ. Tổ chức, quản lý, thực hiện và giám sát các nghiệp vụ liên quan đến kho quỹ và giao dịch tại quầy, giao dịch vốn và kinh doanh tiền tệ. Quản lý và hỗ trợ hoạt động tác nghiệp tín dụng tại các ĐVKD. Quản lý hoạt động chăm sóc khách hàng. Tổ chức, quản lý, thực hiện và giám sát các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động thanh toán trong nước, thanh toán giao dịch kinh doanh ngoại hối, giao dịch tiền gửi/tiền vay trên thị trường liên ngân hàng và hoạt động tra soát đối soát tập trung trên toàn hệ thống. Tổ chức, quản lý, thực hiện, giám sát và cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổ chức, quản lý, thực hiện xử lý và giám sát việc tiếp nhận xử lý các ý kiến từ Khách hàng/ĐVKD/Phòng, ban nghiệp vụ trên toàn hệ thống. Hỗ trợ, giám sát và xử lý giao dịch thẻ, eBanking. Quy hoạch và quản lý hệ thống văn bản lập quy của Ngân hàng Nam Á theo đúng quy chuẩn ISO. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Vận hành:
 - o Phòng Tác nghiệp giao dịch;
 - o Phòng Quản lý ngân quỹ;
 - o Phòng Quản lý chất lượng và Dịch vụ Khách hàng;

- o Trung tâm Thanh toán.

Khối Công nghệ thông tin

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển công nghệ thông tin đã được phê duyệt thông qua các hoạt động đầu tư, phát triển, đào tạo, hỗ trợ, bảo trì và vận hành nhằm hỗ trợ công tác kinh doanh và quản trị điều hành. Tổ chức giám sát công tác vận hành hệ thống công nghệ thông tin hiệu quả, an toàn nhằm đảm bảo tính sẵn sàng, toàn vẹn, bảo mật của hệ thống. Phân tích, rà soát, đánh giá, báo cáo thực trạng hệ thống công nghệ thông tin và đề xuất các giải pháp nâng cấp và mở rộng hệ thống công nghệ thông tin. Quản lý về hạ tầng và vận hành về kỹ thuật dịch vụ lõi, số, thẻ, thiết bị đầu cuối. Đầu mối nghiên cứu, tham mưu áp dụng công nghệ hiện đại, ứng dụng vào hoạt động và dịch vụ ngân hàng. Đầu mối tiếp nhận chuyển giao và triển khai công nghệ. Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc giao.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối công nghệ thông tin:
 - o Phòng Phát triển ứng dụng;
 - o Phòng Quản lý dịch vụ;
 - o Phòng Quản lý hạ tầng;
 - o Phòng An ninh thông tin.

Các Phòng/Ban/Trung tâm chức năng không thuộc Khối:

- o Văn phòng Hội đồng quản trị (trực thuộc Hội đồng quản trị);
- o Phòng Kiểm toán nội bộ (trực thuộc Ban kiểm soát);
- o Văn phòng Tổng Giám đốc;
- o Văn phòng Đại diện;
- o Văn phòng Khu vực;
- o Phòng Nhân sự;
- o Phòng Thương hiệu;
- o Trung tâm đào tạo;
- o Trung tâm tin dụng;
- o Trung tâm Bán (thuộc Lĩnh vực Kinh doanh);
- o Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ (thuộc Lĩnh vực Giám sát);
- o Phòng Hành chính quản trị (thuộc Lĩnh vực Hỗ trợ).



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Bảng 5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á

Stt	Tên cổ đông	Số CCCD/ ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)
1	Công ty TNHH Rồng Thái Bình Dương	0301835179 do Sở KH&ĐT TPHCM cấp lần đầu ngày 07/10/1999	Cổ đông lớn	99.838.350	9,436
Tổng cộng				99.838.350	9,436

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/09/2023 của Ngân hàng Nam Á

Các cổ đông của Ngân hàng Nam Á đảm bảo tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các Luật sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ các trường hợp sau đây: a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật này; b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa; c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác."

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: "Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông".

Ngân hàng Nam Á được thành lập và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/09/1992 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với 2 sáng lập viên và 221 cổ đông, do đó tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á 30/09/2023

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)
I	Trong nước	5.241	1.057.359.912	99,934
1	Cá nhân	5.203	468.417.443	44,270
2	Tổ chức	38	588.942.469	55,664
II	Nước ngoài	44	681.703	0,066
1	Cá nhân	39	623.593	0,060
2	Tổ chức	5	58.110	0,006
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	5.285	1.058.041.615	100,000

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/09/2023 của Ngân hàng Nam Á

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Danh sách công ty mẹ của Ngân hàng Nam Á

Không có.

5.2 Danh sách công ty con của Ngân hàng Nam Á

Tính đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng có 01 công ty con, cụ thể:

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Ngày thành lập: 01/11/2006.
- Trụ sở chính: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0937972486.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304691951 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 01/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
- Vốn điều lệ đăng ký tính đến ngày 30/09/2023: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2023: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: Xử lý tài sản nợ vay bằng hình thức bảo đảm thích hợp: Cải tạo sửa chữa nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ; Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng (bao gồm nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ, thu hồi vốn nhanh nhất; Chủ động bán các tài sản thuộc quyền định đoạt của ngân hàng Nam Á theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức: Tự bán công khai trên thị trường, bán qua trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, bán lại cho công ty mua bán nợ nhà nước (khi được thành lập); Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; Thực hiện các công việc theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: Giảm nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi thành vốn góp; Xử lý tài sản nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn liên doanh bằng tài sản thu hồi nợ; Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, gồm: Mua nợ, bán nợ, môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ.
- Tỷ lệ nắm giữ của Ngân hàng Nam Á tại công ty: 100%

Bảng 7. Kết quả hoạt động kinh doanh công ty con Ngân hàng Nam Á

DVT: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Tổng tài sản	131.670	131.770	538.870
2	Nợ phải trả	3.160	3.260	4.209
3	Vốn chủ sở hữu	128.510	128.510	534.661
4	Doanh thu	23.286	25.174	24.028
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	6.965	7.714	7.738
6	Thuế TNDN	1.445	1.595	1.587
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.520	6.119	6.151

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2021 đạt doanh thu là 23.286 triệu đồng, doanh thu năm 2022 là 25.174 triệu đồng, tương ứng tăng 8% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2021 đạt 5.520 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 6.119 triệu đồng, tương ứng tăng 11% so với năm 2021. Qua 09 tháng đầu năm 2023, Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Nam Á đạt 24.028 triệu đồng doanh thu, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái (22.330 triệu đồng), lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 6.151 triệu đồng.

5.3 Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng Nam Á

Không có.

5.4 Danh sách công ty mà Ngân hàng Nam Á nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng; hoạt động mua nợ; kinh doanh cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng.

6.1.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

♦ **Sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân**

- Sản phẩm tiền gửi bao gồm: Tiền gửi thanh toán; Tiền gửi kỳ quỵ; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi với chuyên dùng.
- Sản phẩm tiết kiệm bao gồm: Gói tiết kiệm lợi ích nhân đôi; Tiết kiệm trực tuyến; Tiết kiệm Hưng Thịnh; Tiết kiệm trả lãi ngay; Tiết kiệm thông thường; Gói sản phẩm Happy Lady.
- Giấy tờ có giá: Chứng chỉ tiền gửi ghi danh trung và dài hạn.
- Sản phẩm tín dụng bao gồm: Vay kinh doanh tự do; Vay kinh doanh; Vay góp chợ; An gia lập nghiệp; Sản phẩm vay tiêu dùng; Vay tiêu dùng tín chấp; Vay siêu tốc lộc phát; Gói sản phẩm hỗ trợ du học; Vay phát triển nông nghiệp, nông thôn; Vay mua đất/ nhà để ở; Vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; Vay mua xe ô tô dành cho khách hàng cá nhân; Vay cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá; Tín chấp siêu linh hoạt.
- Sản phẩm thẻ: Thẻ tín dụng; Thẻ ghi nợ; Thẻ trả trước; Thẻ liên kết – đồng thương hiệu; Thẻ Priority Pass, Thẻ JCB, Mastercard...
- Dịch vụ chuyển, nhận tiền: Nhận chuyển tiền trong và ngoài nước; Chuyển tiền nhanh

Western Union; Nhận tiền từ nước ngoài chuyển về.

- Ngân hàng điện tử: Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7; Dịch vụ SMS, Open Banking, Mobile banking; Dịch vụ mua mã thẻ; Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước và nộp thuế điện tử; Chăm sóc khách hàng; Tiết kiệm trực tuyến; Nạp tiền điện thoại – Topup; Dịch vụ thanh toán hóa đơn; Dịch vụ thanh toán trực tuyến; Ví điện tử AirPay; Mobile Bankplus Ngân hàng Nam Á.

✦ **Sản phẩm cho khách hàng doanh nghiệp**

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi thanh toán; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi kỳ quỹ; Tiền gửi có kỳ hạn theo ngày; Tiền gửi vốn chuyển dùng; Chứng chỉ tiền gửi.
- Tín dụng doanh nghiệp: Cho vay bổ sung vốn kinh doanh (vốn lưu động/ đầu tư tài sản cố định/ đầu tư dự án); Tài trợ xuất nhập khẩu; Tài trợ đại lý xe ô tô; Tài trợ theo Dự án JICA, Tài trợ kinh doanh xăng dầu; Cho vay hỗ trợ vốn kinh doanh doanh nghiệp nhỏ và vừa – SMEs.
- Bảo lãnh: Các loại hình bảo lãnh ngân hàng (Bảo lãnh dự thầu/ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng/ Bảo lãnh thanh toán/ Bảo lãnh bảo hành/ Bảo lãnh chủ đầu tư dự án bất động sản để bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai/...); Bảo lãnh dự thầu không bảo đảm bằng tài sản.
- Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại: Chuyển tiền quốc tế; Thư tín dụng trả chậm thanh toán trả ngay – UPAS L/C; Thư tín dụng nhập khẩu/ xuất khẩu; Nhờ thu nhập khẩu/ xuất khẩu; Bảo lãnh quốc tế.
- Ngân hàng điện tử: Dịch vụ nộp thuế điện tử và thanh toán hóa đơn qua kênh ngân hàng điện tử; Open Banking; Dịch vụ SMS Banking.
- Dịch vụ khác: Quản lý tiền mặt; Dịch vụ thu – chi hộ; Dịch vụ thu hộ tiền điện; Dịch vụ chi lương; Dịch vụ thanh toán hóa đơn; Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước.

6.1.2 Hoạt động huy động vốn

Tương tự như các ngân hàng thương mại tại Việt Nam khác, huy động vốn là hoạt động truyền thống của Ngân hàng Nam Á. Giai đoạn từ sau năm 2021 đến nay, nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á có sự tăng trưởng khá ấn tượng. Tại thời điểm 31/12/2021, số dư huy động vốn của Ngân hàng Nam Á đạt gần 141.770.517 triệu đồng, tăng 13,62% so với năm 2020. Tiếp nối đà tăng trưởng đó, số dư huy động vốn của Ngân hàng Nam Á vào thời điểm 2022 đạt 159.672.876 triệu đồng, tăng 17.902.359 triệu đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng là 12,63% so với năm 2021. Đến thời điểm ngày 30/09/2023, tổng số dư vốn huy động của Ngân hàng đạt 185.231.925 triệu đồng, tăng trưởng 16,01% so với đầu năm.

[Phần còn lại của trang được có ý bỏ trống]

Bảng 8. Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	140.205.533	98,84	157.806.892	98,78	183.228.539	98,82
Ngoài nước	1.647.662	1,16	1.947.844	1,22	2.190.654	1,18
Tổng cộng	141.853.195	100,00	159.754.736	100,00	185.419.193	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 9. Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	140.122.855	98,84	157.725.032	98,78	183.041.271	98,82
Ngoài nước	1.647.662	1,16	1.947.844	1,22	2.190.654	1,18
Tổng cộng	141.770.517	100,00	159.672.876	100,00	185.231.925	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á chủ yếu huy động vốn từ các nguồn trong nước. Tại ngày 31/12/2021, số dư huy động trong nước của Ngân hàng Nam Á đạt 140.122.855 triệu đồng, chiếm 98,84% tổng nguồn vốn huy động. Tại ngày 31/12/2022 và 30/09/2023, số dư huy động trong nước của Ngân hàng Nam Á đạt lần lượt là 157.725.032 triệu đồng và 183.041.271 triệu đồng, tương ứng 98,78%; 98,82% tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng.

Để đảm bảo nhu cầu nguồn vốn phù hợp với từng thời kỳ, Ngân hàng Nam Á cũng thực hiện việc huy động vốn theo nhiều hình thức khác nhau, phong phú và đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á bao gồm:

- Tiền gửi của khách hàng;
- Phát hành các giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu;
- Tiền vay từ Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác.

Trên thị trường 1 (thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế), Ngân hàng Nam Á có đa dạng các sản phẩm với kỳ hạn linh hoạt, mức sinh lời hấp dẫn, cạnh tranh. Đi kèm với các sản phẩm Ngân hàng Nam Á thường có các chương trình khuyến mại, thay đổi lãi suất phù hợp với nhu cầu khách hàng, qua đó thu hút

manh mẽ vốn từ các tổ chức kinh tế, cá nhân với nguồn tiền gửi kỳ hạn dài và ổn định.

Trên thị trường 2 (thị trường tập trung vào các định chế tài chính như các tổ chức tín dụng, công ty tài chính,...), Ngân hàng Nam Á với lịch sử hình thành lâu đời, tình hình tài chính lành mạnh, uy tín thương hiệu và luôn tuân thủ các quy định của tổ chức tín dụng trong quá trình hoạt động. Do đó, Ngân hàng Nam Á thu hút mạnh mẽ nguồn tiền huy động khi tham gia vào thị trường liên ngân hàng cũng như các khoản tài trợ vốn từ các tổ chức tài chính khác.

Tình hình quy mô và tăng trưởng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á từ giai đoạn năm 2021 đến thời điểm 30/09/2023 như sau:

Bảng 10. Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	996	0,001	612	0,001	448	0,000
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.622.295	11,013	21.343.599	13,360	19.635.368	10,590
Tiền gửi của khách hàng	115.402.066	81,353	125.075.632	78,292	151.507.634	81,711
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	3.112	0,002	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	464.623	0,328	951.230	0,595	1.167.965	0,630
Phát hành giấy tờ có giá	10.360.103	7,303	12.383.663	7,752	13.107.778	7,069
Tổng huy động	141.853.195	100,000	159.754.736	100,000	185.419.193	100,000

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 11. Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	996	0,001	612	0,001	448	0,000
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15.622.295	11,019	21.344.036	13,367	19.635.712	10,601
Tiền gửi của khách hàng	115.319.388	81,342	124.993.335	78,281	151.320.022	81,692
Công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	3.112	0,002	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	464.623	0,328	951.230	0,596	1.167.965	0,631
Phát hành giấy tờ có giá	10.360.103	7,308	12.383.663	7,755	13.107.778	7,076
Tổng huy động	141.770.517	100,000	159.672.876	100,000	185.231.925	100,000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

(i) Tiền vay Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Tại thời điểm 31/12/2022, các khoản nợ Chính phủ và NHNN giảm 384 triệu đồng so với năm 2021 đạt 612 triệu đồng. Đến 30/09/2023, khoản nợ này tiếp tục giảm và còn khoảng 448 triệu đồng.

(ii) Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác

Về tiền gửi và vay của các TCTD khác, số dư tại ngày 31/12/2022 đạt 21.344.036 triệu đồng, tăng 36,63% so với cuối năm 2021 là 15.622.295 triệu đồng, chiếm 13,37% tổng nguồn vốn huy động trong kỳ của Ngân hàng Nam Á. Tới thời điểm 30/09/2023, số dư này đạt 19.635.712 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 10,60% trong tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn này được sử dụng cho mục tiêu cân đối nguồn vốn, đảm bảo tính thanh khoản và các khoản đầu tư tài chính khác, đem lại lợi nhuận và đóng góp tích cực vào

kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng Nam Á.

Bảng 12. Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tiền gửi của các TCTD khác	13.071.047	20.279.048	18.548.381
Bảng VND	11.283.287	19.046.648	17.431.041
Bảng USD	1.787.760	1.232.400	1.117.340
Vay các TCTD khác	2.551.248	1.064.551	1.086.987
Bảng VND	1.361.896	64.629	62.189
Bảng USD	1.189.352	999.922	1.024.798
Tổng cộng	15.622.295	21.343.599	19.635.368

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 13. Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tiền gửi của các TCTD khác	13.071.047	20.279.048	18.548.381
Bảng VND	11.283.287	19.046.648	17.431.041
Bảng USD	1.787.760	1.232.400	1.117.340
Vay các TCTD khác	2.551.248	1.064.988	1.087.331
Bảng VND	1.361.896	65.066	62.533
Bảng USD	1.189.352	999.922	1.024.798
Tổng cộng	15.622.295	21.344.036	19.635.712

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Số dư tiền gửi của các TCTD tại thời điểm 31/12/2022 đạt 20.279.048 triệu đồng, tăng 55,14% so với năm trước, trong đó tiền gửi bằng VND là 19.046.648 triệu đồng, còn lại 1.232.400 triệu đồng là tiền gửi bằng ngoại tệ (USD). Tính đến hết 09 tháng đầu năm 2023, số dư tiền gửi của các TCTD đạt mức 18.548.381 triệu đồng, trong đó tiền gửi bằng VND là 17.431.041 triệu đồng và tiền gửi bằng ngoại tệ là 1.117.340 triệu đồng.

Số dư tiền vay các TCTD tại thời điểm 31/12/2022 là 1.064.988 triệu đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn huy động của Ngân hàng Nam Á, trong đó tiền vay các TCTD bằng VND là 65.066 triệu đồng còn lại 999.922 triệu đồng là tiền vay bằng ngoại tệ (USD). Số dư này vẫn được duy trì đến hết 09 tháng đầu năm 2023 đạt 1.087.331 triệu đồng, trong đó 62.533 triệu đồng là tiền vay bằng VND, còn lại 1.024.798 triệu đồng là tiền vay bằng ngoại tệ.

(iii) Tiền gửi của khách hàng

Ngân hàng Nam Á là một trong những ngân hàng cổ phần có quy mô khá nhưng được ghi nhận tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi nằm trong nhóm tăng trưởng nhanh nhất trong hệ thống các ngân hàng. Huy động nguồn vốn từ tiền gửi của khách hàng luôn là kênh huy động tăng trưởng ổn định, liên tục và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư của Ngân hàng. Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động - chiếm trung bình hơn 80% tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á trong giai đoạn từ năm 2021 đến 30/09/2023. Tính đến hết 09 tháng đầu năm 2023, tổng giá trị tiền gửi của khách hàng là 151.320.022 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 81,69%, tăng 26.326.687 triệu đồng (tăng trưởng 21%) so với thời điểm đầu năm 2023.

Về đối tượng

Trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng, các đối tượng huy động chính tại Ngân hàng là nhóm khách hàng cá nhân, chiếm 76,42% tại thời điểm 31/12/2021 và 81,59% tại thời điểm 31/12/2022; tỷ trọng tiền gửi của nhóm khách hàng doanh nghiệp cũng không biến động nhiều trong những năm gần đây đạt 21,64% và 17,29% lần lượt tại thời điểm ngày 31/12/2021 và 31/12/2022. Cơ cấu này vẫn được duy trì đến hết 09 tháng đầu năm 2023 với tỷ trọng đối tượng là nhóm khách hàng cá nhân vẫn chiếm chủ yếu với 79,73%, còn nhóm khách hàng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 16,30%.

Bảng 14. Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cá nhân	88.128.497	76,37	101.983.707	81,54	120.649.048	79,63
Tổ chức	25.032.294	21,69	21.695.120	17,35	24.858.523	16,41
Đối tượng khác	2.241.275	1,94	1.396.805	1,11	6.000.063	3,96
Tổng cộng	115.402.066	100,00	125.075.632	100,00	151.507.634	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 15. Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cá nhân	88.128.497	76,42	101.983.707	81,59	120.649.048	79,73

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổ chức	24.949.616	21,64	21.612.823	17,29	24.670.911	16,30
Đối tượng khác	2.241.275	1,94	1.396.805	1,12	6.000.063	3,97
Tổng cộng	115.319.388	100,00	124.993.335	100,00	151.320.022	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Về kỳ hạn

Xét theo thời hạn huy động tiền gửi của khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn luôn chiếm tỷ trọng cao (chiếm lần lượt 90,60%; 93,13% và 94,00% trên tổng tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2021; 31/12/2022 và 30/09/2023), điều này tạo cho Ngân hàng Nam Á có sự ổn định và chủ động trong việc điều hành và quản lý khả năng thanh toán.

Bảng 16: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi không kỳ hạn	10.490.542	9,09	8.271.076	6,61	8.175.457	5,40
Tiền gửi có kỳ hạn	104.550.553	90,60	116.476.253	93,13	142.412.299	94,00
Tiền ký quỹ	302.477	0,26	251.649	0,20	279.381	0,18
Tiền gửi vốn chuyên dùng	58.494	0,05	76.654	0,06	640.497	0,42
Tổng cộng	115.402.066	100,00	125.075.632	100,00	151.507.634	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 17: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi không kỳ hạn	10.483.864	9,09	8.267.779	6,61	8.166.845	5,40

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi có kỳ hạn	104.474.553	90,60	116.397.253	93,13	142.233.299	94,00
Tiền ký quỹ	302.477	0,26	251.649	0,20	279.381	0,18
Tiền gửi vốn chuyên dùng	58.494	0,05	76.654	0,06	640.497	0,42
Tổng cộng	115.319.388	100,00	124.993.335	100,00	151.320.022	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

(iv) Phát hành giấy tờ có giá

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay, kênh huy động vốn từ hoạt động phát hành giấy tờ có giá dần trở thành một trong những công cụ huy động vốn của Ngân hàng Nam Á. Cụ thể:

- Trong năm 2021, Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát hành 5.850 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn từ 18 tháng đến 7 năm; không phát hành trái phiếu.
- Trong năm 2022, Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát hành 5.600 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn từ 12 đến 36 tháng cho khách hàng cá nhân và tổ chức và 300 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 03 năm cho các tổ chức/định chế tài chính khác.
- Trong 09 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Nam Á phát hành thêm 5.500 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn từ dưới 12 tháng đến 06 năm cho các khách hàng cá nhân và tổ chức và 1.110 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 6 năm cho các cá nhân và các tổ chức là định chế tài chính.

Bảng 18. Phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng Nam Á

Khối lượng, kỳ hạn phát hành	Năm 2021		Năm 2022		30/09/2023	
	CCTG	Trái phiếu	CCTG	Trái phiếu	CCTG	Trái phiếu
1.900 tỷ: 6-7 năm - Lãi suất 7,1-7,2%/năm 3.950 tỷ: từ 18 đến 36 tháng - Lãi suất 3,7-7,2%/năm		0	5.500 tỷ: từ 12 đến 36 tháng - Lãi suất 3,9-7,4%/năm	300 tỷ: 03 năm - Lãi suất 4,1-4,4%/năm	1.400 tỷ: 6 năm - Lãi suất 8,7-9,7%/năm 4.100 tỷ: kỳ hạn dưới 12 tháng - Lãi suất 5,9-9,3%/năm	1.110 tỷ: 06 năm - Lãi suất từ 9,5-9,7%/năm

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

Trong năm 2021, Ngân hàng Nam Á thực hiện tất toán tổng cộng 300 tỷ đồng gốc trái phiếu từ việc mua lại trước hạn trái phiếu kỳ hạn 3 năm và không phát hành thêm trái phiếu trong năm. Trong năm 2022, Ngân hàng Nam Á thực hiện tất toán tổng cộng 500 tỷ đồng gốc trái phiếu từ việc mua lại trước hạn. Đồng thời, Ngân hàng Nam Á cũng đã thực hiện phát hành trái phiếu với tổng mệnh giá là 300 tỷ đồng với kỳ hạn 3 năm. Trong 09 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Nam Á thực hiện mua lại trước hạn trái phiếu với giá trị mua lại theo mệnh giá 200 tỷ đồng. Đồng thời, Ngân hàng Nam Á cũng đã thực hiện phát hành mới trái phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 1.110 tỷ đồng, kỳ hạn 6 năm, lãi suất phát hành từ 9,5% - 9,7%/năm.

Việc thanh toán lãi các trái phiếu đến hạn thanh toán của Ngân hàng Nam Á trong năm 2021, năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 được thực hiện đầy đủ và đúng hạn tại các ngày thanh toán lãi.

Bảng 19. Tình hình thanh toán gốc lãi trái phiếu

DVT: Tỷ đồng

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị	Thanh toán lãi kỳ 1			Thanh toán lãi kỳ 2			Thanh toán lãi kỳ 3			Thanh toán gốc		Ngày thanh toán thực tế
				Ngày thanh toán	Số tiền		Ngày thanh toán	Số tiền		Ngày thanh toán	Số tiền		Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	
NAB.BOND.01.2019.200	24/09/2019	24/09/2029	200	24/09/2020	15,6		24/09/2021	15,6		24/09/2022	15,6		//	//	//
NAB.BOND.01.2020.500	15/09/2020	15/09/2023	500	15/09/2021	29		15/09/2022	29		//	//		500	500	15/09/2022
NAB.BOND.02.2020.300	21/09/2020	21/09/2023	300	21/09/2021	16,5		//	//		//	//		300	300	21/09/2021
NABL.2225001	21/04/2022	21/04/2025	200	21/04/2023	8,2		//	//		//	//		200	200	21/04/2023
NABL.2225002	27/05/2022	27/05/2025	100	27/05/2023	4,4					Chưa đến kỳ thanh toán					
NABL.2329001	26/06/2023	26/06/2029	400												
NABL.2329002	29/06/2023	29/06/2029	300							Chưa đến kỳ thanh toán					
NABL.2329003	30/06/2023	30/06/2029	410												



(v) Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

Chủ yếu liên quan đến các giao dịch kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ. Các khoản này có giá trị không đáng kể.

(vi) Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay

Khoản vốn tài trợ bằng VND nhận từ NHNN với nguồn vốn được hỗ trợ bởi Tổ chức hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA, có kỳ hạn gốc từ 03 đến 07 năm với mục đích hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số dư khoản mục này tại 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 lần lượt là 6.223 triệu, 3.230 triệu đồng và 2.045 triệu đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á còn nhận một phần vốn tài trợ bằng USD nhằm tài trợ cho các dự án có mục đích phù hợp theo thỏa thuận. Số dư khoản mục này tại 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 lần lượt là 458.400 triệu đồng, 948.000 triệu đồng và 1.167.965 triệu đồng.

JICA tại Ngân hàng Nam Á:

Ngân hàng Nam Á bắt đầu triển khai Dự án Tài trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) giai đoạn III từ ngày 30/06/2015. Các khoản vay thuộc Dự án JICA bao gồm các mục đích sau:

- ✓ Đầu tư phương tiện vận tải.
- ✓ Đầu tư máy móc thiết bị.
- ✓ Đầu tư xây mới nhà xưởng.
- ✓ Đầu tư mua lại nhà xưởng.

Từ 2020 cho đến nay, Ngân hàng Nam Á không phát sinh các khoản vay mới thuộc dự án JICA. Tất cả các khoản vay đều trả nợ đúng hạn.

6.1.3 Hoạt động tín dụng

Theo đặc thù của ngành ngân hàng Việt Nam, tín dụng là mảng hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu của Ngân hàng Nam Á. Trong các năm qua, tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nam Á biến động theo chiều hướng khá tích cực. Hoạt động tín dụng tại 31/12/2022 của Ngân hàng có sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Cụ thể, tổng dư nợ cho vay khách hàng tại 31/12/2022 đạt 119.538.340 triệu đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng 16,45% so với mức 102.653.266 triệu đồng tại 31/12/2021. Tại thời điểm 30/09/2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á là 132.248.941 triệu đồng, tăng trưởng 10,63% so với đầu năm.

Sự tăng trưởng quy mô hoạt động tín dụng của Ngân hàng xuất phát từ việc Ngân hàng Nam Á đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, bên cạnh nhu cầu vay vốn ngày càng tăng do ổn định kinh tế và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ. Ngoài ra, Ngân hàng có nhiều chính sách để mở rộng thị trường, hướng tới nhiều đối tượng khách hàng với nhiều ưu đãi, từ đó dẫn đến tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn này.

Bảng 20. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi tại và cho vay TCTD	17.770.233	14,76	23.905.527	16,67	31.584.497	19,28
Cho vay khách hàng	102.653.266	85,24	119.538.340	83,33	132.248.941	80,72
Tổng cộng	120.423.499	100,00	143.443.867	100,00	163.833.438	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 21. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi tại và cho vay TCTD	17.770.233	14,76	23.905.527	16,67	31.584.497	19,28
Cho vay khách hàng	102.653.266	85,24	119.538.340	83,33	132.248.941	80,72
Tổng cộng	120.423.499	100,00	143.443.867	100,00	163.833.438	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Chất lượng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng phải đi liền với tình an toàn và hiệu quả của hoạt động tín dụng, tại Ngân hàng Nam Á chất lượng tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu luôn đảm bảo thấp hơn mức cho phép theo quy định của NHNN ($\leq 3\%$) theo Thông tư 18/2022/TT-NHNN do Thống đốc NHNN ban hành ngày 26/12/2022. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng Nam Á (theo BCTC hợp nhất) năm 2021; năm 2022 và tại ngày 30/09/2023 lần lượt là 1,57%; 1,63% và 2,84%.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 22. Chất lượng nợ khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	99.023.365	96,46	114.017.677	95,38	124.686.438	94,28
Nợ cần chú ý	2.016.764	1,97	3.575.428	2,99	3.811.015	2,88
Nợ dưới tiêu chuẩn	321.506	0,31	131.947	0,11	1.369.663	1,04
Nợ nghi ngờ	192.739	0,19	237.337	0,2	842.783	0,64
Nợ có khả năng mất vốn	1.098.892	1,07	1.575.951	1,32	1.539.042	1,16
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00
Nợ xấu	1.613.137	1,57	1.945.235	1,63	3.751.488	2,84

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 23. Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	99.023.365	96,46	114.017.677	95,38	124.686.438	94,28
Nợ cần chú ý	2.016.764	1,97	3.575.428	2,99	3.811.015	2,88%
Nợ dưới tiêu chuẩn	321.506	0,31	131.947	0,11	1.369.663	1,04%
Nợ nghi ngờ	192.739	0,19	237.337	0,20	842.783	0,64%
Nợ có khả năng mất vốn	1.098.892	1,07	1.575.951	1,32	1.539.042	1,16%
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00
Nợ xấu	1.613.137	1,57	1.945.235	1,63	3.751.488	2,84

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á thực hiện việc phân loại nợ theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là “Thông tư 11”). Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu. Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á cũng áp dụng phương pháp định tính quy định tại Điều 11 của Thông tư 11 bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối với khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, Ngân hàng Nam Á thực hiện việc phân loại các khoản vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 năm 2020 và năm 2021, Ngân hàng Nam Á cũng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan. Bên cạnh đó, 09 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Nam Á cũng tham gia thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ khoản vay phục vụ đời sống, tiêu dùng.

Bảng 24. Phân loại nợ theo phương pháp định lượng của Ngân hàng Nam Á

STT	Nhóm nợ	Diễn giải
1	Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2	Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
3	Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc

STT	Nhóm nợ	Diễn giải
		d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng. e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.
4	Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc d) Khoản nợ quy định tại điểm (đ) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.
5	Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc

STT	Nhóm nợ	Diễn giải
		c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc e) Khoản nợ quy định tại điểm (đ) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản. i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Các quy trình quản lý chất lượng được Ngân hàng Nam Á tiếp tục chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ. Công tác kiểm soát sau cho vay, thu hồi nợ quá hạn được chú trọng cùng với việc triển khai các mô hình kiểm soát rủi ro, mô hình xếp hạng riêng đối với từng phân khúc, mô hình cảnh báo nợ sớm và thành lập riêng các nhóm nhắc nợ, thu hồi nợ trực tiếp tại địa bàn đối với danh mục cho vay cá nhân nhỏ lẻ trên toàn hệ thống nên chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện. Ngân hàng Nam Á luôn thực hiện kiểm soát chặt chẽ nợ xấu theo quy định tại Thông tư 11, trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ danh mục tài sản có bao gồm: Cho vay, Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại các TCTD, cho vay các TCTD, chiết khấu, mua nợ,...Do đó, chất lượng tín dụng của Ngân hàng Nam Á luôn được đảm bảo trong giới hạn an toàn cho phép. Nợ đủ tiêu chuẩn đạt tỷ lệ cao và duy trì trong nhiều năm nay.

Song song với việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nam Á thường xuyên chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng của các khoản cho vay để đảm bảo an toàn hiệu quả trong hoạt động tín dụng. Vì vậy, việc trích lập dự phòng luôn được Ngân hàng Nam Á chú trọng và tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 25. Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Dự phòng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Dự phòng cụ thể	521,104	359,510	389,754
Dự phòng chung	761,658	884,718	980,325
Tổng quỹ dự phòng	1.282.762	1.244.228	1.370.079

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Công tác kiểm soát cấp tín dụng trước và sau cho vay được Ngân hàng Nam Á thực hiện chặt chẽ, các khoản vay đều có tài sản bảo đảm, các tài sản bảo đảm này được loại trừ giá trị khấu trừ theo đúng quy định của NHNN. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN.

Về khung quản lý rủi ro, Ngân hàng Nam Á là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc triển khai hệ thống quản lý rủi ro tiên tiến tuân thủ theo quy định NHNN và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế ngay từ những ngày đầu trong giai đoạn tái cơ cấu 2016 – 2020 của ngành ngân hàng. Thực hiện theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN ngày 18/05/2018 (“Thông tư 13”) về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nam Á đáp ứng cơ cấu tổ chức giám sát của quản lý cấp cao bao gồm: (i) Hội đồng quản trị - có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự trực thuộc; (ii) Ban kiểm soát – giám sát đối với hoạt động kiểm toán nội bộ và (iii) Tổng Giám đốc – có Hội đồng rủi ro, Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) và Hội đồng quản lý vốn đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc. Việc đáp ứng các quy định tại Thông tư 13 giúp Ngân hàng Nam Á đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng hoạt động thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ với những tiêu chuẩn quản trị rủi ro cao và chặt chẽ hơn.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là loại rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết hoạt động của Ngân hàng Nam Á phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường, báo cáo và cảnh báo thường xuyên để có các biện pháp xử lý kịp thời, giảm thiểu và phòng ngừa được rủi ro. Ngân hàng Nam Á đã chủ động triển khai xây dựng các giải pháp phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch kỳ hạn, giao dịch tương lai, giao dịch hoán đổi lãi suất và tiền tệ.

Bảng 26. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 31/12/2021

Tại ngày 31/12/2021	Qua hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Tài sản	3.629.901	7.774.260	47.127.309	55.793.930	7.285.421	14.136.765	2.402.782	154.859.008
Tiền mặt và vàng	-	1.001.628	-	-	-	-	-	1.001.628
Tiền gửi tại NHNN	-	-	5.131.299	-	-	-	-	5.131.299
Tiền gửi và cho vay các TCCTD khác - góp	-	229.885	12.270.948	5.269.400	-	-	-	17.770.233
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	144.141	-	-	-	-	-	144.141
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - góp	3.629.901	27.386	29.425.062	48.521.354	6.405.421	13.136.720	1.507.622	102.653.266
Chứng khoán đầu tư - góp	-	1.377.193	300.000	2.003.376	880.000	1.000.045	895.160	23.164.414
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	125.800	-	-	-	-	-	125.800
Tài sản cố định	-	981.992	-	-	-	-	-	981.992
Bất động sản đầu tư	-	15.971	-	-	-	-	-	15.971
Tài sản có khác - góp	-	3.870.264	-	-	-	-	-	3.870.264
Nợ phải trả	-	3.445.259	45.015.020	31.665.719	29.747.523	24.952.523	8.692.244	145.212.664
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN VN	-	-	-	638	358	-	-	996
Tiền gửi và vay các TCCTD	-	-	9.660.671	4.981.076	446.641	641	533.266	15.622.295
Tiền gửi của khách hàng	-	-	35.312.606	26.194.545	27.116.714	23.241.402	3.452.285	115.319.388
Các công cụ phải sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	3.112	-	-	-	-	-	3.112



Tại ngày 31/12/2021	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Vốn tài trợ, UTDT, cho vay mà các TCTD chịu rủi ro	-	-	6.223	114.600	229.200	114.600	-	464.623
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	35.520	374.860	1.954.610	1.595.880	1.692.540	10.360.103
Các khoản nợ khác	-	3.442.147	-	-	-	-	-	3.442.147
Mức chênh lệch nhảy cầm với lãi suất								
Mức chênh lệch nhảy cầm với lãi suất - nợ bằng	3.629.901	4.329.001	2.112.289	24.128.211	(22.462.102)	(10.815.758)	(6.289.462)	9.646.344
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhảy cầm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhảy cầm với lãi suất nội, ngoại bảng	3.629.901	4.329.001	2.112.289	24.128.211	(22.462.102)	(10.815.758)	(6.289.462)	9.646.344

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Ngân hàng Nam A

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 27. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 31/12/2022

Tại ngày 31/12/2022	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản	4.963.002	9.949.883	53.764.044	76.895.870	11.083.156	5.443.221	3.304.847	14.133.002	179.537.025
Tiền mặt và vàng	-	1.062.738	-	-	-	-	-	-	1.062.738
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.975.334	-	-	-	-	-	1.975.334
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	289.885	18.942.981	4.277.400	395.261	-	-	-	23.905.527
Các CCTC phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	104.949	-	-	-	-	-	-	104.949
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - gộp	4.963.002	-	32.445.729	70.031.086	7.600.295	2.813.096	1.645.132	40.000	119.538.340
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	1.888.361	400.000	2.587.384	3.087.600	2.630.125	1.659.715	14.093.002	26.346.187
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	85.320	-	-	-	-	-	-	85.320
Tài sản cố định	-	1.042.529	-	-	-	-	-	-	1.042.529
Bất động sản đầu tư	-	15.971	-	-	-	-	-	-	15.971
Tài sản có khác - gộp	-	5.460.130	-	-	-	-	-	-	5.460.130
Nợ phải trả	-	5.256.078	45.067.372	29.328.740	45.516.477	31.665.971	7.892.751	201.565	164.928.954
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	612	-	-	-	-	-	612
Tiền gửi và vay các TCTD	-	-	16.321.971	3.977.770	41.887	1.909	1.000.499	-	21.344.036
Tiền gửi của khách hàng	-	-	28.257.952	22.082.664	41.279.080	26.779.822	6.592.252	1.565	124.993.335

Tại ngày 31/12/2022	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vốn tài trợ, UTĐT, cho vay mà các TCTD chịu rủi ro	-	-	3.230	118.500	829.500	-	-	-	951.230
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	483.607	3.149.806	3.366.010	4.884.240	300.000	200.000	12.383.663
Các khoản nợ khác	-	5.256.078	-	-	-	-	-	-	5.256.078
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất									
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất - nội bảng	4.963.002	4.693.805	8.696.672	47.567.130	(34.433.321)	(26.222.750)	(4.587.904)	13.931.437	14.608.071
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhảy cảm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	4.963.002	4.693.805	8.696.672	47.567.130	(34.433.321)	(26.222.750)	(4.587.904)	13.931.437	14.608.071

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Ngân hàng Nam A

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 28. Thời hạn định lại lãi suất của các Tài sản và Nợ phải trả tại ngày 30/09/2023

Tại ngày 30/09/2023	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản	6.532.583	19.352.534	69.625.043	73.482.381	22.166.824	16.260.049	1.271.125	95.409	208.785.948
Tiền mặt và vàng	-	1.102.147	-	-	-	-	-	-	1.102.147
Tiền gửi tại NHNN	-	7.669.685	-	-	-	-	-	-	7.669.685
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	289.885	24.310.272	3.539.540	1.444.800	-	-	-	31.584.497
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	48.369	-	-	-	-	-	-	48.369
Cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ - gộp	6.532.583	-	44.884.172	64.050.120	13.711.849	2.162.791	812.017	95.409	132.248.941
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	1.430.659	430.599	3.892.721	7.010.175	14.097.258	459.108	-	27.320.520
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	85.320	-	-	-	-	-	-	85.320
Tài sản cố định	-	1.555.728	-	-	-	-	-	-	1.555.728
Bất động sản đầu tư	-	15.971	-	-	-	-	-	-	15.971
Tài sản có khác - gộp	-	7.154.770	-	-	-	-	-	-	7.154.770
Nợ phải trả	-	7.302.255	56.939.073	38.125.860	51.740.091	33.722.199	4.703.282	1.420	192.534.180
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	448	-	-	-	-	-	448
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	14.298.546	4.273.474	38.894	320.388	704.410	-	19.635.712
Tiền gửi của khách hàng	-	-	41.936.884	32.599.576	47.515.269	25.281.891	3.984.982	1.420	151.320.022

Tại ngày 30/09/2023	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, UTDI, cho vay mà các TCTD chịu rủi ro	-	-	2.045	364.350	315.770	485.800	-	1.167.965
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	701.150	888.460	3.870.158	7.634.120	13.890	13.107.778
Các khoản nợ khác	-	7.302.255	-	-	-	-	-	7.302.255
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất	6.532.583	12.050.279	12.685.970	35.356.521	(29.573.267)	(17.462.150)	(3.432.157)	16.251.768
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất - nội bảng	6.532.583	12.050.279	12.685.970	35.356.521	(29.573.267)	(17.462.150)	(3.432.157)	16.251.768
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhảy cảm với Lãi suất của các tài sản và nợ phải trả (thuần)	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhảy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	6.532.583	12.050.279	12.685.970	35.356.521	(29.573.267)	(17.462.150)	(3.432.157)	16.251.768

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam A

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]



Sản phẩm tín dụng

Để thuận lợi trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển, các sản phẩm tín dụng cho khách hàng của Ngân hàng Nam Á được phân loại và quản lý theo thời hạn vay, theo ngành kinh tế và đối tượng vay.

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo thời hạn vay

Trong tổng dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) của Ngân hàng Nam Á, các khoản vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay trong các năm gần đây. Dư nợ cho vay ngắn hạn tại 31/12/2021 đạt 49.743.605 triệu đồng, chiếm 48,46% tổng dư nợ. Đến thời điểm 31/12/2022, dư nợ cho vay ngắn hạn tăng 25,63% so với năm 2021 đạt 62.493.606 triệu đồng, chiếm 52,28% tổng dư nợ. Tại thời điểm ngày 30/09/2023, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 73.579.896 triệu đồng, chiếm 55,64% tổng dư nợ tín dụng cho vay khách hàng.

Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ tín dụng luôn được Ngân hàng Nam Á chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 29. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cho vay ngắn hạn	49.743.605	48,46	62.493.606	52,28	73.579.896	55,64
Cho vay trung hạn	24.798.591	24,16	21.893.368	18,31	22.057.583	16,68
Cho vay dài hạn	28.111.070	27,38	35.151.366	29,41	36.611.462	27,68
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 30. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cho vay ngắn hạn	49.743.605	48,46	62.493.606	52,28	73.579.896	55,64
Cho vay trung hạn	24.798.591	24,16	21.893.368	18,31	22.057.583	16,68
Cho vay dài hạn	28.111.070	27,38	35.151.366	29,41	36.611.462	27,68
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo ngành nghề kinh doanh

Trong những năm gần đây, Ngân hàng Nam Á đã đẩy mạnh cho vay nhiều ngành nghề ít rủi ro như bán buôn bán lẻ, cho vay hộ gia đình, dịch vụ lưu trú và ăn uống,... và một số ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, NHNN.

Bảng 31. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	22.993.805	22,41	37.639.806	31,49	48.728.168	36,85
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	22.398.666	21,82	18.790.483	15,72	17.386.177	13,15
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	13.123.162	12,78	13.579.432	11,36	15.692.453	11,87
Xây dựng	12.142.802	11,83	12.031.681	10,07	12.249.452	9,26
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	11.326.319	11,03	9.484.311	7,93	9.991.022	7,55
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.569.527	6,40	8.602.831	7,20	8.411.656	6,36
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.774.895	2,70	3.706.926	3,10	3.221.185	2,44

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	2.158.871	2,10	3.532.132	2,91	3.390.899	2,56
Các ngành khác	9.165.219	8,93	12.170.738	10,18	13.177.929	9,96
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 32. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	22.993.805	22,41	37.639.806	31,49	48.728.168	36,85
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	22.398.666	21,82	18.790.483	15,72	17.386.177	13,15
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	13.123.162	12,78	13.579.432	11,36	15.692.453	11,87
Xây dựng	12.142.802	11,83	12.031.681	10,07	12.249.452	9,26
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	11.326.319	11,03	9.484.311	7,93	9.991.022	7,55

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.569.527	6,40	8.602.831	7,20	8.411.656	6,36
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.774.895	2,70	3.706.926	3,10	3.221.185	2,44
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	2.158.871	2,10	3.532.132	2,95	3.390.899	2,56
Các ngành khác	9.165.219	8,93	12.170.738	10,18	13.177.929	9,96
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của Ngân hàng Nam Á tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân:

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đa dạng hóa các hình thức tín dụng cá nhân, bao gồm: Cho vay mua bất động sản; vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; vay linh hoạt; vay siêu tốc; vay tiêu dùng tín chấp; vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh trả góp; vay phát triển kinh tế hộ gia đình; vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; gói sản phẩm hỗ trợ du học. Dư nợ tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lần lượt 24,43%; 22,31% và 20,72% tại 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023.

Đối với khách hàng doanh nghiệp:

Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp luôn ở mức cao trong cơ cấu tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á và có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn năm 2021 – 30/09/2023, từ mức 75,57% tại thời điểm 31/12/2021, tăng lên mức 77,69% tại thời điểm 31/12/2022 và tăng lên mức 79,28% tại ngày 30/09/2023. Đối tượng khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong loại hình này là loại hình các công ty cổ phần và công ty TNHH.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 33. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Công ty TNHH	39.464.451	38,44	47.750.561	39,95	55.397.418	41,89
Công ty cổ phần	38.039.741	37,06	45.053.766	37,69	49.389.733	37,35
Doanh nghiệp tư nhân	332	0,00	4.532	0,00	3.782	0,00
Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	25.077.106	24,43	26.669.441	22,31	27.404.888	20,72
Khác	71.636	0,07	60.040	0,05	53.120	0,04
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 34. Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Công ty TNHH	39.464.451	38,44	47.750.561	39,95	55.397.418	41,89
Công ty cổ phần	38.039.741	37,06	45.053.766	37,69	49.389.733	37,35
Doanh nghiệp tư nhân	332	0,00	4.532	0,00	3.782	0,00
Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	25.077.106	24,43	26.669.441	22,31	27.404.888	20,72
Khác	71.636	0,07	60.040	0,05	53.120	0,04
Tổng cộng	102.653.266	100,00	119.538.340	100,00	132.248.941	100,00

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng Nam Á được tính toán và tuân thủ ngưỡng giới hạn tối thiểu là 8% theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 41"). (Ngân hàng Nam Á không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 22/2019/TT-NHNN theo quy định).

Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/12/2021; 31/12/2022 và 30/09/2023 đảm bảo cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định tại Thông tư 41.

Bảng 35. Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của Ngân hàng Nam Á

DVT: %

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	9,40	8,90	9,18
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	9,46	8,92	9,22

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

6.1.4. Hoạt động Đầu tư tài chính

Hoạt động Đầu tư tài chính của Ngân hàng Nam Á năm 2021; 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 đạt được một số kết quả như sau:

Bảng 36. Hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	272.811	119.367	10.071
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5.671	106.470	38
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	278.482	225.837	10.109

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Trong năm 2021 và 2022 và 09 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Nam Á không phát sinh doanh số mua bán chứng khoán kinh doanh. Do đó, hoạt động đầu tư chứng khoán không phát sinh "Lãi (lỗ) từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Bảng 37. Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	272.986	119.367	10.071
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	151	100.352	38
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	273.137	219.719	10.109

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á



6.1.5 Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 38. Hoạt động đầu tư chứng khoán (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.990.857	13.492.370	14.782.886
Chứng khoán Nợ	9.990.857	13.348.229	14.638.745
- Trái phiếu Chính phủ	5.207.436	3.573.245	3.555.622
- Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	2.400.045	7.450.000	9.630.901
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.383.376	2.324.984	1.452.222
Chứng khoán Vốn	-	144.141	144.141
- Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	103.369	103.369
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	40.772	40.772
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	11.796.364	11.109.597	11.251.116
Dự phòng rủi ro đầu tư chứng khoán	(30.537)	(49.625)	(27.467)
Tổng cộng (Không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	21.756.684	24.552.342	26.006.535
<i>Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành^(*)</i>	<i>1.377.193</i>	<i>1.744.220</i>	<i>1.286.518</i>
<i>Dự phòng rủi ro trái phiếu đặc biệt</i>	<i>(275.439)</i>	<i>(637.815)</i>	<i>(612.110)</i>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 39. Hoạt động đầu tư chứng khoán (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.990.857	13.492.370	14.782.886
Chứng khoán Nợ	9.990.857	13.348.229	14.638.745
- Trái phiếu Chính phủ	5.207.436	3.573.245	3.555.622
- Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	2.400.045	7.450.000	9.630.901

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
- Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.383.376	2.324.984	1.452.222
Chứng khoán Vốn	-	144.141	144.141
- Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	103.369	103.369
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	40.772	40.772
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	11.796.364	11.109.597	11.251.116
Dự phòng rủi ro đầu tư chứng khoán	(30.537)	(49.625)	(27.467)
Tổng cộng (Không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	21.756.684	24.552.342	26.006.535
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành ^(*)	1.377.193	1.744.220	1.286.518
Dự phòng rủi ro trái phiếu đặc biệt	(275.439)	(637.815)	(612.110)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Giá trị danh mục đầu tư chứng khoán (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) của Ngân hàng Nam Á tại ngày 31/12/2022 đạt 24.552.342 triệu đồng, tăng 12,85% so với thời điểm cuối năm 2021. Tại thời điểm 30/09/2023, danh mục đầu tư chứng khoán (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) của Ngân hàng Nam Á đạt 26.006.535 triệu đồng.

(*) Ngân hàng Nam Á có kế hoạch xử lý dứt điểm toàn bộ các khoản nợ đã bán cho VAMC, qua đó tất toán các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm 2023 (hoặc Quý I năm 2024).

6.1.6 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

(i) Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng)

Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng) của Ngân hàng Nam Á chủ yếu phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế và điều hòa trạng thái ngoại tệ.

Bảng 40. Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	107.085	289.332	199.571
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	(61.213)	(232.286)	(197.814)
Lãi thuần hoạt động kinh doanh ngoại hối	45.872	57.046	1.757

Bảng 41. Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	107.085	289.332	199.571
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	(61.213)	(232.286)	(197.814)
Lãi thuần hoạt động kinh doanh ngoại hối	45.872	57.046	1.757

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Năm 2022, doanh số kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng Nam Á đạt 213.946,30 tỷ đồng, giảm 5,18% so với năm 2021 (trong đó doanh số mua năm 2022 đạt 138.508,57 tỷ đồng, giảm 12,86% so với năm 2021; doanh số bán năm 2022 tăng 9,20% so với năm 2021, đạt 75.437,74 tỷ đồng). Giao dịch ngoại tệ với khách hàng doanh nghiệp và cá nhân đạt 28.899,22 tỷ đồng, doanh số giao dịch khách hàng liên ngân hàng (bao gồm hoạt động hoán đổi ngoại tệ) đạt 185.047,08 tỷ đồng. Hoạt động hoán đổi ngoại tệ năm 2022 đạt 117.362,61 tỷ đồng, chủ yếu hoán đổi từ USD sang VND là hoạt động kinh doanh thường xuyên của ngân hàng trong những năm gần đây nhằm tận dụng nguồn huy động vốn ngoại tệ dồi dào từ trong nước và nước ngoài với lãi suất thấp, kỳ hạn dài. Tất cả các hoạt động kinh doanh ngoại tệ đều được Ngân hàng Nam Á quản lý rủi ro chặt chẽ với các hạn mức và trạng thái được thiết lập theo khẩu vị rủi ro Ngân hàng Nam Á và đáp ứng tiêu chuẩn yêu cầu của NHNN. Tính đến hết 09 tháng năm 2023, doanh số kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng Nam Á đạt 345.115,23 tỷ đồng, trong đó hoạt động hoán đổi ngoại tệ ghi nhận mức 242.665,75 tỷ đồng.

Bảng 42. Doanh số kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng

Stt	Năm	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
	Doanh số	MUA	BÁN	MUA	BÁN	MUA	BÁN
1	Giao ngay	60.431,57	57.912,15	45.147,29	47.301,78	50.181,24	48.292,11
2	Kỳ hạn	413,15	2.052,68	2.720,11	1.414,51	2.544,41	1.431,72
3	Hoán đổi	98.103,07	9.119,33	90.641,16	26.721,45	193.717,18	48.948,57
Tổng cộng		158.947,79	69.084,16	138.508,57	75.437,74	246.442,83	98.672,40
		228.031,95		213.946,30		345.115,23	

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(ii) Hoạt động dịch vụ, thanh toán quốc tế

Nhờ việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong dịch vụ Ngân hàng, mảng hoạt động dịch vụ trong nước đã có sự đóng góp không nhỏ vào lợi nhuận của Ngân hàng Nam Á từ năm 2015 đến nay. Ngân hàng Nam Á là một trong số những Ngân hàng đi đầu trong

việc áp dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động dịch vụ trong nước, ngân quỹ nhằm đảm bảo các giao dịch luôn thông suốt, nhanh chóng và chuẩn xác nhất. Đặc biệt là các hoạt động thanh toán thẻ qua Tổ chức Thẻ nội địa, Tổ chức Thẻ quốc tế Mastercard/JCB nhằm hướng đến xu hướng tiêu dùng hiện đại, thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển sang các thanh toán điện tử song song với việc nâng cấp công nghệ bảo mật Chip trên thẻ và thiết bị chấp nhận thẻ để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí an toàn, nhanh chóng trong giao dịch, nâng tầm công nghệ 4.0.

Hoạt động dịch vụ trong nước

Bảng 43. Hoạt động dịch vụ trong nước (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ trong nước	280.534	402.724	920.269
Chi phí từ hoạt động dịch vụ trong nước	(72.926)	(127.905)	(446.432)
Lợi nhuận thuần từ dịch vụ trong nước	207.608	274.819	473.837

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 44. Hoạt động dịch vụ trong nước (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ trong nước	280.585	402.809	920.266
Chi phí từ hoạt động dịch vụ trong nước	(72.935)	(127.917)	(447.628)
Lợi nhuận thuần từ dịch vụ trong nước	207.650	274.892	472.638

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế

Tính đến 31/12/2022, Ngân hàng Nam Á đã thiết lập quan hệ đại lý với 158 ngân hàng ở 33 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Doanh số thanh toán quốc tế toàn ngân hàng năm 2022 đạt 1.057 triệu USD, tăng trưởng 108% so với năm 2021. Phí thu dịch vụ thanh toán quốc tế đạt 91 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với năm 2021. Doanh số phát hành L/C năm 2022 đạt 474 triệu USD (tương đương 11.095 tỷ đồng).

Tính đến hết 09 tháng năm 2023, doanh số tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế toàn Ngân hàng Nam Á đạt 962,1 triệu USD, tăng trưởng +9,7% so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu phí dịch vụ liên quan tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế đạt 482 tỷ đồng, tăng 776% so với cùng kỳ năm 2022.

S.C. PHÂN Á CHỈ MẠC

Bảng 45. Hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế của Ngân hàng Nam Á

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
1. Doanh số tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế (USD)	976.366.637	1.057.346.268	962.102.559
<i>Doanh số tài trợ thương mại</i>	<i>230.266.753</i>	<i>322.702.303</i>	<i>678.614.608</i>
<i>Doanh số thanh toán quốc tế</i>	<i>726.099.884</i>	<i>734.643.965</i>	<i>283.487.951</i>
2. Doanh thu phí dịch vụ (VND)	37.949.160.773	89.145.693.181	482.126.661.507
<i>Doanh thu phí tài trợ thương mại</i>	<i>26.748.529.821</i>	<i>73.274.632.672</i>	<i>475.421.940.828</i>
<i>Doanh thu phí thanh toán quốc tế</i>	<i>11.160.630.952</i>	<i>15.871.060.509</i>	<i>6.704.720.679</i>
3. Doanh số phát hành L/C (USD)	173.720.448	473.842.348	393.046.181

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

6.1.7 Hoạt động bảo hiểm

Tính đến 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á đang liên kết hợp tác và phân phối sản phẩm bảo hiểm của các công ty như: Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Toàn Cầu (GIC); Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Minh (Bảo Minh); Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Phú Hưng (PAC); Tổng Công Ty Bảo Hiểm PVI (PVI); Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông (VASS); Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VBI); Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA (AAA). Theo đó, năm 2021, thu nhập từ dịch vụ hoa hồng bảo hiểm là 51.438,49 triệu đồng; thu nhập từ dịch vụ hoa hồng bảo hiểm năm 2022 đạt mức 70.793,02 triệu đồng, tăng thêm 19.354,53 triệu đồng, tương ứng với mức tăng trưởng là 37,63%. Trong 09 tháng đầu năm 2023, thu nhập từ dịch vụ hoa hồng bảo hiểm là 19.939,44 triệu đồng.

6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Công tác quản lý rủi ro và bảo toàn vốn luôn được Ngân hàng chú trọng, quan tâm và đặt lên hàng đầu. Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng thực hiện tốt các quy định của NHNN về đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn luôn được kiểm soát chặt chẽ. Các chỉ số an toàn hoạt động tuân thủ theo đúng quy định của NHNN và nội bộ Ngân hàng Nam Á, cụ thể:

Bảng 46. Chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng Nam Á

DVT: %

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023	Quy định	Ghi chú
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,60	16,37	15,96%	Tối thiểu 10%	Thông tư số 22/2019/TT-NHNN
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng	28,81	23,65	20,95	- Từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày	

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023	Quy định	Ghi chú
cho vay trung dài hạn				30/09/2021: tối đa 40% - Từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/09/2022: tối đa 37% - Từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/09/2023: tối đa 34% - Từ ngày 01/10/2023: tối đa 30%	và các văn bản sửa đổi, bổ sung
Giới hạn góp vốn mua cổ phần	3,66	1,84	4,96	Tối đa 40%	
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	72,94	74,70	71,36	Tối đa 85%	
Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	9,40	8,9	9,18		Thông tư 41/2016/TT-NHNN
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	9,46	8,92	9,22	Tối thiểu 8%	ngày 30/12/2016

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Khối quản lý rủi ro với nhiệm vụ xây dựng chiến lược và chính sách quản lý rủi ro trong toàn hệ thống bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản), rủi ro vận hành và các rủi ro khác đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á luôn an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Đối với công tác quản trị rủi ro tín dụng, Ngân hàng Nam Á quản lý tín dụng theo danh mục tín dụng của từng ngành nghề, cùng với việc ban hành các sản phẩm cho vay cụ thể đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh chủ động trong công tác tiếp thị phát triển khách hàng. Hạn mức cho vay kinh doanh bất động sản và các ngành nghề có mức độ rủi ro cao được kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn và hiệu quả. Song song đó, hệ thống văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ thường xuyên được rà soát, bổ sung chỉnh sửa phù hợp với yêu cầu hoạt động và đảm bảo tuân thủ pháp luật trong từng thời kỳ. Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của các cán bộ làm công tác tín dụng.

Nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ và theo dõi đón đốc thu hồi kịp thời. Công tác kiểm

tra và giám sát được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục theo quá trình của từng nghiệp vụ. Hệ thống báo cáo và cảnh báo hàng ngày đã giúp cho các đơn vị chấn chỉnh kịp thời những sai sót.

6.3 Thị trường hoạt động

6.3.1 Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

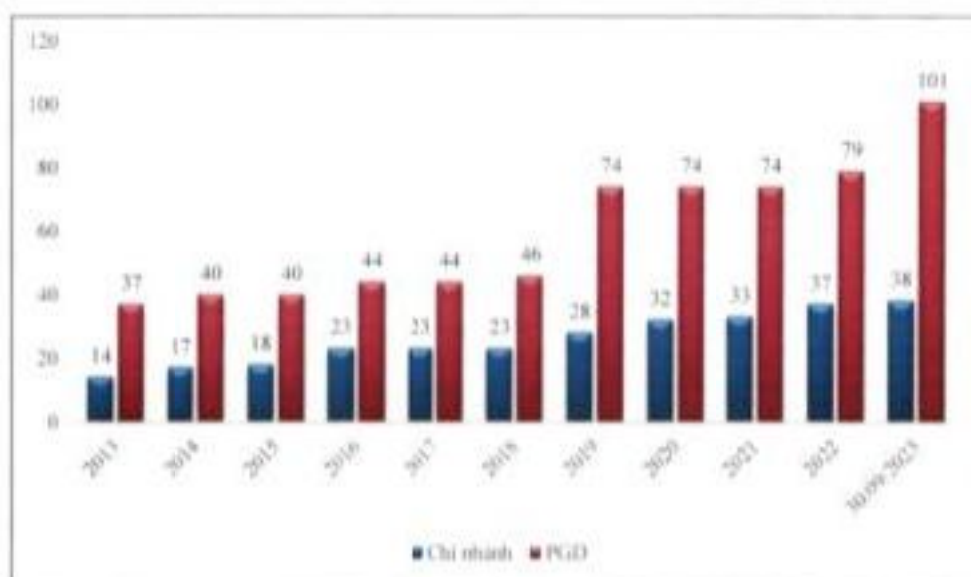
Tính đến ngày 30/09/2023, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á có 01 Trung tâm kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01 công ty con và 239 chi nhánh; phòng giao dịch; điểm giao dịch số tự động Onebank trên toàn quốc.

Bảng 47: Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á

Stt	Vị trí địa lý	CN/PGD/ Điểm giao dịch số tự động Onebank	Stt	Vị trí địa lý	CN/PGD/ Điểm giao dịch số tự động Onebank
1	Thành phố Hồ Chí Minh	57	17	Tỉnh Ninh Thuận	5
2	Thành phố Hà Nội	20	18	Tỉnh Bình Thuận	4
3	Tỉnh Bắc Ninh	2	19	Tỉnh Bình Dương	8
4	Tỉnh Phú Thọ	5	20	Tỉnh Bình Phước	5
5	Tỉnh Quảng Ninh	6	21	Tỉnh Tây Ninh	7
6	Tỉnh Nghệ An	7	22	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7
7	Tỉnh Vĩnh Phúc	2	23	Tỉnh Đồng Nai	8
8	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3	24	Tỉnh An Giang	5
9	Tỉnh Bình Định	5	25	Tỉnh Bến Tre	6
10	Thành phố Đà Nẵng	8	26	Tỉnh Tiền Giang	6
11	Tỉnh Khánh Hòa	9	27	Tỉnh Long An	5
12	Tỉnh Đắk Lắk	5	28	Thành phố Cần Thơ	7
13	Tỉnh Đắk Nông	5	29	Tỉnh Kiên Giang	7
14	Tỉnh Phú Yên	2	30	Tỉnh Đồng Tháp	6
15	Tỉnh Quảng Nam	2	31	Tỉnh Bạc Liêu	5
16	Tỉnh Lâm Đồng	9	32	Tỉnh Cà Mau	1
Tổng cộng			239		

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hình 7. Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng Nam Á



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

6.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Ngân hàng Nam Á hiện đang cung cấp các loại sản phẩm dịch vụ đa dạng cho các cá nhân và doanh nghiệp như sau:

Đối với phân khúc khách hàng là doanh nghiệp:

Ngân hàng Nam Á không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn và các dự án trọng điểm mà còn chú trọng các sản phẩm tín dụng dành cho đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ để phù hợp với định hướng của nền kinh tế. Khách hàng của Ngân hàng Nam Á là các công ty TNHH, công ty cổ phần thuộc nhóm ngành thương mại, sản xuất kinh doanh, bất động sản,... Ngoài ra Ngân hàng còn triển khai các thỏa thuận hợp tác với nhiều đơn vị, tổ chức lớn tại Việt Nam.

Đối với phân khúc khách hàng là cá nhân:

Bên cạnh việc chú trọng đến lĩnh vực huy động tiết kiệm, cho vay đối với đối tượng là khách hàng cá nhân, Ngân hàng Nam Á chú trọng cung cấp thêm các sản phẩm dịch vụ tiện ích khác cho khách hàng như: Dịch vụ thu hộ, dịch vụ bảo quản tài sản, bảo quản tài liệu quan trọng, chuyển nhượng tài sản, dịch vụ thanh toán A-pay,... các dịch vụ này được khách hàng sử dụng rộng rãi.

Đối với phân khúc khách hàng là các tổ chức tín dụng:

Ngân hàng Nam Á có mối quan hệ chặt chẽ với 166 ngân hàng đại lý tại 34 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Bảng 48. Số lượng khách hàng của Ngân hàng Nam Á

DVT: Khách hàng

Phân loại	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Khách hàng cá nhân	785.396	1.077.198	1.624.383
Khách hàng tổ chức	14.863	20.135	26.457
Tổ chức tài chính, ngân hàng	238	245	247

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

6.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh

♦ Về thị phần

Sản phẩm và dịch vụ của ngành ngân hàng mang tính chất đặc thù, không phụ thuộc vào sản lượng sản xuất hay doanh số bán hàng như các ngành kinh doanh khác. Ngoài nhóm 4 ngân hàng có vốn nhà nước đứng đầu thị trường về quy mô, Ngân hàng Nam Á luôn xếp trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có hiệu quả kinh doanh cao và ổn định trong 5 năm vừa qua.

Tính đến 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có vốn chủ sở hữu đạt 14.217 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 206.751 tỷ đồng. Đặc thù ngành ngân hàng bị giới hạn về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng và nhiều chỉ tiêu hoạt động khác, nên kéo theo thị phần về dư nợ cho vay hoặc về huy động vốn của Ngân hàng Nam Á ở mức bình quân chung của ngành.

Trong những năm gần đây, Ngân hàng Nam Á không ngừng nâng cao thị phần của Ngân hàng tại các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống là huy động và tín dụng, cũng như chú trọng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như mở rộng thị phần bán lẻ, theo đuổi mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong hệ thống các ngân hàng. Tại ngày 30/09/2023, tổng số dư huy động từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng Nam Á đạt 164.428 tỷ đồng, số dư cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á đạt 132.249 tỷ đồng.

♦ Về khả năng cạnh tranh

Với chặng đường 31 năm hình thành và phát triển, Ngân hàng Nam Á đã thiết lập được mối quan hệ vững chắc với rất nhiều đối tác/ khách hàng là các tập đoàn, công ty lớn trong và ngoài nước. Với kế hoạch tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát nợ xấu và chiến lược phát triển của Ngân hàng trong thời gian tới, khả năng cạnh tranh của Ngân hàng sẽ được nâng cao đáng kể. Một số thành tựu nổi bật của Ngân hàng Nam Á trong chặng đường vừa qua:

Hoạt động kinh doanh đạt được sự tăng trưởng an toàn, ổn định và bền vững, vượt xa mức tăng trưởng bình quân của ngành ngân hàng trong suốt giai đoạn 10 năm vừa qua. Điều này đã giúp đưa thương hiệu Ngân hàng Nam Á vào nhóm các ngân hàng thương mại cổ quy mô khá cũng như đang tiệm cận rất gần đến nhóm các ngân hàng thương mại cổ quy mô lớn trên thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam.

Tiến phong trong việc đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu tiên tiến và hiện đại nhất của cuộc cách mạng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh nhằm đem đến cho khách hàng những trải nghiệm vượt trội, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành. Ngân hàng Nam Á đã khẳng định tính tiên phong của mình trong lĩnh vực này khi trở thành ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam đưa robot vào phục vụ khách hàng.

Chuẩn hóa hệ thống kênh phân phối trên phạm vi cả nước. Với kênh phân phối truyền thống, Ngân hàng Nam Á đã chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu và quy trình phục vụ khách hàng nhằm khẳng định chuẩn chất lượng dịch vụ 5 sao. Với kênh phân phối hiện đại, Ngân hàng Nam Á là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ra mắt hệ sinh thái số OneBank với nhiều tính năng hiện đại và đáng cấp gồm 100 điểm giao dịch trên cả nước, hướng tới đạt mốc 200 điểm giao dịch.

Chủ động nghiên cứu, áp dụng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị rủi ro nói riêng nhằm khẳng định tính minh bạch và bền vững. Cụ thể, Ngân hàng Nam Á tự hào là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam đã công bố hoàn thành việc triển khai các chuẩn mực quản trị rủi ro theo Basel III trong năm 2022. Ngoài ra, hệ thống báo cáo tài chính của Ngân hàng Nam Á sẽ được đánh giá lại theo các chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế (IFRS) nhằm chuẩn bị cho lộ trình đưa thương hiệu Ngân hàng Nam Á thâm nhập sâu rộng vào thị trường tài chính quốc tế.

6.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Bảng 49. Danh sách các sản phẩm công nghệ, tài chính năm 2022 - 2023

Stt	Sản phẩm/dịch vụ	Tính năng/ tiện ích	Thời điểm triển khai
1	Các dịch vụ hợp tác trên ứng dụng VGS	Bao gồm các dịch vụ: Mở tài khoản thanh toán, đăng ký mở thẻ tín dụng Nam A Bank.	10/03/2022
2	Các dịch vụ hợp tác với Đối tác VGS Booking trên Open Banking	Thanh toán Đặt sân và mua sắm các dịch vụ Golf bằng tài khoản thanh toán/Thẻ tín dụng Nam A Bank.	09/06/2023
3	Website Open Banking KHTC 2.0	Đa dạng tính năng: Chuyển khoản, gửi tiết kiệm, Nạp tiền VETC, quản lý tài khoản (truy vấn, in sao kê, hóa đơn...).	21/05/2022
4	Sản phẩm tiền gửi Online KHTC	Mở/tắt toán mọi lúc mọi nơi, thao tác đơn giản. Rút vốn linh hoạt, lãi suất cạnh tranh.	21/05/2022
5	VTM Onebank 2.0 dành cho KHCN	Nâng cấp hành trình trải nghiệm của KH trên giao diện mới theo hướng sắp xếp các	10/06/2022

Stt	Sản phẩm/dịch vụ	Tính năng/ tiện ích	Thời điểm triển khai
		nhóm dịch vụ, tính gián thông tin trên màn hình để tối ưu hóa thao tác KH.	
6	Dịch vụ thu hộ hóa đơn hàng hóa dịch vụ trên ứng dụng TMDT Đồi Dẹp	Mua sắm và thanh toán các sản phẩm của Thương hiệu Đồi Dẹp ngay trên Open Banking bằng TKTT/Thẻ tín dụng Nam A Bank.	22/08/2022
7	Dịch vụ nạp tiền vào Tài khoản giao thông VETC	Tiết kiệm thời gian, tăng tính chủ động và tiện lợi khi nạp tiền vào tài khoản giao thông, đảm bảo tính bảo mật và an toàn cho Khách hàng.	07/10/2022
8	Dịch vụ mua bảo hiểm tai nạn con người Plus	Thực hiện mua và nhận hợp đồng bảo hiểm tại nạn con người Plus của Tổng Công ty bảo hiểm Toàn Cầu (GIC) trên ứng dụng OpenBanking.	15/12/2022
9	Dịch vụ liên kết Ví điện tử Mobifone Money	Liên kết/Hủy liên kết với tiền di động/ví điện tử nhanh chóng, không giới hạn không gian, thời gian.	16/12/2022
10	Dịch vụ chuyển tiền quốc tế trực tuyến eT/T	Tạo giao dịch nhanh chóng và an toàn. Dễ dàng truy vấn giao dịch đã khởi tạo.	20/12/2022
11	Dịch vụ liên kết Ví điện tử PostPay	Thao tác liên kết dễ dàng, các giao dịch nạp/rút được thực hiện trực tuyến, nhanh chóng và an toàn, bảo mật.	11/01/2023
12	Dịch vụ thanh toán qua mã QR tại Thái Lan	Thanh toán đơn giản và dễ dàng bằng QRCode Promtpay tại Thái Lan.	17/02/2023
13	Dịch vụ thanh toán qua mã QR của VNPay	Thanh toán đơn giản và dễ dàng bằng QRCode VNPay.	27/02/2023
14	Dịch vụ thu hộ học phí đại học Công nghiệp Thực phẩm TPHCM	Thu hộ học phí sinh viên và tân sinh viên đại học Công nghiệp Thực phẩm TPHCM trên Open Banking Nam A Bank.	03/03/2023
15	Dịch vụ thanh toán qua mã QR của Payoo	Thanh toán đơn giản và dễ dàng bằng QRCode của Payoo tại các điểm chấp nhận thanh toán Payoo.	04/05/2022
16	Dịch vụ quản lý điểm bán dành cho KHCN	Quản trị doanh thu của từng Điểm bán một cách dễ dàng và hiệu quả.	14/04/2023
17	Phương thức xác thực Sinh trắc học dành cho KHCN	Quét gương mặt - Chạm vân tay - Thanh toán liền tay.	21/04/2023

Stt	Sản phẩm/dịch vụ	Tính năng/ tiện ích	Thời điểm triển khai
18	Dịch vụ truy vấn hoá đơn điện tử dành cho KHTC	Tính năng truy vấn hóa đơn điện tử hỗ trợ người dùng truy vấn thông tin hóa đơn điện tử.	31/05/2023
19	Dịch vụ xem thông báo các giao dịch thẻ KHCN	Dễ dàng xem thông báo không cần đăng nhập.	09/06/2023
20	Rút tiền bằng mã QR tại ATM liên ngân hàng	Thay thế thẻ vật lý.	03/08/2023
21	Dịch vụ liên kết mở tài khoản chứng khoán Pinetree và DNSE	Liên kết mở tài khoản chứng khoán đơn giản, tiện lợi trên ứng dụng Open Banking của Nam A Bank	30/08/2023
22	Dịch vụ thanh toán bằng mã QR tại Bệnh viện	Thanh toán đơn giản và dễ dàng bằng QRCode Napas.	25/09/2023

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm gần nhất

Bảng 50. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023	Tăng/Giảm 2022/2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	153.288.709	177.629.506	206.900.063	15,88
Dư nợ cho vay khách hàng	102.653.266	119.538.340	132.248.941	16,45
Tiền gửi khách hàng	115.402.066	125.075.632	151.507.634	8,38
Vốn chủ sở hữu	7.996.332	12.621.270	14.181.855	57,84
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	4.800.908	5.954.244	4.866.579	24,02
- Thu nhập lãi thuần	4.260.738	5.094.274	4.377.419	19,56
- Tổng thu nhập ngoài lãi	540.170	859.970	489.160	59,20
Chi phí hoạt động	2.223.410	2.824.467	2.493.799	27,03
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	1.797.646	2.266.384	2.039.092	26,08
LNTT/TOI	37,44%	38,06%	41,90%	1,65
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.434.363	1.807.876	1.625.854	26,04
LNST/TOI	29,88%	30,36%	33,41%	1,61
Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	46,31%	47,44%	51,24%	2,44

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023	Tăng/Giảm 2022/2021 (%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	0,99%	1,05%	//	6,06
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	19,09%	15,06%	//	(21,11)
Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (CAR)	9,40%	8,90%	9,18%	(5,32)

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 51. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023	Tăng/Giảm 2022/2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	153.237.506	177.578.734	206.750.696	15,88
Dư nợ cho vay khách hàng	102.653.266	119.538.340	132.248.941	16,45
Tiền gửi khách hàng	115.319.388	124.993.335	151.320.022	8,39
Vốn chủ sở hữu	8.024.842	12.649.780	14.216.516	57,63
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	4.818.674	5.973.300	4.890.608	23,96
- Thu nhập lãi thuần	4.283.189	5.119.121	4.402.649	19,52
- Tổng thu nhập ngoài lãi	535.485	854.179	487.959	59,52
Chi phí hoạt động	2.239.731	2.841.928	2.510.090	26,89
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	1.799.091	2.267.979	2.046.830	26,06
LNTT/TOI	37,34%	37,97%	41,85%	1,69
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	1.434.363	1.807.876	1.632.005	26,04
LNST/TOI	29,77%	30,27%	33,37%	1,68
Tỷ lệ chi phí/Tổng thu nhập hoạt động (CIR)	46,48%	47,58%	51,32%	2,37
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	0,99%	1,06%	//	7,07
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	19,02%	15,02%	//	(21,03)
Tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II (CAR)	9,46%	8,92%	9,22%	(5,71)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 đạt mức 1.807.876 triệu đồng, tăng 26,04% so với năm 2021 (1.434.363 triệu đồng) vì các khoản thu nhập lãi thuần, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác tăng cao, cụ thể:

- Thu nhập lãi thuần hợp nhất tăng lần lượt 836 tỷ đồng, tương ứng tăng 20% so với năm 2021.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 67 tỷ đồng, tương ứng tăng 32% so với năm 2021.
- Lãi thuần từ hoạt động khác tăng 294 tỷ đồng so với năm 2021 do Ngân hàng đẩy mạnh công tác thu hồi nợ xấu trong năm 2022.
- Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần tăng 100 tỷ đồng chủ yếu từ việc chuyển nhượng phần vốn góp trong năm 2022.

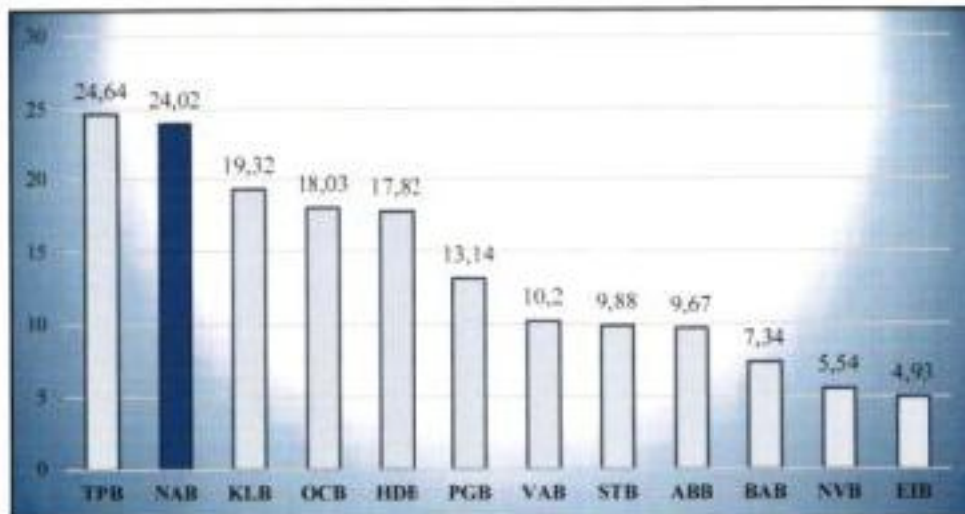
7.2 Phân tích các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Duy trì tốc độ tăng trưởng lũy kế tài sản cao trong nhiều năm so với các ngân hàng khác

Đối với chỉ tiêu tổng tài sản, trong giai đoạn từ năm 2018 – 2022, Ngân hàng Nam Á duy trì được tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) 24% - một trong những ngân hàng có tỷ lệ CAGR cao nhất hệ thống. Cụ thể, trong năm 2021, tổng giá trị tài sản của Ngân hàng Nam Á đạt mức 153.237 tỷ đồng. Trong năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của nền kinh tế vĩ mô thế giới nhưng so với năm 2021, giá trị tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á vẫn tăng trưởng 15,88% - đạt mức 177.579 tỷ đồng. Đến ngày 30/09/2023, tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á đạt 206.750,70 tỷ đồng, tăng trưởng 16,43% so với đầu năm.

Hình 8. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản lũy kế của một số Ngân hàng giai đoạn 2018 – 2022

DVT: %



Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán giai đoạn 2018 – 2022 của các Ngân hàng

Tổng tài sản sinh lời của Ngân hàng Nam Á đạt mức 170,02 nghìn tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng kép là 23,74% trong giai đoạn từ năm 2018 đến thời điểm 31/12/2022. Trong đó, yếu tố đóng góp chủ yếu cho sự tăng trưởng của giá trị tổng tài sản sinh lời của Ngân hàng Nam Á chính là tăng trưởng tín dụng. Cụ thể, khoản mục cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á trong giai đoạn năm 2018 – 2022 có tỷ lệ tăng trưởng kép là 23,85%, đạt 119,54 nghìn tỷ đồng tính đến cuối năm 2022. Đến ngày 30/09/2023, tổng tài sản sinh lời của Ngân hàng Nam Á đạt 197,54 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 16,19% so với đầu năm.

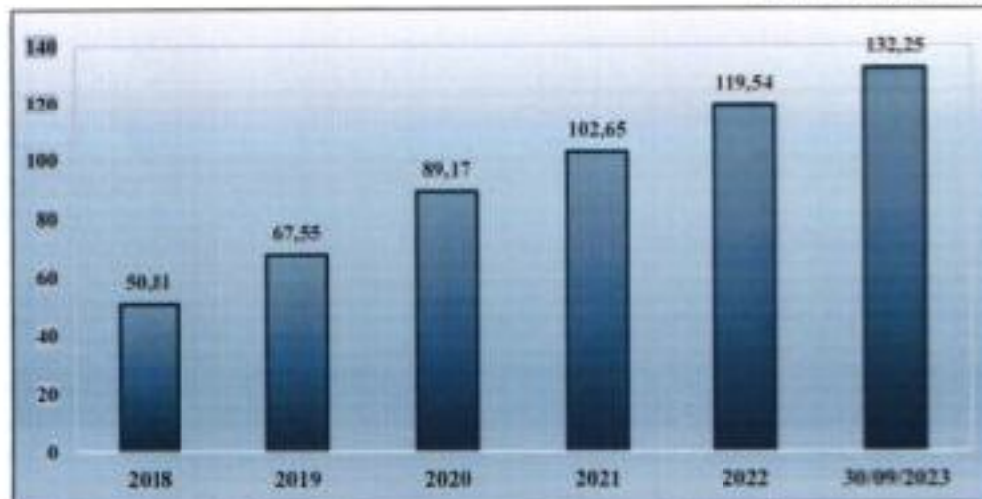
Hình 9. Tài sản sinh lời của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023

DVT: Nghìn tỷ đồng



Hình 10. Cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023

DVT: Nghìn tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 2018-2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

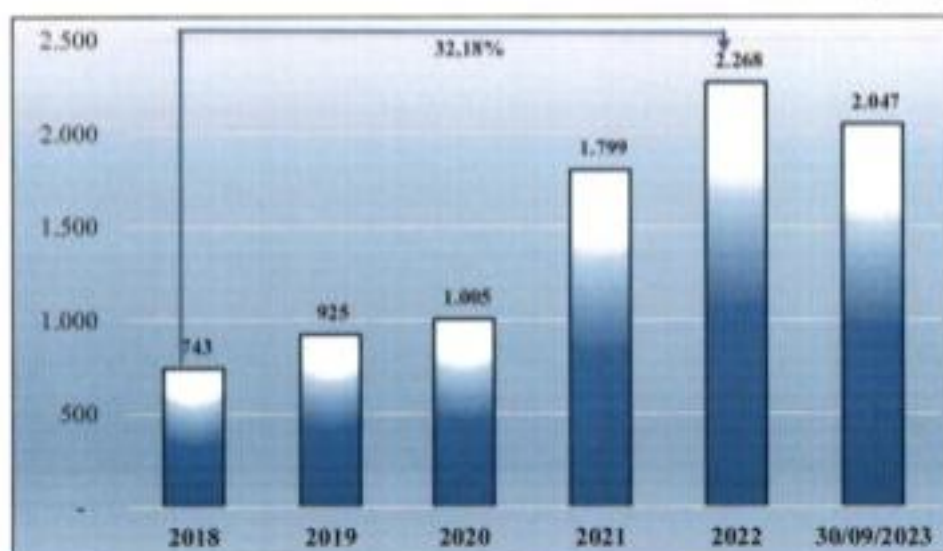
Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép tương đối cao trong ngành ngân hàng

Trong giai đoạn 2018 – 2022, Ngân hàng Nam Á có tốc độ tăng trưởng vượt bậc, cụ thể tổng lợi nhuận trước thuế đạt mức 2.267,98 tỷ đồng năm 2022 với mức tăng trưởng kép là 32,18% trong giai đoạn này.

Trong năm 2022, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á đạt 2.267,98 tỷ đồng, tăng trưởng 26,06% so với năm 2021. Cùng với đà tăng này, trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường trong nước, 09 tháng đầu năm 2023 Ngân hàng Nam Á vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định và nỗ lực ghi nhận với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 2.046,83 tỷ đồng, tăng trưởng 10,35% so với cùng kỳ (09 tháng đầu năm 2022 đạt 1.854,87 tỷ đồng).

Hình 11. Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng



Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC hợp nhất đã kiểm toán giai đoạn 2018 – 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu thu nhập hoạt động của Ngân hàng Nam Á tăng trưởng ổn định qua các năm

Cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng Nam Á qua các năm 2020 – 2022 chủ yếu bao gồm hai cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó thu nhập lãi thuần (thu nhập lãi ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 88,9%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ, nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm,...) chiếm tỷ trọng tương ứng 4,31% trong năm 2021; 4,60% trong năm 2022 và tăng lên 9,66% trong 09 tháng đầu năm 2023.

Bảng 52. Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	Năm 2021		Năm 2022		30/09/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	4.283,19	88,89	5.119,12	85,70	4.402,65	90,02
2	Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	207,65	4,31	274,89	4,60	472,64	9,66
3	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	45,87	0,95	57,05	0,96	1,76	0,04
4	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
5	Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	272,99	5,67	119,37	2,00	10,07	0,21
6	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	8,83	0,18	302,52	5,06	3,46	0,07
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,15	0,00	100,35	1,68	0,03	0,00
Tổng thu nhập hoạt động		4.818,70	100,00	5.973,30	100,00	4.890,61	100,00

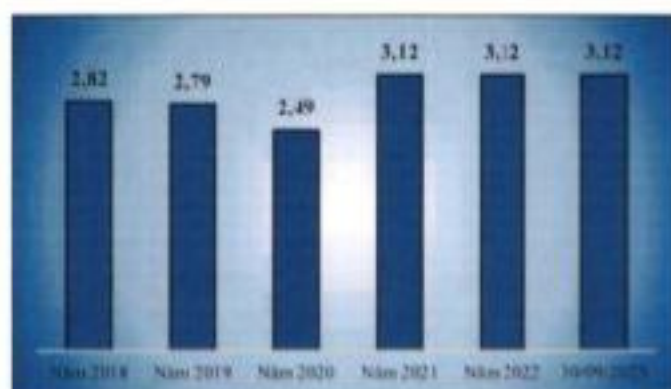
Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Mặc dù chưa có các lợi thế ưu đãi về giá vốn thấp như một số ngân hàng có vốn nhà nước, nhưng Ngân hàng Nam Á đã đạt được tỷ lệ Thu nhập lãi cận biên (NIM) >3% là mức trung bình trong ngành và duy trì tăng trưởng trong suốt giai đoạn từ năm 2018 - 2022. Tác động từ lãi suất huy động gia tăng cùng với hoạt động cho vay tiêu dùng suy giảm trong năm 2021; 2022 và 9 tháng đầu năm 2023 nhưng hệ số NIM của Ngân hàng Nam Á vẫn duy trì mức tăng trưởng so với các năm trước đó.

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]

Hình 12. Tỷ lệ lãi thuần (NIM) của Ngân hàng Nam Á năm 2018 – 30/09/2023

DVT: %



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn 2018 - 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2022, các chỉ tiêu về chi phí của Ngân hàng Nam Á đều có xu hướng tăng, tương ứng với mức tăng trưởng về các khoản thu nhập của từng hoạt động (ngoại trừ chi phí dự phòng rủi ro tín dụng). Trong năm 2022, khoản mục chi phí hoạt động dịch vụ tăng mạnh nhất – tăng 75,38% so với năm 2021 cùng với mức tăng trưởng thu nhập từ hoạt động dịch vụ là 43,56%. Tiếp đó là khoản mục chi phí lãi và các chi phí lãi tương tự chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Ngân hàng Nam Á với tỷ trọng 67,18% trong năm 2022, tăng 15,89% so với năm 2021 với mức tăng trưởng của thu nhập tương ứng là 17,3%. 09 tháng năm 2023, chi phí lãi và các chi phí tương tự chiếm 74,78% trong tổng chi phí của Ngân hàng Nam Á.

Bảng 53. Cơ cấu chi phí của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	6.771,15	68,65	7.847,23	67,18	9.764,40	74,78
-	Tỷ trọng trên thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		61,25		60,52		68,92
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	72,94	0,74	127,92	1,10	447,63	3,43
-	Tỷ trọng trên thu nhập từ hoạt động dịch vụ		25,99		31,76		48,64

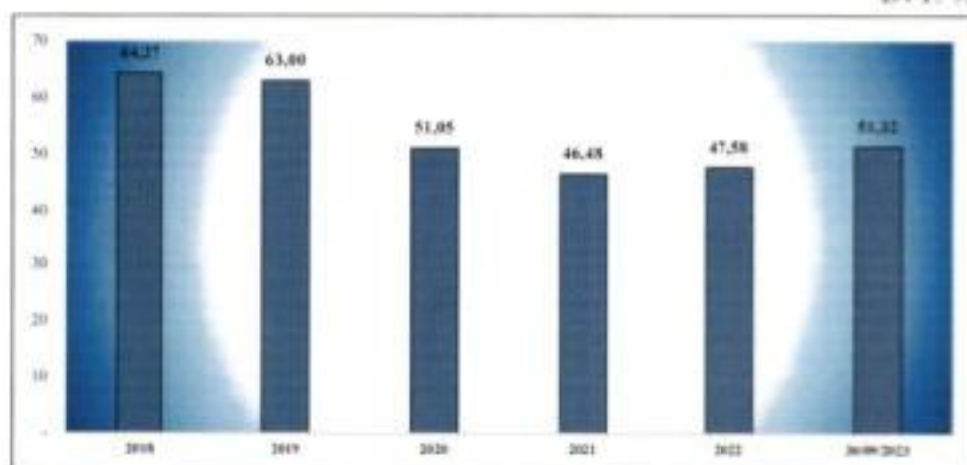
Stt	Chi tiêu	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
3	Chi phí hoạt động	2.239,73	22,71	2.841,93	24,33	2.510,09	19,23
-	Tỷ trọng trên Tổng thu nhập hoạt động		46,48		47,58		51,32
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	779,85	7,91	863,39	7,39	333,69	2,56
-	Tỷ trọng trên Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		30,24		27,57		14,02
Tổng chi phí		9.863,67	100,00	11.680,47	100,00	13.055,81	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Cùng với việc phát triển kinh doanh, Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng hướng tới mục tiêu kiểm soát chi phí hoạt động, nhằm đạt được tỷ lệ chi phí/thu nhập hoạt động (CIR) tối ưu.

Hình 13. Chi phí/Thu nhập hoạt động của Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2018 – 30/09/2023

DVT: %



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán giai đoạn 2018 – 2022 và BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hiệu quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán giai đoạn 2018 – 2022 của Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong hệ thống ngân hàng – từng bước trở thành một ngân hàng Thương mại cổ phần có quy mô tầm trung nhưng hiệu quả sinh lời thuộc nhóm tốt trong ngành ngân hàng. Trong đó, chỉ số ROAE của Ngân hàng Nam Á năm 2022 đạt mức 15,02%, cao hơn mức trung bình của nhóm các ngân hàng cùng quy mô là 12,75%. Đồng thời chỉ số ROAA của Ngân hàng Nam Á đạt mức 1,06%, tương đương với mức trung bình của nhóm các ngân hàng cùng quy mô (số liệu theo wchart.vn). Với việc gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu trong các năm qua từ 4.230 tỷ đồng vào năm 2018 lên đến 14.217 tỷ đồng tại ngày 30/09/2023 cũng khiến cho các chỉ số ROAA và ROAE chịu áp lực suy giảm và biến động trong giai đoạn trên. Tuy nhiên với chiến lược hoạt động kinh doanh hiệu quả cũng như mức tăng trưởng cao từ lợi nhuận giúp Ngân hàng Nam Á vẫn duy trì được vị thế sinh lợi của mình.

Vốn chủ sở hữu đảm bảo cho nhu cầu tăng trưởng trong trung hạn

Đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu từ mức 8.464,35 tỷ đồng lên 10.580,42 tỷ đồng. Tại thời điểm này, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng Nam Á đạt mức 9,22%, tỷ lệ này đảm bảo ngưỡng tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]



Hình 15. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Nam Á

DVT: %



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

7.3.1 Khó khăn

Việc mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm/ phòng giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi đó, các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều yếu kém về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém... Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối khi các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn.

Trong 09 tháng đầu năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi chậm khi các khó khăn, thách thức lớn vẫn hiện hữu; lạm phát tuy đã giảm đáng kể song còn cao khiến nhiều nước vẫn tiếp tục chính sách tiền tệ thắt chặt, neo lãi suất ở mức cao nhằm tiếp tục kiểm soát lạm phát. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro, thách thức trước khó khăn chung của thị trường quốc tế cũng như nội tại nền kinh tế: (i) hoạt động xuất – nhập khẩu suy giảm khi nhu cầu hàng hóa thế giới suy giảm, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường chủ lực đều giảm như Mỹ, EU, ASEAN,...; (ii) hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường trong nước bị thu hẹp; đầu tư công triển khai chậm và chưa hoàn thành so với kế hoạch; năng lực nội tại của doanh nghiệp chưa phục hồi hoàn toàn sau đại dịch, cộng với những khó khăn về thị trường, đơn hàng, nguồn hàng, khiến nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp

sản xuất, cắt giảm lao động;...

Bên cạnh đó, ngành Ngân hàng còn phải đối mặt với sự đóng băng của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản, điều này làm tăng rủi ro nợ xấu với hệ thống ngân hàng. Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động dòng vốn mới để đảo nợ trong khi đó hoạt động xử lý nợ xấu khó khăn do bất động sản là tài sản bảo đảm chính cho các khoản vay. Tăng trưởng tín dụng dự báo khó có thể đạt mục tiêu đề ra (14%/năm) khi: (i) thị trường bất động sản trong nước vẫn đang gặp nhiều khó khăn, nhu cầu vay mua nhà sụt giảm; (ii) tình trạng thiếu đơn hàng từ các thị trường nước ngoài ở các doanh nghiệp xuất khẩu; (iii) nhu cầu tiêu dùng trong nước suy yếu trong bối cảnh lạm phát tăng cao khiến nhiều doanh nghiệp tạm thời ngưng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; (iv) nhu cầu của nhóm khách hàng được ngân hàng ưu tiên cho vay là doanh nghiệp sản xuất và cá nhân chậm lại do lãi suất cao, đơn hàng suy giảm, các thị trường đầu tư tài sản không thuận lợi, ngược lại, nhóm doanh nghiệp khát vốn, chấp nhận vay với lãi suất cao (chủ yếu là doanh nghiệp bất động sản) thì không đủ điều kiện để giải ngân.

7.3.2 Thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn được đề cập ở trên, tình hình kinh tế vĩ mô cũng có một số thuận lợi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, trong đó có Ngân hàng Nam Á:

- Năm 2022, tăng trưởng kinh tế được ghi nhận ở mức cao, đạt 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011 – 2022, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra. 09 tháng đầu năm 2023, GDP tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011 - 2023 nhưng với xu hướng tích cực (quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%). Trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức, Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất khu vực Đông Nam Á.
- Trong những năm gần đây, lạm phát của Việt Nam được kiểm chế và duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với 2021, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Các chuyên gia kinh tế dự báo, bình quân cả năm 2023, lạm phát sẽ biến động ở mức khoảng 2,5 - 3,5% và mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% năm nay sẽ được hoàn thành.
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh đầu tư và thương mại quốc tế suy giảm. Tính đến tháng 09/2023, có 2.254 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 10,23 tỷ USD, tăng 66,3% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 43,6% về số vốn đăng ký. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 15,91 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Đầu tư nước ngoài tập trung vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, phù hợp với chủ trương nâng cao chất lượng, ưu tiên các dự án hiện đại, có sức lan tỏa về công nghệ, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, đồng thời đáp ứng mục tiêu phát triển xanh và bền vững, đưa kinh tế Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới cung ứng toàn cầu. Kết quả đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế cho thấy

các nhà đầu tư đang đặt niềm tin rất lớn vào môi trường đầu tư, vị thế kinh tế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Chính phủ chủ trương thực hiện nhiều chính sách, biện pháp để tăng cường nền kinh tế Việt Nam và định hướng phát triển bền vững lâu dài. Những điểm sáng trong bức tranh kinh tế đã được Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam từ Ba3 lên Ba2 với triển vọng ổn định. Fitch xếp hạng BB với triển vọng "tích cực". Nikkei Asia nâng hạng chỉ số phục hồi COVID-19 của Việt Nam lên thứ 2 thế giới.

Sự hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp không những hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà còn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, trong đó có Ngân hàng Nam Á:

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.
- Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng có cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại; thị trường tiền tệ hoạt động an toàn sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Quốc hội và NHNN thường xuyên rà soát để chỉnh sửa, bổ sung khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, bảo đảm thị trường tiền tệ, ngân hàng hoạt động an toàn, lành mạnh và bền vững:

- Thông tư số 26/2022/TT-NHNN sửa cách tính tỷ lệ LDR áp dụng trong năm 2023 sẽ giúp các ngân hàng không bị áp lực tăng lãi suất để chạy đua huy động vốn, được kỳ vọng sẽ góp phần hỗ trợ thanh khoản của thị trường khi dư địa cho vay mở rộng tại các ngân hàng có nguồn tiền gửi dồi dào từ Kho bạc Nhà nước.
- Việc bổ sung quy định đàm phán kéo dài thời hạn trái phiếu của Nghị định số 08/2023/NĐ-CP sẽ là bước đầu tiên tạo khung pháp lý cần thiết giúp doanh nghiệp có thêm thời gian và không gian xử lý lượng trái phiếu đến hạn, góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn trong ngắn hạn.
- Việc phải thực hiện tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II kể từ năm 2023 (theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN) không chỉ giúp các ngân hàng đáp ứng yêu cầu an toàn về vốn, mà còn góp phần nâng cao năng lực tài chính, gia tăng nguồn vốn trung dài hạn để mở rộng hoạt động kinh doanh (khi mà tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn được siết chặt lại theo lộ trình tại Thông tư 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020 của NHNN).

- Ngoài ra, việc gia hạn Nghị quyết 42/2017/QH14 đến hết ngày 31/12/2023 tiến tới xây dựng Luật xử lý nợ xấu kỳ vọng sẽ tiếp tục là cơ chế giúp các ngân hàng khoanh nợ xấu, đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản tồn đọng và duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới mức 3%.

Quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, xử lý nợ xấu và chuyển đổi số đạt được nhiều thành công:

- Công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục được triển khai quyết liệt; trong đó Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025. Trên cơ sở đó, Thông đốc NHNN có văn bản số 5962/NHNN-TTGSNH yêu cầu các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu. Theo đó, phần đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống tổ chức tín dụng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu ở mức dưới 3%. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp tục được tăng cường.
- Chuyển đổi số ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được triển khai với việc tập trung xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ vào hoạt động ngân hàng. Trong năm qua, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng và từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Đặc biệt là NHNN đã hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền (thay thế Luật phòng chống rửa tiền năm 2012) tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội Khóa XV và Nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu; ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành 03 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 19 Thông tư liên quan đến chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Tín dụng bán lẻ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của tín dụng hệ thống ngân hàng Việt Nam:

- Trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt và room tín dụng bị hạn chế, hầu hết các ngân hàng đã chủ động tái cơ cấu danh mục tập trung vào bán lẻ để cân bằng rủi ro và tối ưu hóa NIM.
- Trong dài hạn, cơ cấu dân số trẻ và tầng lớp trung lưu tăng nhanh tiếp tục góp phần mở rộng quy mô các sản phẩm tín dụng bán lẻ Cho vay mua nhà, Cho vay mua ô tô và Tín dụng tiêu dùng.

Trong các năm qua, Ngân hàng Nam Á đã tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu, đi cùng với tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng cho vay có điểm tín dụng cao. Ngân hàng Nam Á có lợi thế về công nghệ và đây tiếp tục là cơ sở giúp Ngân hàng Nam Á đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng

phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá.

8. Vị thế của Ngân hàng Nam Á so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành

8.1 Vị thế của Ngân hàng Nam Á trong ngành

Ngân hàng Nam Á thuộc nhóm ngân hàng tầm trung của ngành với hoạt động tập trung chủ yếu ở khu vực TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam. Trong thời gian qua, Ngân hàng Nam Á đã phát triển và mở rộng thị phần, đạt nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như: thương hiệu nổi tiếng Asian (Asian well-known Brand) năm 2013, là 01 trong 03 ngân hàng đầu tiên được chứng nhận ISO/IEC 27001:2005 (Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thông tin – ISMS) năm 2013, đạt danh hiệu Tập thể xuất sắc do NHNN công nhận năm 2013, danh hiệu Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2014, danh hiệu Doanh nghiệp sao vàng năm 2014, danh hiệu Thương hiệu hàng đầu (Top Brand) năm 2015, Danh hiệu V1000 (Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam) năm 2015, Danh hiệu Top 50 doanh nghiệp có thành tựu xuất sắc năm 2011 – 2015 năm 2015, Chứng nhận ISO 9001:2015 về 02 lĩnh vực cốt lõi là quản lý hoạt động tín dụng và huy động tiền gửi do Tổ chức UKAS¹ (United Kingdom Accreditation Service) chứng nhận năm 2016, danh hiệu Top 20 Doanh nghiệp nhận cúp vàng doanh nghiệp tiêu biểu năm 2016, và giải thưởng Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em do các Tạp chí uy tín bình chọn năm 2016, danh hiệu Ngân hàng có chính sách chăm sóc khách hàng trung thành tốt nhất Việt Nam năm 2018, Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2018, Top 10 thương hiệu uy tín sản phẩm chất lượng dịch vụ tin dùng năm 2018, Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Asia năm 2019 do Liên hiệp khoa học doanh nhân Việt Nam trao tặng, Doanh nghiệp Tăng trưởng nhanh & Xuất sắc Châu Á năm 2020 do APEA trao tặng, Nơi làm việc tốt nhất Châu Á năm 2021, Ngân hàng Quản trị rủi ro xuất sắc Việt Nam năm 2021, Ngân hàng kiến tạo số tốt nhất Việt Nam năm 2022, Ngân hàng có trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam năm 2022, Ngân hàng dẫn đầu về doanh số giao dịch bình quân đầu thẻ 2022 do Tổ chức Thẻ quốc tế JCB trao tặng, Thương hiệu truyền cảm hứng Châu Á năm 2022, Hệ sinh thái ngân hàng số sáng tạo nhất Việt Nam 2023 do Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF) trao tặng, ...

Với nhận thức rằng một trong những lý do chủ chốt tạo nên thành công cho một ngân hàng chính là niềm tin yêu của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực phấn đấu, không ngừng nghiên cứu và thực hiện nhiều chính sách đổi mới về nhân sự, hiện đại hóa công nghệ thông tin, củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, liên doanh liên kết với các đối tác, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ,... nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng sử dụng sản phẩm – dịch vụ tài chính do Ngân hàng cung cấp. Sự tin nhiệm của khách hàng thể hiện rõ qua kết quả huy động và cho vay tăng trưởng qua các năm, cụ thể như sau:

¹Cơ quan công nhận quốc gia của Vương Quốc Anh

- Thương hiệu: Là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần thành lập đầu tiên tại Việt Nam, trải qua 31 năm phát triển với hệ thống mạng lưới chi nhánh trải rộng trên khắp cả nước đã giúp Ngân hàng Nam Á trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam.
- Về năng lực tài chính: Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ quy định về vốn pháp định mà NHNN đề ra trong từng thời kỳ. Tính đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có vốn điều lệ 10.580.416.150.000 đồng. Trong thời gian tới, Ngân hàng Nam Á sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để đáp ứng tốt những yêu cầu mới trong hoạt động kinh doanh: mở rộng mạng lưới, tăng trưởng về quy mô hoạt động, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư mới công nghệ, phát triển các loại hình dịch vụ, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn theo quy định,...
- Về mạng lưới hoạt động: Tính đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có 01 Hội sở chính; 01 Trung tâm Kinh doanh, 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á và 239 điểm giao dịch trên toàn quốc. Việc phát triển mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á đã được trải rộng ra khắp cả nước thay vì tập trung khu vực TP. Hồ Chí Minh như trước đây.
- Về quy mô hoạt động kinh doanh: Đến 30/09/2023, tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á đạt 206.751 tỷ đồng, tăng trưởng 16,43% so với năm 2022. Hoạt động huy động vốn tiếp tục duy trì được sự ổn định và tăng trưởng bền vững. Số dư huy động của Ngân hàng Nam Á là 185.232 tỷ đồng, tăng 16% so với thời điểm cuối năm 2022. Dư nợ tín dụng cho vay khách hàng đạt 132.249 tỷ đồng, tăng trưởng 10,63% so với năm 2022. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á luôn chấp hành đúng các tỷ lệ an toàn trong hoạt động tổ chức tín dụng, cụ thể, tại thời điểm 30/09/2023, tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ đạt 9,18%, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất đạt 9,22% và tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 15,96%. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.632 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng luôn duy trì ở mức dưới 3%.
- Về mở rộng và phát triển dịch vụ: Bên cạnh các sản phẩm ngân hàng truyền thống, Ngân hàng Nam Á đã không ngừng nghiên cứu thị trường đưa ra các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dịch vụ của khách hàng.
- Về bộ máy quản trị, điều hành: Ngân hàng Nam Á hoạt động theo cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác đều có trình độ chuyên môn phù hợp, đã được tham gia nhiều chương trình hội thảo, đào tạo về quản trị doanh nghiệp; đồng thời có nhiều kinh nghiệm trong quản trị, điều hành doanh nghiệp nói chung cũng như tổ chức tín dụng nói riêng.
- Về hệ thống công nghệ thông tin: Đánh giá công nghệ là yếu tố quyết định tới sức

30/09/2023
NGÂN HÀNG NAM Á
CHỖ CHỮ KÝ

cạnh tranh, Ngân hàng Nam Á đã rất chú trọng việc đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Các dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin giúp Ngân hàng Nam Á đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, nâng cao chất lượng và sự phong phú của dịch vụ cung cấp; đồng thời, cũng giúp đảm bảo tính an toàn và bảo mật cho hệ thống Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự kiện công nghệ thông tin nào.

- Về nguồn nhân lực:
 - o Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị tài chính ngân hàng, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố kinh doanh với kỹ năng quản lý ngân hàng.
 - o Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt huyết và gắn bó với sự phát triển của Ngân hàng Nam Á, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, có thái độ phục vụ khách hàng tận tâm, chuyên nghiệp.
 - o Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng đến công tác đào tạo và thường xuyên mở các lớp huấn luyện cán bộ nhân viên nhằm tạo ra nguồn nhân lực có kinh nghiệm và kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu.
- Quan hệ với các định chế tài chính: Trong các năm qua, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước. Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đã có 166 ngân hàng đại lý tại 34 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.
- So sánh với các Ngân hàng TMCP tương đương với Ngân hàng Nam Á: Các chỉ tiêu so sánh của Ngân hàng Nam Á ở mức tương đương với các ngân hàng cùng quy mô.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng

Năm 2023 được dự báo là năm khó khăn khi tỷ giá, lãi suất và lạm phát sẽ tiếp tục là áp lực đối với ngành ngân hàng. Với diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, cùng thực trạng hoạt động của hệ thống ngân hàng, nhiều khả năng việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN trong năm 2023 sẽ hướng đến sự thận trọng trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu hiện hữu. Để đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế thì tín dụng, lãi suất, tỷ giá, các giải pháp, công cụ chính sách tiền tệ khác sẽ được NHNN điều hành đồng bộ, linh hoạt nhưng không xa rời mục tiêu kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp đã và đang đối mặt với khó khăn, khủng hoảng sẽ tác động xấu lên chất lượng tài sản, cũng như thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, triển vọng dài hạn của ngành ngân hàng vẫn được đánh giá tích cực nhờ những yếu tố:

- (i) Chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại đã được nâng cao đáng kể, thể hiện qua tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đạt mức cao nhất từ trước đến nay; thu nhập từ dịch vụ ngày càng tăng, tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm.

- (ii) Các chính sách kích cầu đầu tư, tiêu dùng, hỗ trợ phục hồi thị trường trái phiếu, thị trường bất động sản tiếp tục được Chính phủ, NHNN triển khai quyết liệt.
- (iii) Dự địa tăng trưởng tín dụng còn rất lớn (tăng trưởng tín dụng toàn ngành chỉ tăng 5,56% tính đến Quý III/2023, trong khi mục tiêu cả năm tăng 14% năm) cùng động thái giảm liên tục lãi suất cho vay, lãi suất điều hành, cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng 2023 cho các ngân hàng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

8.3 So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Theo NHNN hiện nay có khoảng 49 ngân hàng (bao gồm 31 ngân hàng thương mại cổ phần, 04 ngân hàng thương mại Nhà nước, 02 ngân hàng chính sách, 02 ngân hàng liên doanh, 01 ngân hàng hợp tác xã và 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài).

Dưới đây là các chỉ số so sánh các ngân hàng có hoạt động kinh doanh và quy mô về vốn điều lệ tương đương với Ngân hàng Nam Á, chi tiết như sau:

Bảng 54. Bảng chỉ tiêu so sánh các ngân hàng 06 tháng đầu năm 2023

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	ABB	EIB	NAB	OCB	MSB	SSB
Tổng tài sản	154.447	190.301	200.205	211.292	237.816	245.206
Vốn chủ sở hữu	13.291	21.422	13.793	27.272	29.518	27.722
Vốn điều lệ	10.350	14.814	8.464	13.599	20.000	20.403
Tiền gửi của khách hàng	87.482	154.278	145.361	110.456	126.258	123.233
Cho vay khách hàng	82.738	130.270	127.884	125.645	134.363	159.126
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.198	7.513	9.503	9.302	9.494	9.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.493	1.675	1.975	3.032	4.451	2.533
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(815)	(270)	(451)	(471)	(903)	(517)
Lợi nhuận trước thuế	679	1.405	1.525	2.560	3.548	2.016
Lợi nhuận sau thuế	541	1.119	1.216	2.047	2.835	1.607

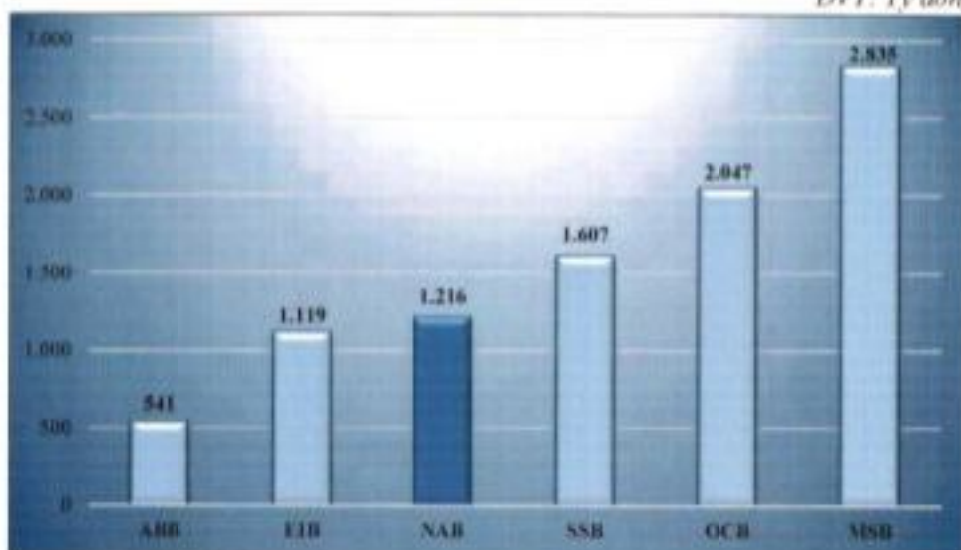
(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét giữa niên độ năm 2023 của ABB, EIB, NAB, OCB, MSB, SSB)

Ghi chú: ABB: Ngân hàng TMCP An Bình, EIB: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, OCB: Ngân hàng TMCP Phương Đông, MSB: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và SSB: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

Bên cạnh việc đánh giá khả năng sinh lời của các ngân hàng thông qua tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế thì cũng cần xét đến yếu tố chất lượng của lợi nhuận thông qua chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ. Chất lượng lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng từ việc các ngân hàng chạy đua tăng trưởng tín dụng mà không đánh giá kỹ lưỡng khả năng chi trả của khách hàng, từ đó làm phát sinh nợ xấu, làm cho ngân hàng có khả năng mất vốn.

Hình 16. Lợi nhuận sau thuế của một số ngân hàng 06 tháng đầu năm 2023

DVT: Tỷ đồng



(Nguồn: BCTC hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 của ABB, EIB, NAB, SSB, OCB, MSB)

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng Nam Á với xu hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

- ♦ Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới
 - Hoạt động kinh doanh
 - Hoạt động kinh doanh là hoạt động cốt lõi, xuyên suốt nền căn ưu tiên tập trung các nguồn lực để đảm bảo Ngân hàng Nam Á có được sự tăng trưởng mang tính đột phá nhưng vẫn an toàn, hiệu quả. Theo đó, ngân hàng sẽ triển khai đầy đủ các mảng nghiệp vụ của một ngân hàng bán lẻ, tập trung khai thác phân khúc khách hàng cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể cùng với nhóm khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Song song đó, sẽ tiếp tục hoàn thiện nghiệp vụ thanh toán và bảo lãnh, bảo hiểm, kinh doanh ngoại hối, liên kết đối tác và phát triển hệ sinh thái khách hàng,... nhằm làm thay đổi cơ cấu doanh thu của Ngân hàng theo hướng tăng tỷ trọng thu phí tín dụng trong tổng thu;

- Phân đầu đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHDCĐ thường niên năm 2023 thông qua.
- Tổ chức quản trị Ngân hàng
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động ngân hàng nói chung và hệ thống giới hạn trong hoạt động nói riêng, tiến đến xây dựng và vận hành hệ thống quản trị tại Ngân hàng đáp ứng chuẩn mực quốc tế (Basel II nâng cao, Basel III), đặc biệt đối với hoạt động quản trị rủi ro;
 - Tăng cường khả năng dự báo và xây dựng các kịch bản phòng ngừa rủi ro liên quan đến mọi nghiệp vụ ngân hàng, đặc biệt đối với các rủi ro hoạt động và rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của CBNV;
 - Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.
- Nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng
 - Thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ theo quyết định của ĐHDCĐ;
 - Tiến hành các thủ tục để thực hiện niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Nam Á tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX)/Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Tổ chức nhân sự
 - Xây dựng chiến lược nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của HĐQT. Theo đó, đội ngũ nhân sự phải đáp ứng được xu thế phát triển của toàn cầu;
 - Nghiên cứu và áp dụng cơ chế, chính sách tiền lương linh hoạt, cạnh tranh; nâng cao chính sách phúc lợi, khen thưởng nhằm tạo động lực cống hiến cho CBNV. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp mang đậm tính nhân văn để thu hút và giữ chân nhân tài;
 - Hoàn thiện, nâng cao chất lượng bộ tiêu chuẩn đánh giá KPIs của Ngân hàng Nam Á nhằm thúc đẩy năng suất lao động của CBNV;
 - Quy hoạch và đào tạo lực lượng nhân sự kế thừa cho tất cả các vị trí trong Ngân hàng. Tổ chức các khóa đào tạo để không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn mà còn hoàn thiện năng lực quản lý cho đội ngũ được quy hoạch;
 - Chuẩn hóa nguồn nhân lực thông qua việc đánh giá, đào tạo, luân chuyển nội bộ kết hợp với việc tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự có đầy đủ bản lĩnh chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp.
- Gia tăng đầu tư cho công nghệ
 - Công nghệ thông tin tiếp tục là mũi nhọn được đầu tư trong thời gian tới, trong đó thiết kế và vận hành chuỗi sản phẩm phục vụ cho hệ sinh thái khách hàng là định hướng mục tiêu;
 - Thực hiện chiến lược “số hóa ngân hàng” bằng việc ứng dụng công nghệ thông

tin vào các hoạt động nghiệp vụ, quản lý và vận hành ngân hàng.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ
 - o Nghiên cứu, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ khách hàng thông qua các bộ quy tắc và tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ, xây dựng hình ảnh nhân viên chuyên nghiệp; đổi mới quy trình, biểu mẫu, rút ngắn thời gian giao dịch nhằm phục vụ khách hàng được tốt nhất;
 - o Thông qua hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, thực hiện chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm giao dịch trên hệ thống, đem đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng khi đến giao dịch.
- Kiến tạo hệ thống mạng lưới Kênh phân phối
 - o Điều chỉnh, quy hoạch và chuẩn hóa hệ thống KPP một cách hợp lý, có lộ trình; phát triển quy mô hoạt động kinh doanh, làm căn cứ nhằm nâng tầm các Đơn vị Phòng giao dịch;
 - o Đề xuất NHNN xem xét, chấp thuận cho Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát triển mở rộng mạng lưới có chọn lọc, phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng Nam Á.
- Phát triển thương hiệu
 - o Củng cố và nâng tầm thương hiệu Ngân hàng Nam Á gắn liền với các giá trị cốt lõi của Ngân hàng (“Đồng hành” và “Thấu cảm” trong các mối quan hệ với khách hàng, người lao động, cổ đông cũng như cộng chúng);
 - o Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao mức đánh giá tín nhiệm của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước.

♦ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng Nam Á với xu hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước biến động khó lường, ưu tiên thực hiện kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, đảm bảo an toàn và lành mạnh cho hệ thống các tổ chức tín dụng sẽ là mục tiêu định hướng của Chính phủ, NHNN trong giai đoạn 2023 – 2025. Dưới áp lực từ chính sách, cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn, Ngân hàng Nam Á vẫn kiên định với mục tiêu “Trở thành ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam trong việc triển khai mô hình **TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN**” với 02 trụ cột chính để triển khai là **“SỐ HÓA TÀI CHÍNH”** và **“NGÂN HÀNG XANH”**. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương, định hướng của Chính phủ, NHNN và xu thế phát triển chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng và cơ cấu người lao động

Tính đến thời điểm ngày 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có 5.258 người lao động*, với cơ cấu như sau:

Bảng 55. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/09/2023

Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ		
+ Trình độ trên đại học	184	3,50%
+ Trình độ đại học	3.783	71,95%
+ Trình độ cao đẳng, trung cấp	744	14,15%
+ Lao động phổ thông	547	10,40%
II. Phân theo tính chất của hợp đồng		
+ Lao động không xác định thời hạn	2.282	43,40%
+ Lao động có thời hạn từ 12 – 36 tháng	2.650	50,40%
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng	318	6,05%
+ Lao động thuộc diện không ký Hợp đồng lao động	8	0,15%
III. Phân theo giới tính		
+ Nam	2.435	46,31%
+ Nữ	2.823	53,69%
IV. Phân theo cấp bậc		
+ Cán bộ quản lý	1.192	22,67%
+ Nhân viên nghiệp vụ	4.066	77,33%

*Không bao gồm số lượng người lao động của công ty con Ngân hàng Nam Á.

9.2 Môi trường làm việc

Với mục tiêu xây dựng Ngân hàng Nam Á trở thành ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam, nhằm thỏa mãn cao nhất các yêu cầu và sự mong đợi của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư, Ngân hàng Nam Á luôn quan tâm xây dựng nét văn hóa riêng, đội ngũ nhân viên lịch sự, chuyên nghiệp, sáng tạo, nhiệt huyết với nghề và bán lĩnh vững vàng trong cuộc sống. Đến với Ngân hàng Nam Á, người lao động sẽ cảm nhận được sự thân thiện, nhiệt tình, đoàn kết và một môi trường làm việc chuyên nghiệp.

9.3 Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Ngân hàng Nam Á được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Ngân hàng thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua hoạt động kinh doanh, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho CBNV Ngân hàng.

- Chính sách tuyển dụng:

Công tác tuyển dụng được thực hiện bài bản, chất lượng hơn, chuyên nghiệp hơn, hướng tới đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nhân sự toàn ngân hàng.

- Tuyển dụng công khai, thống nhất về quy trình, quy định trong toàn hệ thống.
- Thu hút nhân tài, tuyển dụng đúng người theo tiêu chuẩn quy định và bố trí đúng việc để phát huy năng lực, sở trường của CBNV.
- Ưu tiên tuyển dụng lao động có kinh nghiệm đang làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các ứng viên được đào tạo chuyên môn cao ở các trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước theo định hướng nguồn nhân lực của Ngân hàng Nam Á.

- Chính sách đào tạo:

Các hoạt động đào tạo nội bộ được Ngân hàng phối hợp với các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp, tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CBNV toàn hàng cũng như năng lực quản lý của các cấp lãnh đạo.

Ngân hàng Nam Á luôn tạo điều kiện để CBNV có cơ hội đào tạo, phát triển nhằm xây dựng đội ngũ CBNV tinh thông về nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp, nhiệt tình phục vụ khách hàng với phong cách làm việc chuyên nghiệp.

- Toàn bộ CBNV mới tuyển dụng vào Ngân hàng Nam Á sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập nhằm giúp CBNV hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Nam Á, hiểu rõ môi trường làm việc, các sản phẩm của Ngân hàng Nam Á và được đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ để nắm bắt và hòa nhập nhanh nhất với công việc tại Ngân hàng Nam Á.
- Chính sách đào tạo nâng cao: Hàng năm, Ngân hàng Nam Á thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, kiến thức về nghiệp vụ chuyên cho các CBNV trong quá trình làm việc để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao nghiệp vụ, phục vụ tốt cho công việc tại Ngân hàng Nam Á. Kết quả đạt được của CBNV sau mỗi khóa học sẽ là một trong những cơ sở xem xét đề bạt, thăng tiến CBNV.

- Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Ngân hàng Nam Á, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch và sử dụng nguồn nhân lực với những quy định, quy trình rõ ràng. Từ đó tạo động lực phấn đấu cho tất cả các nhân viên cũng như giữ chân nhân tài cho Ngân hàng.

- Ngân hàng có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những CBNV có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong công việc, được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho Ngân hàng. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn nâng tầm quản lý các hoạt động của Ngân hàng trong những năm tiếp theo.
- Ngân hàng có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng năm, qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Ngân hàng.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng tới việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho CBNV phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, bảo đảm tính linh hoạt, công bằng, tương xứng mức độ cống hiến và cạnh tranh trên thị trường lao động. Tại thời điểm 30/09/2023, tổng số nhân viên tăng 657 người (tăng 14,3%) so với thời điểm cuối năm 2022 (4.601 người).

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cũng được Ngân hàng xem xét, điều chỉnh phù hợp theo hướng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của toàn hàng cũng như năng suất, KPIs. Cụ thể:

- Lương và phụ cấp lương: Chi trả thu nhập theo nguyên tắc đảm bảo sự khách quan, công bằng, tương xứng với phạm vi, trách nhiệm, năng lực và kết quả thực hiện công việc của CBNV.
- Thưởng: Ngân hàng Nam Á áp dụng chính sách thưởng nhằm động viên, khuyến khích CBNV toàn hệ thống nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình trên mọi vị trí công tác để xây dựng Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển và lớn mạnh. Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sẽ được tôn vinh và khen thưởng xứng đáng, kịp thời theo những quy định thống nhất, công bằng và công khai, kết hợp khen thưởng tinh thần và khen thưởng vật chất (giấy khen, hiện kim, tham quan du lịch trong hoặc ngoài nước).
- Phúc lợi, đãi ngộ: Bên cạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo từng đối tượng đúng quy định của Pháp luật và nghiêm túc thực hiện việc trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo luật định, Ngân hàng Nam Á đồng thời áp dụng chính sách mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV. Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á có những chế độ khác như cho vay ưu đãi đối với CBNV có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nam Á để tiêu dùng, mua xe gắn máy, xe ô tô, nhà ở... với mức vay và thời gian vay theo quy định của Ngân hàng Nam Á....
- Quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm: Công tác quy hoạch nhân sự kế thừa được thực hiện xuyên suốt thông qua các chương trình thi đua, các chương trình đánh giá, tổ chức các đợt thi nghiệp vụ, ngày hội bán hàng, ... nhằm phát hiện các nhân sự nổi bật, giỏi chuyên môn, vững kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của Đơn vị để đào tạo và bổ nhiệm thăng tiến.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nam Á, các quy định của pháp luật, việc chi trả cổ tức của Ngân hàng Nam Á phụ thuộc các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 56. Chính sách cổ tức của Ngân hàng Nam Á trong 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức/tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	18,7364%	25% (*)

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Tỷ lệ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

11. Tình hình hoạt động tài chính
Bảng 57. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
1. Quy mô vốn			
Vốn chủ sở hữu	7.996.332	12.621.270	14.181.855
Vốn điều lệ	5.134.405	8.464.347	10.580.416
Tổng tài sản	153.288.709	177.629.506	206.900.063
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,40%	8,90%	9,18%
2. Chất lượng tài sản			
Nợ quá hạn (*)	3.629.901	5.520.663	7.562.503
Nợ xấu (**)	1.613.137	1.945.235	3.751.488
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn trên tổng số dư bảo lãnh	0,42%	0,03%	0,47%
Tỷ lệ nợ xấu	1,57%	1,63%	2,84%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	0,99%	1,05%	//
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	19,09%	15,06%	//
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)	3,10%	3,11%	3,10%
4. Khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	18,60%	16,37%	15,96%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của VND	92,10%	91,93%	96,22%

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
Giới hạn đầu tư, góp vốn, mua cổ phần	3,66%	1,84%	4,96%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	72,94%	74,70%	71,36%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	28,81%	23,65%	20,95%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Nợ quá hạn là nợ thuộc các nhóm 2,3,4,5.

(**) Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3,4,5.

Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
1. Quy mô vốn			
Vốn chủ sở hữu	8.024.842	12.649.780	14.216.516
Vốn điều lệ	5.134.405	8.464.347	10.580.416
Tổng tài sản	153.237.506	177.578.734	206.750.696
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	9,46%	8,92%	9,22%
2. Chất lượng tài sản			
Nợ quá hạn (*)	3.629.901	5.520.663	7.562.503
Nợ xấu (**)	1.613.137	1.945.235	3.751.488
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn trên tổng số dư bảo lãnh	0,42%	0,03%	0,47%
Tỷ lệ nợ xấu	1,57%	1,63%	2,84%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROAA)	0,99%	1,06%	//
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	19,02%	15,02%	//
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)	3,12%	3,12%	3,12%
4. Khả năng thanh khoản	Ngân hàng Nam Á chỉ thực hiện quản lý các chỉ tiêu về khả năng thanh khoản riêng lẻ theo quy định của NHNN.		

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Nợ quá hạn là nợ thuộc các nhóm 2,3,4,5.

(**) Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3,4,5.

Năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2023, nền kinh tế phải đối mặt với áp lực về lạm phát, tỷ giá và lãi suất. Đứng trước những khó khăn chung, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực phấn đấu, không ngừng nghiên cứu và thực hiện nhiều chính sách đổi mới. Ngân hàng Nam



Á luôn chú trọng củng cố nền tảng hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo thanh khoản, tập trung công tác xử lý nợ xấu, cơ cấu danh mục theo hướng bền vững và hiệu quả. Đồng thời Ngân hàng Nam Á tiếp tục đẩy mạnh chiến lược mũi nhọn về công nghệ, không ngừng hoàn thiện hệ sinh thái số. Theo đó Ngân hàng Nam Á đã ghi nhận được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Về quy mô

Quy mô của Ngân hàng Nam Á tiếp tục tăng trưởng ở mức khá tốt, bám sát mục tiêu kế hoạch kinh doanh. Tính đến thời điểm 30/09/2023, tổng tài sản hợp nhất của Ngân hàng Nam Á ghi nhận mức 206.750.696 triệu đồng, tăng 16,4% so với kết thúc kỳ năm 2022.

Tại thời điểm 31/12/2022, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Nam Á đạt 12.649.780 triệu đồng tăng 4.624.938 triệu đồng tương ứng tăng 57,6% so với năm 2021, vốn điều lệ đạt mức 8.464.347 triệu đồng, tăng thêm 3.329.9412 triệu đồng so với đầu năm. Đến ngày 30/09/2023, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Nam Á đạt 14.216.516 triệu đồng, tăng 12,39% so với cuối năm 2022; vốn điều lệ đạt 10.580.416 triệu đồng (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023), tăng thêm 2.116.070 triệu đồng so với đầu năm thông qua việc phát hành 211.606.954 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Về chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản của Ngân hàng Nam Á ngày càng được cải thiện tốt hơn cùng với việc tiến hành áp dụng các hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel III. Tỷ lệ nợ xấu qua từng năm 2021; 2022 và tại ngày 30/09/2023 lần lượt là 1,57%; 1,63% và 2,84% luôn đảm bảo duy trì trong giới hạn cho phép của NHNN ($\leq 3\%$).

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) đo lường mức chênh lệch giữa thu từ lãi và chi phí trả lãi mà ngân hàng có thể đạt được thông qua hoạt động kiểm soát chặt chẽ tài sản sinh lời và theo đuổi nguồn vốn có chi phí thấp. Tỷ lệ NIM của Ngân hàng Nam Á kể từ năm 2021 đến 30/09/2023 vẫn luôn duy trì ở mức ổn định với tỷ lệ là 3,12%. Điều này cho thấy Ngân hàng Nam Á đã tối đa hóa các nguồn thu từ lãi và giảm thiểu chi phí từ lãi.

Về tỷ lệ an toàn hoạt động

Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/12/2021; 31/12/2022 và 30/09/2023 đảm bảo cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản luôn được duy trì ở mức trên mức tối thiểu 10% của NHNN và cao hơn so với trung bình các ngân hàng thương mại cổ phần khác. Cụ thể: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản năm 2021 đạt 18,6%, năm 2022 đạt 16,37% và tại ngày 30/09/2023 đạt 15,96%.

Về tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn năm 2021 đạt 28,81% (theo quy định tối đa 37%), năm 2022 đạt 23,65% (theo quy định tối đa 34%) và tại ngày

30/09/2023 đạt 20,95% (theo quy định tối đa 34%). Định hướng của Ngân hàng Nam Á trong thời gian tới:

Theo quy định của Thông tư 08/2020/TT-NHNN thì tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm về 30% vào ngày 01/10/2023, để tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn không vượt mức an toàn, bên cạnh việc cải thiện cơ cấu về kỳ hạn cho vay, Ngân hàng Nam Á cần có những giải pháp tăng trưởng nguồn vốn huy động trung và dài hạn.

Trong bối cảnh kinh tế ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, các yêu cầu về an toàn hoạt động và hiệu quả kinh doanh được đề cao, và áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn. Ngân hàng Nam Á quyết tâm thực hiện chiến lược đầu tư nguồn nhân lực và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực tài chính, mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á sẽ góp phần mở rộng cơ hội kinh doanh và phát triển thị trường của Ngân hàng trong thời gian tới, hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á

Bảng 59. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Ông Trần Ngọc Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.381.665	0,320
3	Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Chủ tịch HĐQT	202.917	0,019
4	Ông Nguyễn Đức Minh Trí	Thành viên HĐQT	-	-
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Đào	Thành viên HĐQT	131.615	0,012
6	Bà Lê Thị Kim Anh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

❖ Ông Trần Ngô Phúc Vũ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1972
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số : 068072004055 cấp ngày 28/08/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 161 Trần Phú, Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cao học Griggs University
- Quá trình công tác :
 - Từ 1990 – 1994 : Nhân viên UBND huyện Bảo Lộc.
 - Từ 1994 – 1997 : Chuyên viên UBND huyện Bảo Lâm.
 - Từ 1997 – 2001 : Phó Giám đốc, Giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Phương.
 - Từ 2001 – 2008 : Tổ trưởng Tổ Tín dụng, Quyền Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 2006 – 2010 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Hà Giang.
 - Từ 2006 – 2009 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè 1 – 5, Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Hà Giang.
 - Từ 2009 – 2010 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Ngọc Bảo.
 - Từ 2006 – 2014 : Thành viên HĐQT CTCP Du Lịch, CTCP Địa Ốc Đà Lạt.
 - Từ 2008 – 2009 : Đặc phái viên của HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 2009 – 2010 : Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 11/2010 – 01/2013 : Giám đốc Khu vực Nam Trung Bộ & Tây Nguyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 02/2013 – 04/2013 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 04/2013 – 04/2014 : Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2014 – 04/2015 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 – 12/2022 : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2022 – nay : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 29.441 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ. Bao gồm:

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trần Ngô Phúc Khoa	Em	283 Trần Phú, Lộc Nga, TP. Bảo Lộc	29.441	0,003
	Tổng cộng			29.441	0,003

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết DHDCTD của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Trần Ngọc Tâm – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1973
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079073002566 cấp ngày 10/01/2020 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 416/34A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 Từ 10/1995 – 10/1998 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Đại Nam.
 Từ 10/1998 – 04/2003 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Phương Nam.
 Từ 04/2003 – 03/2004 : Chuyên viên Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 03/2004 – 02/2008 : Giám đốc Chi nhánh Quang Trung, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 02/2008 – 03/2015 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 03/2015 – 04/2016 : Trưởng Ban đặc phái viên kiêm Trưởng Ban Tái cơ cấu tổ chức, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 04/2016 – 03/2018 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 09/2016 – 03/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng Khoán Bảo Minh.
 Từ 03/2018 – 05/2018 : Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 05/2018 – 12/2022 : Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.



Từ 12/2022 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 3.381.665 cổ phần, chiếm 0,320% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 3.381.665 cổ phần, chiếm 0,320% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 29.438 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ. Bao gồm:

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trần Kiều Thương	Em	32/12 Nguyễn Cửu Văn, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP HCM	29.438	0,003
	Tổng cộng			29.438	0,003

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Thu lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Bà Võ Thị Tuyết Nga – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Ngày tháng năm sinh : 03/05/1966
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079166023005 cấp ngày 07/03/2023 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 246 Khu Phố 3, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác :

- Từ 01/1988 – 12/1988 : Nhân Viên kế toán Hợp tác xã Mua bán Thủ Thiêm.
- Từ 01/1989 – 09/1992 : Nhân Viên kế toán Hợp tác xã Tín dụng An Đông.
- Từ 10/1992 – 02/2002 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh An Đông, Trưởng Phòng Hành chính, Thư ký Văn phòng HĐQT, Kiểm soát viên Phòng Kiểm soát nội bộ, Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2002 – 12/2022 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2011 – 12/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 12/2012 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 202.917 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 202.917 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Đức Minh Trí – Thành viên HĐQT**

- Ngày tháng năm sinh : 21/11/1983
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- CCCD số : 079083008846 cấp ngày 18/12/2017 tại Cục cảnh sát Đăng ký quan ty cư trú và Dữ liệu Quốc gia về dân cư
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 40/7 Xuân Thủy, Phường Tháo Điện, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Từ 08/2007 – 01/2011 : Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Indochina Capital.
 - Từ 02/2009 – 06/2014 : Thành viên HĐQT Công ty Ocean Gate Imports LTD Co.,



Canada.

Từ 01/2011 – 04/2012 : Phó phòng Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A Công ty Cổ phần Chứng Khoán BIDV (BSC).

Từ 04/2012 – 08/2013 : Trưởng Phòng phát triển kinh doanh Công ty Cổ phần Chứng Khoán BIDV (BSC).

Từ 08/2013 – 06/2019 : Thành viên HĐQT Công ty Moderra Development LTD Co., Canada.

Từ 04/2017 – 03/2018 : Phó Giám đốc Trung tâm tín dụng, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 03/2018 – 03/2020 : Phó Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 03/2020 – 07/2020 : Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 07/2020 – 12/2022 : Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 12/2022 – nay : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Thu lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Thanh Đào – Thành viên HĐQT**

- Ngày tháng năm sinh : 29/01/1980
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- CCCD số : 056180011014 cấp ngày 05/12/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : CT6C Vĩnh Diêm Trung, X. Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

- Từ 06/2003 – 04/2005 : Kế toán Công ty Hyundai Vinashin (Khánh Hòa).
- Từ 04/2005 – 10/2010 : Chuyên viên KTKSNB Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 10/2010 – 07/2011 : Tổ trưởng Tổ KTKSNB Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 07/2011 – 11/2013 : Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Ngân hàng TMCP Phương Nam.
- Từ 11/2013 – 08/2014 : Giám đốc Chi nhánh Trường Chinh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 08/2014 – 04/2015 : Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2015 – 12/2021 : Giám Đốc Khu Vực Miền Trung & Tây Nguyên, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 12/2021 – 03/2023 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Hoàng Gia DL.
- Từ 12/2022 – nay : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 131.615 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 131.615 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Bà Lê Thị Kim Anh – Thành viên HĐQT độc lập**

- Ngày tháng năm sinh : 22/01/1984
- Nơi sinh : Đồng Tháp
- CCCD số : 068184003995 cấp ngày 10/08/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Lô BL68 KHQ Yersin, Phường 9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác :



- Từ 10/2005 – 07/2012 : Phó Giám Đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 07/2012 – 05/2015 : Giám Đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long.
- Từ 05/2015 – 08/2015 : Giám Đốc Chi nhánh Đà Lạt, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Từ 08/2015 – 12/2015 : Giám Đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 12/2015 – 11/2018 : Giám Đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt.
- Từ 11/2018 – nay : Trưởng đại diện Vina Realty tại Việt Nam.
- Từ 12/2022 – nay : Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng đại diện Vina Realty tại Việt Nam.
 - Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
 - Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

12.2 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Bảng 60. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Vĩnh Lợi	Trưởng BKS	-	-
2	Bà Đỗ Thị Hồng Trâm	Thành viên BKS	18.563	0,002
3	Bà Nguyễn Thuý Vân	Thành viên BKS	1.319.949	0,125

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

❖ Ông Nguyễn Vinh Lợi – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 16/02/1973
- Nơi sinh : Bình Định
- CCCD số : 052073017704 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : B25-02 Chung cư Đào Kim Cương, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 12/1999 – 10/2003 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 - Từ 10/2003 – 08/2022 : Giám đốc Khu Vực/ Giám đốc Chi nhánh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 8/2022 – 12/2022 : Phó Ban Quản trị Chiến lược Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2022 – nay : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCD của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ Bà Đỗ Thị Hồng Trâm – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 03/03/1980
- Nơi sinh : Kon Tum
- CCCD số : 062180002660 cấp ngày 21/03/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 260B Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.

Hồ Chí Minh

- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 Từ 07/2003 – 01/2004 : Công tác tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Điện Biên.
 Từ 01/2004 – 03/2015 : Phó phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Á Châu.
 Từ 03/2015 – 12/2022 : Trưởng phòng KTKSNB/ Phó Văn phòng HĐQT, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 02/2017 – 06/2023 : Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Greencom.
 Từ 12/2022 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 18.563 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ.
 ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 18.563 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ.
 ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 1.810 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn điều lệ.

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trần Minh Nghĩa	Chồng	260B Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TPHCM	1.810	0,0002
Tổng cộng				1.810	0,0002

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: 40.676.497 đồng (Dư nợ thẻ tín dụng tại ngày 30/09/2023).
 - Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
 - Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.
- ❖ **Bà Nguyễn Thuý Vân – Thành viên Ban Kiểm soát**
- Ngày tháng năm sinh : 17/11/1975
 - Nơi sinh : Hà Nội
 - CCCD số : 033175004639 cấp ngày 07/07/2020 tại Cục Cảnh sát Quản

lý hành chính về Trật tự xã hội

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 4G Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế khoa Quản trị kinh doanh và khoa Tài chính – Tiền tệ – Tín dụng
- Quá trình công tác :
 - Từ 11/1998 – 07/2000 : Kế toán tiết kiệm Chi nhánh Thị Nghè, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 07/2000 – 11/2001 : Nhân viên phòng Tín dụng Hội Sò, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 11/2001 – 12/2004 : Kế toán tín dụng Chi nhánh Thị Nghè, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2004 – 08/2008 : Kiểm tra viên, kiểm toán viên, Chuyên viên Phòng Quản lý tín dụng, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 08/2008 – 07/2010 : Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ quản lý rủi ro vận hành Phòng Quản lý rủi ro, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 07/2010 – 01/2014 : Kiểm toán viên phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 01/2014 – 04/2015 : Phó Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 1.319.949 cổ phần, chiếm 0,125% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 1.319.949 cổ phần, chiếm 0,125% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 101.613 cổ phần, chiếm 0,010% vốn điều lệ.

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Thanh Hải	Con	89 đường 19, Khu B, P. An Phú - An Khánh, TP. Thủ Đức	101.613	0,010

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Tổng cộng			101.613	0,010

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: 24.194.423 đồng (Dư nợ thẻ tín dụng tại ngày 30/09/2023).
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

12.3 Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 61. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng Nam Á

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trần Ngọc Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.381.665	0,320
2	Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	2.950.798	0,279
3	Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.563.788	0,148
4	Hà Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	-	-
6	Nguyễn Vĩnh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	140	0,00001
7	Võ Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	-	-
8	Hồ Nguyễn Thủy Vy	Phó Tổng Giám đốc	109.698	0,010
9	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng	69.480	0,007

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

❖ Ông Trần Ngọc Tâm – Tổng Giám đốc

(Thông tin như tại Phần Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nam Á)

❖ Ông Trần Khải Hoàn – Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Ngày tháng năm sinh : 16/10/1978
- Nơi sinh : Lâm Đồng

- CCCD số : 068078000984 cấp ngày 08/05/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : 29 Trần Trọng Cung, KP1A, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
 - Trình độ học vấn : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác :
- Từ 01/2005 – 11/2006 : Chuyên viên Hội Sở, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 12/2005 – 01/2009 : Trưởng PGD Bảo Lộc, Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 02/2009 – 11/2010 : Trưởng Phòng Tín dụng cá nhân, Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 12/2010 – 11/2011 : Trưởng văn phòng khu vực Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 12/2011 – 02/2013 : Giám đốc Chi nhánh Ninh Thuận, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Từ 02/2013 – 01/2014 : Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2014 – 01/2014 : Trưởng Phòng Quản lý chất lượng – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2014 – 07/2014 : Giám đốc Chi nhánh Hàm Nghi, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 07/2014 – 05/2015 : Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 05/2015 – 04/2016 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2016 – 03/2017 : Trưởng Văn phòng HĐQT, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2017 – 11/2017 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2017 – 04/2018 : Giám đốc Trung tâm Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2018 – 06/2018 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 06/2018 – 10/2019 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2019 – 03/2020 : Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2019 – 05/2019 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh.

Từ 05/2019 – 11/2020 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh.

Từ 04/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc thường trực Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc thường trực.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 2.950.798 cổ phần, chiếm 0,279% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 2.950.798 cổ phần, chiếm 0,279% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 37 cổ phần, chiếm 0,000003% vốn điều lệ.

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Trần Thị Hải Yến	Vợ	29 Trần Trọng Cung, KP. 1A, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM	37	0,000003
	Tổng cộng			37	0,000003

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Hoàng Việt Cường – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 20/02/1977
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- CCCD số : 038077008173 cấp ngày 09/06/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 861/85 Khu phố 4, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

- Từ 05/2008 – 10/2009 : Phó Phòng Kinh doanh Miền Nam Hội sở, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.
- Từ 04/2010 – 04/2013 : Giám đốc Khu vực II Miền Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.
- Từ 04/2013 – 12/2013 : Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 12/2013 – 05/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 05/2014 – 08/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 08/2014 – 10/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 10/2014 – 10/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2014 – 01/2015 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2015 – 03/2015 : Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2015 – 04/2016 : Giám đốc Khu vực TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2016 – 01/2017 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản AMC – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2017 – 01/2018 : Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản AMC – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2018 – 03/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2018 – 05/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 05/2018 – 07/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân và Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 07/2018 – 11/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2018 – 10/2019 : Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2019 – 03/2020 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2019 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 1.563.788 cổ phần, chiếm 0,148% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 1.563.788 cổ phần, chiếm 0,148% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Hà Huy Cường – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 20/06/1978
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- CCCD số : 042078000282 cấp ngày 19/09/2017 tại Cục cảnh sát Đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu Quốc gia về dân cư
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Lô R4-11 Khu R-19, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Từ 01/2001 – 01/2012 : Công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín qua các vị trí Nhân viên tín dụng, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh.
 - Từ 01/2012 – 01/2016 : Công tác tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam qua các vị trí Giám đốc Quản trị rủi ro Miền Nam, Giám đốc Vùng.
 - Từ 01/2016 – 01/2018 : Công tác tại Ngân hàng TMCP An Bình với vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ SME.
 - Từ 01/2018 – 08/2020 : Thành viên Hội Đồng tư vấn Khởi nghiệp Quốc Gia Phía Nam.
 - Từ 04/2020 – 08/2020 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 08/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Lê Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 29/09/1973
- Nơi sinh : Nghệ An
- CCCD số : 040073002747 cấp ngày 04/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nhà 48 – TT4 Đỗ Đình Thiện, KĐT Mỹ Đình Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 12/1995 – 11/2002 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 11/2002 – 01/2003 : Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 01/2003 – 06/2003 : Phó Phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 06/2003 – 03/2004 : Phó Phòng PT Phòng kinh doanh tổng hợp Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 03/2004 – 08/2004 : Trưởng Phòng kinh doanh tổng hợp Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 08/2004 – 02/2013 : Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 02/2013 – 08/2013 : Giám đốc Khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ 08/2013 – 06/2014 : Phó Tổng Giám đốc PT khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc



Chi nhánh Long Biên, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Từ 07/2014 – 08/2017 : Phó Tổng Giám đốc PT Khu vực Miền Bắc, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Từ 08/2017 – 10/2017 : Giám đốc cao cấp PT Khu vực Miền Bắc, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Từ 10/2017 – 09/2020 : Giám đốc cao cấp PT Khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Từ 10/2020 – 11/2022 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Miền Bắc, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 11/2022 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khu vực Miền Bắc kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội, Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khu vực Miền Bắc, kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

♦ **Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 25/12/1984
- Nơi sinh : Bình Định
- CCCD số : 052084000356 cấp ngày 19/02/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 100/1 Nguyễn Hồng, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị dự án

- Quá trình công tác :
 - Từ 08/2007 – 09/2008 : Trưởng dự án FPT Fis Bank HCM.
 - Từ 10/2007 – 04/2009 : Chuyên viên cao cấp Ngân hàng TMCP Tiên Phong.
 - Từ 05/2009 – 04/2010 : Giám đốc dự án OceanTech.
 - Từ 05/2010 – 05/2019 : Chuyên viên cao cấp, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Phó Giám đốc phụ trách Khối Công nghệ thông tin, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 05/2019 – 11/2021 : Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 11/2021 - nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 140 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 140 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Ông Võ Hoàng Hải – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 02/02/1984
- Nơi sinh : Quảng Nam
- CCCD số : 049084000288 cấp ngày 19/04/2019 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : D15.03 Riverside Residence, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính
- Quá trình công tác :

Từ 07/2007 – 07/2008 : Chuyên viên tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 10/2009 – 07/2010 : Trợ giảng Baruch College (City University of New York).

Từ 07/2010 – 04/2015 : Trợ lý Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 05/2015 – 10/2015 : Trưởng phòng Quản trị nguồn vốn, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 11/2015 – 02/2017 : Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 03/2017 – 04/2020 : Trưởng phòng Quản trị vốn & Tài sản, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 05/2020 – 12/2021 : Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng phòng Quản trị vốn & Tài sản, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 01/2022 – 11/2022 : Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng phòng Quản trị vốn & Tài sản, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 12/2022 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

❖ **Bà Hồ Nguyễn Thủy Vy – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1977
- Nơi sinh : Bình Định
- CMND số : 211622639 cấp ngày 09/01/2018 tại CA Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 140A Phan Văn Trị, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác :
 - Từ 05/2000 – 11/2001 : Kế toán Công ty đá ốp lát và xây dựng (trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Miền Trung).
 - Từ 12/2001 – 02/2003 : Kế toán viên Chi nhánh Nha Trang, Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 03/2003 – 11/2006 : Kế toán trưởng Chi nhánh An Đông, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2006 – 06/2012 : Phó Phòng Kế toán, Phòng Quản lý Thẻ, Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Phòng Quản trị nguồn vốn, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 07/2012 – 03/2015 : Trưởng phòng Quản trị nguồn vốn, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 – 03/2016 : Phó Giám đốc Khối vốn và Kinh doanh tiền tệ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2016 – 10/2017 : Giám đốc Khối vốn và Kinh doanh tiền tệ kiêm Trưởng phòng Kinh doanh vốn, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 11/2017 – 01/2023 : Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 02/2023 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 109.698 cổ phần, chiếm 0,010% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 109.698 cổ phần, chiếm 0,010% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng Nam Á.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.
- ❖ **Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan – Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng**
 - Ngày tháng năm sinh : 12/11/1979
 - Nơi sinh : An Giang
 - CCCD số : 089179011987 cấp ngày 07/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội
 - Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 381/23A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 08/2005 – 11/2008 : Kế toán viên Phòng Kế toán Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2008 – 08/2010 : Kiểm soát Kế toán Phòng Kế toán Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 08/2010 – 06/2012 : Phó Phòng Kế toán Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 06/2012 – 07/2015 : Phó phụ trách Phòng Quản trị Tài chính, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 07/2015 – 11/2015 : Phó phòng Quản trị Tài chính, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 12/2015 – 03/2016 : Phó phụ trách Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 03/2016 – 04/2018 : Trưởng Phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 04/2018 – 01/2022 : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 01/2022 – 11/2022 : Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 12/2022 – nay : Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Nam Á
- Chức vụ công tác hiện nay tại Ngân hàng TMCP Nam Á: Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 69.480 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 69.480 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 4.143 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ.

Stt	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Minh Hải	Em	A5.01 Chung cư An Lộc, Phường 17, Quận Gò Vấp, TPHCM	4.143	0,0004
	Tổng cộng			4.143	0,0004

- Các khoản nợ đối với Ngân hàng Nam Á: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi khác của Ngân hàng.
- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng TMCP Nam Á: Không có.

13. Tài sản

Bảng 62. Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/09/2023 (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	1.543.039	663.584	879.455
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	782.115	180.273	601.842
2. Máy móc thiết bị	453.959	275.841	178.118
3. Phương tiện vận tải	247.649	160.465	87.184
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	41.056	32.963	8.093
5. TSCĐ hữu hình khác	18.260	14.042	4.218
II. Tài sản cố định vô hình	736.353	159.604	576.749
1. Quyền sử dụng đất có thời hạn	205.586	8.961	196.625
2. Quyền sử dụng đất không thời hạn	356.379	-	356.379
3. Phần mềm máy tính	174.388	150.643	23.745
III. Tài sản cố định thuê tài chính	146.815	47.930	98.885
Tổng cộng	2.426.207	871.118	1.555.089

Nguồn: BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 63. Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/09/2023 (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. Tài sản cố định hữu hình	1.543.855	664.400	879.455
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	782.115	180.273	601.842
2. Máy móc thiết bị	453.960	275.841	178.119
3. Phương tiện vận tải	248.463	161.281	87.182
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	41.057	32.963	8.094
5. TSCĐ hữu hình khác	18.260	14.042	4.218
II. Tài sản cố định vô hình	736.353	159.604	576.749
1. Quyền sử dụng đất có thời hạn	205.586	8.961	196.625
2. Quyền sử dụng đất không thời hạn	356.379	-	356.379
3. Phần mềm máy tính	174.388	150.643	23.745
III. Tài sản cố định thuê tài chính	147.636	48.112	99.524
Tổng cộng	2.427.844	872.116	1.555.728

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 64. Một số bất động sản tiêu biểu thuộc sở hữu của Ngân hàng Nam Á

DVT: Đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá
1	Tòa nhà Ngân hàng Nam Á số 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TPHCM	545.817.369.047
2	Thửa đất số 535, KDC Hưng Phú 1, ô số 3A KDTM Nam Sông Cần Thơ	520.233.706.372
3	Căn nhà số 29-31 Đường 23/3, Phường Nghĩa Trung, TP. Gia Nghĩa, T. Đắk Nông	45.225.000.000
4	Căn nhà số 40 Đường 16/4, Phường Tân Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, T. Ninh Thuận	25.845.017.266
5	Căn nhà số 309 ĐL. Bình Dương, KP.12, Phường Chánh Nghĩa TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	25.522.754.381
6	Căn nhà số 199/24 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TPHCM	20.567.387.000
7	Căn nhà số 631 Lê Hồng Phong - 384/50/31 Lý Thái Tổ, P.10, Q.10, TPHCM	17.017.945.816
8	Căn nhà số 123 Hùng Vương, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước	14.482.362.357
9	Căn nhà số 181-183 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	12.695.799.347

Stt	Tài sản	Nguyên giá
10	Căn nhà số 191-191A Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q.12, TPHCM	12.253.149.633
11	Căn nhà số 208 (số cũ 83) Ba Cu, Phường 3, TP. Vũng Tàu	10.791.910.000
12	Căn nhà 594 (số cũ 386) Thống Nhất, P. Đạo Long, TX .Phan Rang, Tháp Chàm, T. Ninh Thuận	9.892.514.101
13	983 (số cũ 711A) Ngô Quyền, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP.Đà Nẵng	9.698.895.462
14	Căn nhà 596 Thống Nhất, P. Đạo Long, TX. Phan Rang, Tháp Chàm, T. Ninh Thuận	9.514.514.100
15	Căn nhà số 314 Võ Duy Linh, KP. 4, P.1, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	9.292.666.224
16	Căn nhà hà 572 (Số cũ 88D) Lũy Bán Bích P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TPHCM	7.951.800.000
17	Căn nhà số 315 Võ Duy Linh, KP. 4, P.1, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	5.478.776.774
18	Căn nhà số 316 Võ Duy Linh, KP. 4, P.1, TX. Gò Công, T. Tiền Giang	5.478.776.774

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Các bất động sản trên được sử dụng cho mục đích làm địa điểm phục vụ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng Nam Á

Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2023 như sau:

Bảng 65. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	tăng/giảm so với năm trước (%)	Giá trị	tăng/giảm so với KH năm 2023 (%)
Tổng tài sản	205.000	15,41	290.000 - 310.000	41,46 - 51,22
Huy động vốn khách hàng cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá	155.000	12,76	235.000 - 260.000	51,61 - 67,74

Chi tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	tăng/giảm so với năm trước (%)	Giá trị	tăng/giảm so với KH năm 2023 (%)
Dư nợ cho vay cá nhân, tổ chức kinh tế	132.000	10,42	200.000 - 220.000	51,52 - 66,67
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Doanh thu thuần)	6.608	10,98	8.762	32,60
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần (Thu nhập lãi thuần)	5.778	13,42	7.442	28,80
Lợi nhuận trước thuế	2.600	14,72	3.800	46,15
Lợi nhuận sau thuế	2.080	15,05	3.040	46,15
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,48%	1,11	34,70%	3,22
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	36,00%	0,51	40,80%	4,85
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	15,19%	0,17	18,03%	2,84
Tỷ lệ cổ tức	25,00%	0	25,00%	0

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Chi tiêu kế hoạch về tổng tài sản; huy động vốn khách hàng cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá; Dư nợ cho vay cá nhân, tổ chức kinh tế và Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á năm tài chính 2023 được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng Nam Á thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/03/2023. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu tài chính khác được Hội đồng quản trị dự phóng dựa trên cơ sở tình hình thực tế của Ngân hàng Nam Á. Kế hoạch phân phối lợi nhuận (bao gồm việc chi trả cổ tức) năm 2023 sẽ được Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2024, dựa trên kết quả kinh doanh năm 2023 và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Ngân hàng Nam Á năm tài chính 2024 chưa được ĐHĐCĐ thông qua, kế hoạch này được Hội đồng quản trị dự báo dựa trên bối cảnh hoạt động của năm tài chính 2024. Kế hoạch phân phối lợi nhuận (bao gồm việc chi trả cổ tức) năm 2024 sẽ được Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2025, dựa trên kết quả kinh doanh năm 2024 và tình hình thực tế của Ngân hàng.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên được xây dựng dựa trên mô hình hoạt động hiện tại của Ngân hàng Nam Á, được dự báo dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm trước, định hướng/chiến lược phát triển của Ngân hàng Nam Á và dự báo phát triển của ngành ngân hàng trong thời gian tới.

Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, Ngân hàng đã vạch ra các giải pháp điều hành trọng tâm trong năm 2023 như sau:

- Giải pháp về công tác quản trị điều hành:
 - o Nhất quán và kiên định mô hình quản trị điều hành theo nguyên tắc “Quản trị tập trung – Điều hành phân tán”, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong định hướng quản trị hoạt động.
 - o Tập trung xây dựng chiến lược, phương án tái cơ cấu gắn liền với xử lý nợ xấu đến năm 2025 và giám sát thực hiện mục tiêu chiến lược ngân hàng.
 - o Kết nối văn hóa doanh nghiệp với chiến lược điều hành, tối ưu hóa chính sách nhân sự và thúc đẩy gia tăng năng suất lao động; củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch đội ngũ lãnh đạo chủ chốt.
- Giải pháp về đẩy mạnh chuyển đổi số:
 - o Từng bước kiện toàn nền tảng chiến lược chuyển đổi số, chú trọng chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh theo xu thế hiện đại, duy trì trong nhóm ngân hàng dẫn đầu về chuyển đổi số tại Việt Nam; đầu tư phát triển công nghệ và nguồn nhân lực hàm lượng công nghệ cao.
 - o Kiến định mục tiêu làm chủ năng lực dữ liệu, đào tạo nhân lực, quy trình vận hành dựa trên nền tảng công nghệ số, xây dựng khung phát triển năng lực dữ liệu đầy đủ chính xác.
 - o Hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình tác nghiệp, chú trọng gia tăng hàm lượng số hóa và tinh gọn quy trình quy chế, hướng đến quản trị tác nghiệp, vận hành theo 02 tiêu chí: Năng suất và Chất lượng.
- Giải pháp về chiến lược kinh doanh:
 - o Tiếp tục thực hiện các giải pháp chuyển đổi mô hình kinh doanh sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ, nhằm gia tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng cơ cấu thu nhập. Đảm bảo thu nhập dịch vụ tăng 1,7 – 1,8 lần/năm, từng bước đưa tỷ lệ thu nhập ngoài lãi/tổng thu nhập tới mức 16% – 17% vào năm 2025.
 - o Tối ưu hóa việc sử dụng hạn mức tăng trưởng tín dụng tập trung nhóm khách hàng bán lẻ và thúc đẩy tín dụng xanh, ngân hàng xanh nâng dần tỷ trọng cấp tín dụng xanh theo chủ trương của NHNN.



- Thực thi các giải pháp nhằm tăng trưởng đột phá cơ sở khách hàng, tăng cường khai thác hệ khách hàng qua kênh số, mở rộng liên kết các đối tác và hệ sinh thái Onebank.
- Xây dựng chiến lược về kiểm soát giá vốn, cơ cấu danh mục huy động đặc biệt tăng trưởng CASA bền vững nhằm kiểm soát lãi suất huy động tăng thấp hơn của ngành.
- Đẩy mạnh phát triển Kênh ngân hàng số, hướng đến số hóa toàn bộ danh mục sản phẩm, quy trình vận hành, hệ thống phân phối, ... thỏa mãn mọi nhu cầu tài chính của khách hàng.
- Phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế; hình thức, thời điểm, địa bàn, ... mở rộng mạng lưới sẽ được nghiên cứu lựa chọn phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ.
- Phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế; hình thức, thời điểm, địa bàn, ... mở rộng mạng lưới sẽ được nghiên cứu lựa chọn phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ.
- Tiếp tục khẳng định và nâng tầm thương hiệu, hướng đến mục tiêu thương hiệu được công nhận và đánh giá cao bởi các tổ chức trong và ngoài nước.
- Giải pháp về chiến lược quản trị rủi ro:
 - Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng của các cá nhân, bộ phận liên quan đến việc triển khai và áp dụng Basel III, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp để triển khai Basel III trong thời gian tới.
 - Đẩy mạnh việc áp dụng các mô hình, công cụ đo lường và quản lý rủi ro trên nền tảng mô hình dữ liệu chuẩn, số hóa; tăng cường năng lực giám sát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của ngân hàng. Đặc biệt chú trọng giải pháp về an ninh, bảo mật hiện đại (thông tin, dữ liệu khách hàng).
- Giải pháp về chiến lược tài chính:
 - Tối ưu hóa bảng cân đối và đa dạng hóa nguồn vốn: thu hút nhà đầu tư/nhà đầu tư chiến lược nước ngoài cho mục tiêu đa dạng hóa sở hữu; chủ động tiếp cận nguồn vốn từ các định chế tài chính địa phương và tổ chức tài chính quốc tế nhằm cơ cấu lại nguồn vốn trung dài hạn theo hướng bền vững.
 - Quản trị chi phí tập trung, giảm tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập; kiểm soát chi phí hoạt động theo hướng tiết kiệm và hiệu quả; tăng cường tối đa tài sản sinh lời cải thiện NIM hệ thống.
 - Tiến tới hoàn tất quá trình triển khai áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua
 ĐHĐCĐ Ngân hàng Nam Á đã thông qua Tờ trình số 283/2023/TTQT-NHNA ngày 17/03/2023 về việc góp vốn, mua cổ phần của Hội đồng quản trị, trong đó chấp thuận chủ trương việc Ngân hàng Nam Á:

- Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh: bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; bảo hiểm;
- Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực: quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin tín dụng;
- Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
- Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác ngoài các lĩnh vực quy định tại điểm (c) nêu trên sau khi được NHNN chấp thuận.

Theo đó, ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và tổ chức thực hiện các thủ tục góp vốn, mua cổ phần, thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành. HĐQT báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

14.4 Kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2023

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 17/03/2023 của Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành việc phát hành 211.606.954 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, Ngân hàng Nam Á đã tăng vốn điều lệ thêm 2.116.069.540.000 đồng, nâng vốn điều lệ từ mức 8.464.346.610.000 đồng lên mức 10.580.416.150.000 đồng. Mức vốn điều lệ này được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023.

Như vậy trong năm 2023, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 17/03/2023.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á nhằm đưa ra những đánh giá về kế hoạch kinh doanh mà Ngân hàng Nam Á đã xây dựng.

Nếu không có những biến động bất thường tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Ngân hàng Nam Á đưa ra là có tính khả thi trừ trường hợp xảy ra những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Ngân hàng cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo

đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của ngân hàng chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Ngân hàng

16.1 Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi tại thời điểm 30/09/2023

Tính đến thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có số dư đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là: 1.410 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 tỷ đồng.
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 1.410 tỷ đồng.

Sr	Kỳ hạn	Giá trị (Tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành
1	10 năm	200	7,8	24/09/2019
2	03 năm	100	4,4	27/05/2022
3	06 năm	400	9,5	26/06/2023
4	06 năm	300	9,7	29/06/2023
5	06 năm	410	9,7	30/06/2023
	Tổng cộng	1.410		

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

16.2 Chứng chỉ tiền gửi đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán tại thời điểm 30/09/2023

Đến thời điểm 30/09/2023 Ngân hàng Nam Á có số dư đã phát hành 6.948 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn từ 12 – 72 tháng cho khách hàng cá nhân và 4.750 tỷ chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng cho tổ chức và định chế tài chính khác.

Loại CCTG	Kỳ hạn	Giá trị (Tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành
CCTG phát hành cho KH cá nhân	12 – 72 tháng	6.948	7,1 – 9,7	Từ ngày 21/12/2016 đến ngày 30/09/2023
CCTG phát hành cho tổ chức/định chế tài chính khác	Dưới 12 tháng	4.750	5,9 - 9,5	Từ ngày 13/12/2022 đến ngày 30/09/2023

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

16.3 Những cam kết hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có một số cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản cam kết giao dịch hối đoái, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng, bảo lãnh khác...

Cụ thể tại thời điểm 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có một số các cam kết ngoại bảng như sau:

DVT: Triệu đồng

Số dư 30/09/2023	Hợp nhất	Riêng lẻ
Cam kết giao dịch hối đoái	32.222.082	32.222.082
<i>Trong đó:</i>		
Cam kết giao dịch hoán đổi	32.021.250	32.021.250
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	6.350.290	6.350.290
Bảo lãnh khác	7.089.594	7.089.594
Tổng cộng	45.661.966	45.661.966

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Tính đến thời điểm đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng Nam Á không phát sinh bất cứ tranh chấp pháp luật nào.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

1.058.041.615 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ".

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]



Bảng 66. Danh sách cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng

DVT: Cổ phần

Stt	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng
1	Trần Ngọc Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.381.665
2	Võ Thị Tuyết Nga	Phó Chủ tịch HĐQT	202.917
3	Nguyễn Thị Thanh Đào	Thành viên HĐQT	131.615
4	Đỗ Thị Hồng Trâm	Thành viên BKS	18.563
5	Nguyễn Thuý Vân	Thành viên BKS	1.319.949
Tổng cộng			5.054.709

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Căn cứ theo quy định tại Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, "Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".

Bảng 67. Danh sách cổ đông là người nội bộ Ngân hàng Nam Á hạn chế chuyển nhượng

DVT: Cổ phần

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng (CP)		
			Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại SGDCK	Trong thời gian 01 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại SGDCK	Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các TCTD
1	Trần Ngọc Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.381.665	3.381.665	3.381.665

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng (CP)		
			Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại SGDCK	Trong thời gian 01 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại SGDCK	Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các TCTD
2	Võ Thị Tuyết Nga	Phó Chủ tịch HĐQT	202.917	202.917	202.917
3	Nguyễn Thị Thanh Đào	Thành viên HĐQT	131.615	131.615	131.615
4	Đỗ Thị Hồng Trâm	Thành viên BKS	18.563	18.563	18.563
5	Nguyễn Thuý Vân	Thành viên BKS	1.319.949	1.319.949	1.319.949
6	Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	2.950.798	1.475.399	-
7	Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.563.788	781.894	-
8	Nguyễn Vĩnh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	140	70	-
9	Hồ Nguyễn Thúy Vy	Phó Tổng Giám đốc	109.698	54.849	-
10	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng	69.480	34.740	-
Tổng cộng			9.748.613	7.401.661	5.054.709

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

5. Xếp hạng tín nhiệm:

Ngày 25/08/2023, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã ra thông báo về việc hoàn thành rà soát xếp hạng tín nhiệm định kỳ cho Ngân hàng Nam Á. Theo đó, Ngân hàng Nam Á tiếp tục được Moody's duy trì mức xếp hạng tín nhiệm B2 và triển vọng "ổn định". Trong đó, Moody's đánh giá 02 tiêu chí: Xếp hạng rủi ro đối tác dài hạn (Long term CRR) và Đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của Ngân hàng Nam Á đạt mức B1.

6. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên) của cổ phiếu được xác định dựa trên tham khảo các phương pháp tính giá, bao gồm: (i) Phương pháp giá trị sổ sách, (ii) Phương pháp giá thị trường và (iii) Phương pháp so sánh P/B; P/E.

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do HĐQT quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6.1 Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/09/2023 được xác định theo công thức sau:

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Bảng 68. Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/09/2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/09/2023
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	14.273.008
2	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Triệu đồng	-
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	1.058.041.615
4	Giá trị sổ sách	Đồng/cổ phiếu	13.490

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

6.2 Phương pháp giá thị trường

Giá cổ phiếu theo phương pháp giá thị trường được xác định bằng bình quân giá tham chiếu cổ phiếu của 30 (ba mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM.

6.3 Phương pháp so sánh P/B, P/E

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B:

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS \times P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B: Bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E:

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân: Giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: Tỷ lệ SHNN tối đa của Ngân hàng Nam Á là 30% (Theo công văn số 5887/UBCK-PTTT ngày 05/10/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước).

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Ngân hàng Nam Á ngày 30/09/2023, Ngân hàng Nam Á có 44 cổ đông nước ngoài, sở hữu 681.703 cổ phần, chiếm 0,066% vốn điều lệ.

8. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toán diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán cổ phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như nhà đầu tư nước ngoài) phải tuân theo các quy định riêng.

8.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Ngân hàng Nam Á phải chịu là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng:

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng mà Ngân hàng Nam Á phải chịu là 10%/năm.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng cổ phần sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

c. Các loại thuế khác:

Ngân hàng Nam Á thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

8.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

a. Thuế áp dụng với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ

đồng là cá nhân có thể phải nộp 02 loại thuế sau: (i) thuế đối với việc chuyển nhượng chứng khoán; và (ii) thuế đối với cổ tức được chia từ Ngân hàng Nam Á.

- Thuế đối với việc chuyển nhượng chứng khoán
 - o Đối với nhà đầu tư trong nước: Căn cứ theo Thông tư số 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2018; Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - o Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thuế đối với cổ tức
 - o Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Ngân hàng Nam Á bằng tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.
 - o Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

b. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

- Thuế đối với việc chuyển nhượng chứng khoán:
 - o Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - o Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thuế đối với cổ tức:
 - o Nhà đầu tư tổ chức được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]

**Bảng 69. Tình hình nghĩa vụ nộp thuế của Ngân hàng Nam Á
đối với ngân sách Nhà nước**

DVT: Triệu đồng

Thời điểm	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	Đã hoàn thành
		Số phải nộp	Số đã nộp		
31/12/2021	138.038	450.463	493.912	94.589	Đã nộp tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022
31/12/2022	94.589	637.104	611.689	120.004	Đã nộp tháng từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2023
30/09/2023	120.004	547.832	552.025	115.811	Đã nộp trong tháng 10/2023

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng quý III năm 2023 của Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á luôn nộp thuế đúng quy định. Tính đến hiện nay, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật thuế.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính****Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3821 9266

Fax: (84-28) 3821 9267

Website: www.kpmg.com.vn**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3824 5252

Fax: (84-28) 3824 5250

Website: www.ey.com**2. Tổ chức tư vấn:****Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS**

Địa chỉ: 40 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6268 6868

Fax: (84-28) 6255 5939

Website: www.sbsc.com.vn*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

VIII. PHỤ LỤC

- ♦ Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- ♦ Phụ lục II: Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á;
- ♦ Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
- ♦ Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2021, năm 2022 (riêng lẻ và hợp nhất) đã được kiểm toán của Ngân hàng TMCP Nam Á; Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán quý III năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 (riêng lẻ và hợp nhất);
- ♦ Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật;

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2023

ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á****PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC****CHỦ TỊCH HĐQT****Trần Ngọc Tâm****Trần Ngô Phúc Vũ****TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT****Nguyễn Vinh Lợi****GIÁM ĐỐC KHỐI TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG****Nguyễn Thị Mỹ Lan**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Lụa